

3
S

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

VI QUANG THỌ

ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA CÁ NHÂN

Khái niệm và nguyên tắc nghiên cứu



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1998

OC
V

6

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

VI QUANG THỌ

ĐỜI SỐNG TINH THÂN CỦA CÁ NHÂN:

Khái niệm và nguyên tắc nghiên cứu

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 1998

MỤC LỤC

	Trang
Phần mở đầu	7
Chương I : Khái niệm, những khía cạnh cơ bản và nguyên tắc nghiên cứu đời sống tinh thần	23
1. Đời sống tinh thần của cá nhân : Lý tưởng và hiện thực	23
2. Những khía cạnh cơ bản nghiên cứu đời sống tinh thần	52
3. Quan điểm lịch sử - cụ thể và nguyên tắc hệ thống trong nghiên cứu lĩnh vực tinh thần của cá nhân.	71
Chương II : Những yếu tố cơ bản của đời sống tinh thần con người và vấn đề tự hoàn thiện đạo đức của cá nhân ở giai đoạn hiện đại	101
1. Mục đích, giá trị, lý tưởng - Những kích thích tinh thần.	101
2. Giao tiếp - Điều kiện quan trọng để hình thành những giá trị tinh thần	129
3. Vấn đề tự hoàn thiện đạo đức. Động thái định hướng giá trị của cá nhân hiện nay.	159
Kết luận	185

PHẦN MỞ ĐẦU

Đời sống tinh thần của cá nhân - Đây không phải là vấn đề hoàn toàn mới được nghiên cứu trong triết học và các khoa học xã hội khác. Từ trước tới nay, các nhà triết học đã chú ý nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, đã chứng minh đời sống tinh thần được dựa trên cơ sở ưu tiên trước của đời sống vật chất. Sự phát triển năng động và hiệu quả của sản xuất vật chất, tất yếu kéo theo việc xác lập những điều kiện cần thiết và nhu cầu phát triển của sản xuất tinh thần, cùng toàn bộ đời sống tinh thần của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Mặt khác, quá trình phát triển đời sống tinh thần cũng có tính quy luật riêng của nó, có rất nhiều khía cạnh chưa được nghiên cứu thoả đáng từ trước tới nay. Các nhà triết học đã nghiên cứu và đưa ra các khía cạnh biểu hiện khác nhau của đời sống tinh thần : chẳng hạn, các khía cạnh bản thể luận, nhận thức luận, nhận thức luận - xã hội, xã hội học, khía cạnh giá trị v.v...

Cần nhấn mạnh rằng, trong những năm 60 của thế kỷ này, những nghiên cứu xuất phát từ *quan điểm*

giá trị đã bị phê phán gay gắt. Điều này có thể giải thích là trong những thời gian đó chưa có được những cơ sở cho quan điểm giá trị phát triển trong nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và trong triết học nói riêng (đặc biệt là những cơ sở có tính chất toàn cầu liên quan tới sự phát triển của đời sống xã hội). Từ trước tới nay, trong quan niệm, cũng như trong thực tế, tồn tại một quan điểm cho rằng : con người là phương tiện để đạt được những mục đích vụ lợi, thực dụng. Quan điểm "kỹ trị" thì cho rằng : con người được xác định với tư cách là "cái đỉnh ốc của guồng máy xã hội".

Lịch sử loài người và cuộc đời mỗi con người trong những khoảng thời gian nhất định đã có những trang sử khốc liệt, giày vò lương tâm của bao người lương tri trên toàn thế giới. Trong những điều kiện hiện đại ngày nay, nhu cầu tinh thần không ngừng nảy sinh và phát triển, là mối quan tâm lớn không những của từng quốc gia, từng dân tộc, mà còn của mỗi gia đình và mỗi người. Chăm lo tới "sự nghiệp trồng người", tới đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân là một trong những nhiệm vụ trung tâm của Đảng và của nhân dân ta. Nâng cao tính tinh thần trong hệ thống những giá trị và nhu cầu xã hội là một trong những nét cơ bản của thời đại chúng ta. Ngày nay, cùng với nhận thức về vai trò ngày càng tăng của

nhân tố con người trong các chương trình, hoạt động xã hội, các nhà khoa học đã và đang bàn luận tới một quan niệm mới về con người. Con người - với tư cách là chủ thể của lịch sử và tiến bộ của toàn nhân loại ; chính bản thân con người là giá trị cao nhất của tự nhiên và xã hội, là mục đích - tự thân của sự phát triển xã hội. Quan niệm mới về con người đã làm thay đổi bộ mặt của triết học và tạo đà phát triển khoa học triết học về con người. Trong hoạt động tinh thần của mọi người, những nhu cầu và lợi ích cao nhất được hình thành, những mục đích tương lai được xác lập, những giá trị tinh thần được biểu hiện, những phương thức để thực hiện lý tưởng trong đời sống thực tiễn của mọi người được xác định. Hoạt động của con người luôn có tính hướng đích, có ý thức và có tính giá trị - tinh thần. Sản xuất phát triển mạnh mẽ, toàn diện và hài hoà cùng với việc tiêu dùng những giá trị tinh thần ở giai đoạn hiện đại là dấu hiệu của sự chín muồi và phát triển sinh lực của xã hội, của nhân dân, của cá nhân. Nâng cao tinh thần - là một trong những mục đích của quá trình đổi mới. Việc giáo dục, phát triển văn hoá và tinh thần nói chung cho mỗi người và xã hội là nhiệm vụ có tính chất chiến lược của Nhà nước và toàn dân. Ý nghĩa quan trọng về mặt phương pháp luận đối với

vấn đề nghiên cứu đời sống tinh thần là nhận thức được tính phức tạp và đa dạng của các hiện tượng tinh thần trong đời sống tinh thần xã hội và cá nhân. Ý nghĩa quan trọng đó còn đòi hỏi phát hiện những khuynh hướng và tính quy luật của các hiện tượng tinh thần, vị trí và vai trò biến đổi của chúng trong đời sống con người. Tầm quan trọng đó càng làm tăng thêm vai trò của khoa học, nghệ thuật, giáo dục và các khía cạnh quan trọng khác trong đời sống tinh thần ở thời kỳ hiện đại. Quan tâm tới đời sống tinh thần, tới những vấn đề có tính chất phương pháp luận để nghiên cứu nó là đòi hỏi không chỉ bởi nhu cầu thực tiễn, mà còn là mục đích và nhiệm vụ của khoa học xã hội, thậm chí của cả khoa học tự nhiên. Điều đó chứng minh rằng, ở giai đoạn hiện đại, khía cạnh giá trị trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản có tính chất phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học. Việc tăng cường vai trò "nhân tố con người" trong tất cả các quá trình xã hội không thể không chú ý tới khía cạnh giá trị trong sự phát triển của con người, chú ý tới việc xác định mục đích và lẽ sống, tới việc nâng cao giá trị của tồn tại con người, cuộc sống và sự phát triển nhân cách.

Đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân với những hình thức biểu hiện cụ thể của nó, cũng như

từng nhóm giá trị tinh thần riêng biệt sản sinh trong đó, được triết học và các khoa học chuyên ngành nghiên cứu.

Trong các tài liệu triết học xôviết tồn tại quan điểm về mối tương quan giữa đời sống tinh thần và ý thức. Một số tác giả đã đồng nhất đời sống tinh thần với ý thức (các tác giả theo quan điểm "sản xuất tinh thần" và định nghĩa về ý thức trong Bách khoa toàn thư triết học xôviết). Chẳng hạn, trong cuốn sách "Những vấn đề về đời sống tinh thần của xã hội, tác giả Duráplop V.V. viết : "Các hình thức xã hội - đó là cả một thời đại đời sống tinh thần của xã hội, được qui định bởi những quan hệ xã hội nhất định và được phân biệt bởi đặc tính nhận thức hiện thực, bởi các cách thức tác động vào hiện thực, và cũng bởi cấu trúc bên trong đặc biệt của đời sống tinh thần".¹

Một số tác giả khác định nghĩa khái niệm "Ý thức xã hội" rộng hơn khái niệm "Đời sống tinh thần" (ví dụ : S.A. Xtépanhan trong cuốn sách "Thế giới tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển", Mátxcova, NXB "Khoa học" 1978). Tugarinốp V.P.

1. Duráplop V.V. Những vấn đề về đời sống tinh thần của xã hội. Raxtop trên sông Đông, 1972, trang 85 (tiếng Nga).

trong cuốn sách "Triết học của ý thức" đã phê phán quan điểm đồng nhất hai khái niệm trên. Tác giả khẳng định : "... Đời sống tinh thần của xã hội không phải là ý thức, mà đó chính là đời sống"¹. Các tác giả theo quan điểm thứ 3 thì khẳng định rằng, khái niệm "đời sống tinh thần" rộng hơn khái niệm "ý thức xã hội" [Quan điểm của V.F. Xamôilencô trong cuốn sách "Thế giới tinh thần của xã hội và sự phát triển cá nhân" (M., 1978, NXB "Tri thức"), hoặc quan điểm của A.K. Ulêđốp trong cuốn sách : "Đời sống tinh thần của xã hội" (M., NXB "Tu tưởng", 1980, tiếng Nga)]. Rõ ràng là nếu chỉ chú ý định nghĩa phạm vi khái niệm thì không thể nào giải quyết được nội dung và ý nghĩa của khái niệm.

Trong định nghĩa đời sống tinh thần của xã hội tồn tại hai quan điểm chính : 1) Định nghĩa thông qua mối tương quan giữa đời sống tinh thần và khái niệm ý thức xã hội ; 2) Định nghĩa thông qua mối tương quan với khái niệm văn hoá tinh thần. Các tác giả cuốn sách : "Xây dựng chủ nghĩa cộng sản và thế giới tinh thần con người" đã xem xét đời sống tinh thần của xã hội như là tổng hoà tất cả các hiện tượng

1. Tugarinốp V.P. Triết học của ý thức. M., 1971, tr.120-121 (tiếng Nga)

tinh thần được biểu hiện trong xã hội ; nó có quan hệ tới ý thức xã hội và ý thức cá nhân, với tư cách là tập hợp tất cả những giá trị tinh thần.

A.K. Ulédốp, trong cuốn sách của mình "Đời sống tinh thần của xã hội" đã định nghĩa như sau : "Đời sống tinh thần của xã hội, về bản chất là quá trình tồn tại hiện thực của mọi người, còn thực tế thì đó là cách thức hoạt động sống có tính chất xã hội và là lĩnh vực độc lập tương đối, có liên quan tới sản xuất và truyền bá ý thức, tới việc thoả mãn những nhu cầu tinh thần của mọi người"¹.

Các tác giả khác (L.I. Kadakôva, N.I. Pótgornúc) coi đời sống tinh thần với tư cách là sự thống nhất giữa các hoạt động tinh thần, các quan hệ tinh thần và ý thức (3 nhân tố cấu thành hệ thống : hoạt động tinh thần - quan hệ tinh thần - ý thức).

Vấn đề đời sống tinh thần của cá nhân được nhiều nhà khoa học xôviết nghiên cứu :

B.V.Xáprônốp và L.N. Đôrôgôva đã đưa ra những nhân tố hoặc các lĩnh vực quan trọng cấu thành hệ thống thế giới tinh thần của cá nhân : 1) Lĩnh vực duy lý,

1. A.K.Ulédốp. Đời sống tinh thần của xã hội. M., "Tu tưởng", 1980, tr.38-39 (tiếng Nga).

sự biến thể một phần nào đó của các cấp độ lý luận của ý thức xã hội ; 2) lĩnh vực tình cảm - cảm giác, xúc động ; sự học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tế của cá nhân trong đời sống hàng ngày ; 3) ý chí như là sự tổng hoà giữa lý trí và tình cảm, là sự thể hiện thực tế của hai lĩnh vực ban đầu".¹

E.V. Ôxinhúc đưa ra quan điểm khác khi nghiên cứu cấu trúc thế giới tinh thần con người ; theo tác giả, nhân tố đầu tiên đó là tri thức, được thể hiện ở phạm vi lý trí và tình cảm, tác giả coi tri thức như là "nguyên vật liệu xây dựng ngôi nhà thế giới tinh thần của con người",² sau đó là lý trí, trí tuệ - là những cấp bậc và là những nhân tố đặc trưng cho thế giới tinh thần của con người.

T.E. Xtartrenkô nghiên cứu các khía cạnh khác nhau trong thế giới tinh thần: nhân sinh quan, lý tưởng, lòng tin, nhu cầu, tính tích cực xã hội. Tác giả khẳng định rằng thế giới tinh thần của con người có cấu trúc phức tạp, được cấu thành từ lý trí, tình cảm, và ý chí".³

1. Xáprônốp B.V., Đôrôgova L.N. Thế giới của con người. M. 1975, tr.58 (tiếng Nga).

2. Xem : Ôxinhúc E.V : Lý tưởng và hoạt động. Kiép, 1981, tr.163-172 (tiếng Nga).

3. Xem : Xtartrenkô T.E. Thế giới tinh thần của con người mới. Lvốp, 1983 (tiếng Nga).

Trong cuốn sách của mình : "Nghệ thuật và thế giới tinh thần của con người" N.I. Kiasenkô và N.L. Leideróp định nghĩa : "Thế giới tinh thần của con người - Đây là đời sống tâm lý - ý thức bên trong của cá nhân, những năng lực tinh thần được thực hiện trong hoạt động xã hội và thực tiễn"¹. Những quan điểm khác nhau về đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân chứng tỏ sự quan tâm nghiên cứu ngày một tăng lên trong thời gian gần đây của các nhà khoa học về vấn đề con người nói chung, đặc biệt lĩnh vực tinh thần, trong đó có đời sống tinh thần của cá nhân.

Hiện nay các nhà khoa học tăng cường quan tâm tới việc xác định khái niệm (định nghĩa) đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân. Sự quan tâm đó làm nảy sinh nhu cầu phân tích về mặt phương pháp luận những hiện tượng của đời sống tinh thần, thúc đẩy sự phát triển lý luận văn hoá tinh thần. Ngoài ra, điều quan tâm đó còn kéo theo sự cần thiết nghiên cứu hệ thống các phạm trù triết học xã hội.

Thời gian gần đây vấn đề con người trở thành vấn đề quan trọng và nhạy bén không chỉ trong lĩnh vực chính trị xã hội mà còn cả trong khoa học triết học.

1. Kiasenkô N.I., Leideróp N.L. Nghệ thuật và thế giới tinh thần của con người. NXB "Tri thức", M., 1983, tr.5 (tiếng Nga).

Theo Mác, "bản chất của con người không phải là cái gì trừu tượng, mà là đặc trưng cho từng cá thể riêng biệt. Trong hoạt động của mình nó là tổng hoà các mối quan hệ xã hội".¹ Dĩ nhiên, nguyên tắc nghiên cứu bản chất con người thông qua việc phân tích sự tổng hoà các mối quan hệ xã hội là đúng đắn, nhưng trong tổng hoà các mối quan hệ xã hội, cái cá nhân không khi nào bị lu mờ, bị mất đi hoặc bị hoà tan trong cái xã hội. Biện chứng giữa cái cá nhân và cái xã hội, giữa cá nhân và xã hội, giữa đời sống tinh thần của cá nhân và của xã hội cũng giống như biện chứng giữa cái chung và cái riêng. Bởi vậy, khi phân tích những hiện tượng đời sống tinh thần cá nhân, không nên tách biệt với đời sống tinh thần xã hội - cũng giống như không nên tách biệt tri thức lý luận với tri thức kinh nghiệm cụ thể. Đó là nguyên tắc có ý nghĩa quan trọng khi nghiên cứu mối quan hệ giữa cái tinh thần và cái vật chất, giữa cái xã hội và cái cá nhân. Ở đây chúng tôi muốn nói là, không nên tuyệt đối hoá giữa hai mặt đối lập : cái tinh thần và cái vật chất, cái xã hội và cái cá nhân, mà chúng chỉ đối lập tương đối.

Khái niệm "đời sống tinh thần" và "ý thức" - Đây là những khái niệm khác nhau, nhưng dĩ nhiên, chúng

1. C.Mác, F.Engen. Tuyển tập. Tập III, tr.3, (tiếng Nga).

không tách biệt với nhau. Nếu sự tồn tại ý thức ở người là điểm phân biệt giữa người và động vật, thì khái niệm đời sống tinh thần chỉ thuộc về con người. Ở động vật chúng ta có thể nói về đời sống tâm lý, mà không thể nói về đời sống tinh thần. Đời sống tinh thần chỉ có ở con người và ở xã hội nói chung. Mặc dù ý thức và đời sống tinh thần liên quan mật thiết với nhau, nhưng theo quan điểm của chúng tôi, khái niệm "ý thức" và "đời sống tinh thần" có những sắc thái khác nhau. Ý thức phần nhiều là sản phẩm của sản xuất tinh thần, là kết quả của tồn tại được nhận thức, còn đời sống tinh thần không chỉ là quá trình *hiểu biết, nhận thức*, mà còn là sự *thấu hiểu, đánh giá* những hiện tượng này hoặc hiện tượng khác xuất phát từ cơ sở *lợi ích* và *mục đích* của mình, là *nổi xúc động* trong đời sống mỗi người. Đây là quá trình tinh thần, mà ở đó con người xác định mối quan hệ của mình với thế giới, trong đó sự tự nhận thức của chủ thể được thực hiện (chủ thể có thể là cá nhân, là nhóm người hoặc xã hội).

Trong các tài liệu nghiên cứu của các nhà khoa học xôviết, thường sử dụng các khái niệm "đời sống tinh thần" và "thế giới tinh thần" của xã hội và con người. Chúng ta cần chính xác hoá và vạch rõ nội dung của các khái niệm này.

Trong cuốn sách "Thế giới của con người", các tác giả đã khẳng định đúng đắn : "Loài người dùng từ "thế giới" để chỉ tất cả những gì tồn tại hiện thực, tất cả những tình huống mà con người thu tóm được bằng tư duy và sớm hay muộn đưa chúng vào lĩnh vực lợi ích và hoạt động thực tiễn của mình. Cũng như vậy, khía cạnh này hay khía cạnh khác của hoạt động xã hội được thể hiện với tư cách là đối tượng có tính tổng thể của nhận thức và ảnh hưởng đối với con người cũng được xác định bởi khái niệm "thế giới"¹. Tiếp theo, các tác giả trên nhận xét : "Trong mối quan hệ này, về phương diện triết học, dường như có ba sự biến thể của khái niệm "Thế giới" : Thế giới tự nhiên, thế giới xã hội và thế giới tinh thần"².

Theo quan điểm của chúng tôi, chỉ có hai sự biến thể của khái niệm "Thế giới" (chúng là những phạm trù theo cặp, nằm trong sự thống nhất và đối lập) : thế giới tự nhiên - thế giới xã hội ; thế giới vật chất - thế giới tinh thần. Và cũng vậy, ở đây, suy ra, có hai cặp phạm trù : đời sống vật chất - đời sống tinh thần.

1. B.V.Xáprônốp L.N. Đorôgova. Thế giới của con người. Mátxcova, NXB "Tư tưởng", 1975, tr.11, (tiếng Nga).

2. Sách đã dẫn, tr.11.

Có thể chia thế giới tinh thần ra thành hai phương diện : bên ngoài và bên trong. Thế giới tinh thần bên ngoài - đó là thế giới bao gồm tất cả những gì thuộc về lĩnh vực tinh thần bao quanh chủ thể ; đó là môi trường tinh thần khách quan, là văn hoá tinh thần mà chủ thể (con người, nhóm xã hội và xã hội) tồn tại trong đó. Ở đó con người (hoặc cá nhân) biểu hiện với tư cách là chủ thể hoặc là đối tượng nhận thức.

Còn thế giới tinh thần bên trong của con người là tổng hoà các hiện tượng và quá trình tinh thần, bao gồm quá trình và kết quả của đời sống tinh thần bên trong thế giới tâm hồn của con người. Ở đây, con người (cá nhân) biểu hiện đồng thời vừa là chủ thể, vừa là đối tượng nhận thức của chính mình, về bản thân mình, cho mình. Đó là quá trình và kết quả tự nhận thức chính bản thân mình.

Mặc dù đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu vấn đề đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân, nhưng lý luận triết học tổng quát về đời sống và hoạt động tinh thần vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là sự phức tạp, khó khăn, đa dạng của vấn đề đời sống và hoạt động tinh thần của xã hội và con

người. Mặt khác, cần có những điều kiện khách quan cần thiết, cho phép tiếp cận, giải quyết vấn đề nghiên cứu. Yêu cầu thực tiễn đòi hỏi sự nỗ lực của các nhà khoa học quan tâm tới vấn đề này, để hy vọng vạch ra bản chất của khái niệm đời sống tinh thần con người, từ đó tạo ra những khả năng phát triển và giải phóng những năng lực tiềm ẩn trong con người.

Điều khẳng định trước tiên là cần phải thay đổi quan niệm triết học về con người. Suy cho cùng, con người chính là chủ thể của các quá trình xã hội, chủ thể của lịch sử của mình, của nhân loại, là động lực phát triển kinh tế - xã hội của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Con người là "vật mang" các quá trình tinh thần và những giá trị tinh thần.

Cuộc sống xã hội sinh động và tầm quan trọng của đời sống tinh thần trong thời đại ngày nay gợi cho chúng ta quan tâm nghiên cứu vấn đề này. Trong công trình chúng tôi cố gắng đưa ra khái niệm và những nguyên tắc nghiên cứu đời sống tinh thần, cùng các lĩnh vực có liên quan với nó của con người (cá nhân) với tư cách là chủ thể của hoạt động và sáng tạo tinh thần.

Đời sống tinh thần của cá nhân không nên quan niệm như là cái gì đó lộn xộn, mà có trật tự của nó,

có những yếu tố cấu thành hệ thống. Những yếu tố cơ bản mà nhờ đó có thể hiểu biết và phân loại những hiện tượng của đời sống tinh thần. Mặt khác, thế giới tinh thần bên trong của con người (cá nhân) có những biểu hiện chủ quan hết sức đặc thù ; hơn thế nữa, là kết quả của sự phản ánh, sự hiểu biết, nhận thức thế giới khách quan bên ngoài cũng hết sức đặc thù, đặc trưng cho chính cá nhân đó. Thế nhưng, đời sống tinh thần và các yếu tố của nó không phải là bẩm sinh, mà chúng được hình thành trong quá trình đời sống của cá nhân, trong hoạt động của chủ thể. Những tri thức, kinh nghiệm chung và riêng cũng được tiếp thụ và được vận dụng trong quá trình ấy.

Đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân là có tính kế thừa, biến đổi và phát triển qua những chặng đường dài lịch sử xã hội loài người. Tính đặc thù của đời sống tinh thần, đặc trưng cho mỗi xã hội, cho loại hình đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân được biểu hiện ở những hình thức lịch sử - cụ thể của nó. Hơn nữa, điều quan trọng hiện nay trong đời sống tinh thần là những định hướng giá trị của xã hội và của cá nhân, có tính tới những thay đổi sâu sắc đang diễn ra trong thế giới hiện đại. Đặt vấn đề này, chúng tôi mong muốn góp phần dự báo xu hướng

phát triển tương lai và xác định các nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục, tự giáo dục, tự hoàn thiện về mặt đạo đức, nhân cách của cá nhân như là cơ sở cho sự phát triển của cá nhân đó. Đây là nhiệm vụ không những có tính cấp bách trong giai đoạn hiện nay của xã hội và của mỗi người, mà còn có tính chiến lược lâu dài trong "sự nghiệp trồng người", để con người xứng đáng trở thành giá trị và tài sản cao quý nhất của tự nhiên và của xã hội.

CHƯƠNG I

KHÁI NIỆM, NHỮNG KHÍA CẠNH CƠ BẢN VÀ NGUYÊN TẮC NGHIÊN CỨU ĐỜI SỐNG TINH THẦN

1. ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA CÁ NHÂN : LÝ TƯỞNG VÀ HIỆN THỰC

Đời sống tinh thần của cá nhân là gì? Chúng ta có thể vạch ra cơ chế và cấu trúc của nó? Nó được biểu hiện ở cá nhân và trong cuộc sống của cá nhân như thế nào? Trong công trình này chúng tôi cố gắng trả lời những câu hỏi đó.

Đời sống tinh thần của cá nhân - Đây là quá trình và kết quả của sự tồn tại và hoạt động đời sống của cá nhân với mục đích tự hoàn thiện những phẩm chất và xác định quan điểm, vị trí của mình trong môi trường xung quanh, trong cuộc sống và trong hệ thống xã hội. Đây là quá trình xây dựng mục đích, lẽ sống, hoạt động tìm kiếm và sáng tạo những giá trị tinh thần, xác định lý tưởng cuộc đời của cá nhân.

Quá trình nhận thức và đời sống tinh thần có những nét đặc thù riêng của mình : Quá trình nhận

thức - trước hết, là quá trình chủ thể phản ánh hiện thực. Sự phản ánh không phải là thụ động, mà là tích cực, chủ động. Đây là quá trình tìm tòi và sản sinh những tư tưởng mới, những kiến thức mới của con người. Trong quá trình nhận thức, chúng ta nhận được kết quả là những tri thức mới. Cần nhớ rằng, quá trình nhận thức có hướng khác nhau - Nhận thức hướng về thế giới khách quan, tự nhiên, xã hội, con người nói chung và nhận thức hướng về bản thân mình với tư cách là chủ thể hành động và cảm xúc (tự nhận thức). Tự nhận thức đóng một vai trò đặc biệt trong sự hiểu biết đời sống tinh thần của cá nhân. Đời sống tinh thần - Đây là quá trình hiện thực có tính toàn vẹn, trong đó không chỉ phản ánh đời sống vật chất của con người, mà hơn thế nữa, con người phải tìm lời giải đáp cho câu hỏi : Điều kiện vật chất cho đời sống như thế nào, nó có ảnh hưởng gì tới hệ thống các giá trị, và những giá trị tinh thần nào được đưa lên hàng đầu trong đời sống tinh thần của cá nhân (hoặc của xã hội)? Chính những giá trị tinh thần là kết quả của quá trình đời sống tinh thần. Nếu vậy thì tri thức đóng vai trò gì trong đời sống tinh thần? Trong đời sống tinh thần tri thức đóng một vai trò to lớn, nhưng theo chúng tôi, không phải là tất cả các tri thức nói chung, mà chỉ là những tri thức nào có

được tính giá trị riêng biệt hoặc giá trị xã hội và đem lại ích lợi cho cá nhân. Đối tượng của nhận thức, hiểu biết đối với con người không chỉ là bản thân anh ta mà còn là tất cả thế giới khách quan. Nhận thức thế giới, nhận thức vị trí và quan hệ của mình trong thế giới đó cũng là đối tượng và khuynh hướng của các nỗ lực tinh thần của cá nhân. Nhận thức thế giới và bản thân mình, nhận thức những khả năng và nhu cầu của mình không chỉ là những mối quan hệ tương hỗ, mà chúng còn chế ước lẫn nhau. Thế giới, trong đó con người sống và hành động, thế giới lại do chính con người cải biến và sáng tạo là một tấm gương phản chiếu đặc thù, trong đó con người hiểu biết về bản thân mình. Nếu như trong nhận thức khoa học về thế giới khách quan, con người có khuynh hướng tiến tới "tách ra" phần lớn khỏi cái chủ quan, thì trong đời sống tinh thần, cái cá nhân bắt đầu trở nên yếu tố quan trọng, nếu như không muốn nói là quyết định. Ở đây điều quan trọng không hẳn chỉ là thế giới tự bản thân nó và ở bên ngoài cá nhân, mà chủ yếu là mối quan hệ của thế giới và con người, là sự xác định vị trí của con người trong thế giới đó, xác định mối quan hệ của mình với những điều kiện khách quan của đời sống. Đời sống tinh thần của cá nhân không phải là sự xét đoán lý lẽ trừu tượng, tẻ nhạt về thế

giới của đối tượng, mà đây thường xuyên là niềm cảm xúc, nỗi xúc động sâu sắc của con người trong mối quan hệ của mình với thế giới đó. Bởi vậy, trong khái niệm đời sống tinh thần, *khía cạnh giá trị* chiếm một vị trí quan trọng biết chừng nào - đó là vấn đề *ý nghĩa, ích lợi và giá trị* của thế giới đối với con người, sự tìm kiếm và khẳng định những khả năng ảnh hưởng tích cực của con người đối với thế giới đó, những khả năng sáng tạo của con người đối với chính tâm hồn mình, với việc tổ chức đời sống sao cho tương ứng với những nhu cầu và lợi ích của mình.

Tri thức chừng nào có được *ý nghĩa riêng* nào đó đối với cá nhân thì khi đó trở thành *giá trị tinh thần* và là kết quả của quá trình đời sống tinh thần. Như vậy, tri thức là điều kiện cần thiết cho việc xác định ý nghĩa và những giá trị tinh thần trong đời sống của con người.

Quá trình nhận thức và quá trình đời sống tinh thần là không đồng nhất với nhau. Nhưng chúng cũng không tách biệt khỏi nhau. Chúng tựa như là "hai người bạn đường" cùng sống vai nhau đi trên một con đường và chế ước lẫn nhau. Tri thức càng phong phú thì càng có điều kiện để hiểu biết và đạt được những giá trị tinh thần xứng đáng ở kết quả đời sống tinh

thần. Như vậy, đời sống tinh thần cũng là hoạt động, là lao động tinh thần căng thẳng không kém gì lao động vật chất (đem lại tài sản vật chất).

Ở đời sống tinh thần của cá nhân thường xuyên xảy ra việc tìm tòi và chọn lọc những giá trị tinh thần. Giá trị tinh thần, về bản chất, không những là giá trị khách quan của hiện thực xung quanh, mà còn là giá trị của chủ thể. Giá trị tinh thần không tồn tại ở thể có sẵn, mà chỉ đạt được bằng con đường hành động tích cực và sáng tạo của chủ thể, chỉ hình thành trong quá trình "trao đổi" thông tin giữa các chủ thể. N.Vinhero (cha đẻ của thông tin học) cho rằng : sự trao đổi thông tin - đó là xi măng gắn kết xã hội. Ở giai đoạn hiện đại, thông tin đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển khoa học, kỹ thuật và xã hội nói chung. Việc tìm tòi và chọn lọc những giá trị tinh thần là được thực hiện trong quá trình "trao đổi" thông tin, trong "đối thoại", tranh luận, thảo luận, trao đổi ý kiến v.v... giữa các chủ thể. Ở đó mọi người trao đổi với nhau ý kiến, tư tưởng, quan điểm, nguyên lý, nguyên tắc và thậm chí cả nhân sinh quan v.v... Quá trình tương tác đó, mỗi cá nhân không chỉ đơn giản là tiếp thụ kiến thức mới nào đó cho mình, mà hơn thế nữa, tiếp thụ các ý nghĩa, giá trị tinh thần

nào đó cho đời sống tinh thần của mình. Việc tìm tòi và chọn lọc những giá trị tinh thần ở mỗi cá nhân dường như hoàn toàn theo một đường hướng khác, không đơn thuần là theo hướng tiếp thụ tri thức đơn giản nào đó. Tri thức trở thành giá trị tinh thần và là "yếu tố" trong đời sống tinh thần của cá nhân - đó là tri thức không chỉ đạt được ở "mức độ cao của mình", mà còn có ý nghĩa giá trị riêng cho cá nhân. Tri thức được tiếp nhận ở kết quả tương hợp quan hệ giữa cá nhân và xã hội, suy cho cùng, ở lợi ích của mỗi cá nhân và toàn xã hội nói chung. Tri thức "được định vị" trong tâm hồn và làm giàu tâm hồn con người bằng kinh nghiệm có tính chất sở hữu tinh thần cho riêng mình. Nói về đời sống tinh thần của cá nhân, chúng ta không chỉ chú ý tới những hiện tượng và quá trình diễn ra bên trong thế giới tinh thần của con người, mà còn xem xét việc con người thể hiện bản thân mình trong đời sống hiện thực, ở quan hệ với công việc, trong sự giao tiếp với người khác. Ở đó cá nhân thể hiện với tư cách là chủ thể nhận thức và sáng tạo những giá trị tinh thần, là chủ thể của hành vi, hoạt động và giao tiếp.

Đời sống tinh thần của cá nhân về bản tính là có tính chất đối thoại. Và giao tiếp tinh thần là cuộc đối

thoại giữa các chủ thể. Chúng tôi sẽ phân tích vấn đề này ở Mục 2 của Chương II trong công trình này. Còn ở đây, sự phân tích của chúng tôi là nhằm nêu bật khái niệm đời sống tinh thần của cá nhân và để phân biệt rõ quá trình đời sống tinh thần và quá trình nhận thức nói chung.

Sự đối thoại của cá nhân và xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống hiện đại. Trên diễn đàn chính trị hiện nay đối thoại trở thành giải pháp cho những vấn đề quan trọng trong quan hệ giữa các quốc gia và các dân tộc. Nếu chiến tranh ở xã hội đối đầu (giai đoạn đối đầu), nói như Lenin - là sự tiếp tục của chính trị bằng biện pháp vũ trang, thì với tư duy chính trị mới, chúng ta cũng có thể nói rằng, đối thoại cũng là biện pháp và là tiếp tục của chính trị hoà bình ở thời kỳ hiện đại của sự phát triển nhân loại. Hơn nữa, đây là giải pháp thông minh và có lợi cho tất cả các dân tộc và quốc gia. Trong đối thoại các chủ thể hiểu biết lẫn nhau, đồng cảm lẫn nhau, cùng nhau tìm kiếm "tiếng nói chung" để giải quyết những nhiệm vụ đặt ra. Đối thoại là con đường và biện pháp hoà bình cho sự giải quyết mâu thuẫn, đối đầu trong quan hệ giữa các sắc tộc và quốc gia, cũng như trong quan hệ giữa các cá nhân với nhau.

Về phương diện triết học trong "đối thoại" chứa đựng ý nghĩa cao cả (tức giá trị tinh thần) qua mối quan hệ tương hỗ giữa các chủ thể. Đó là tư tưởng nhân văn và nhân đạo trong mối quan hệ xã hội của con người. Tính nhân ái - đây là giá trị tinh thần vĩnh cửu, là lý tưởng, mà không thể xuất hiện và được thực hiện ở những giai đoạn lịch sử bình minh của nhân loại. Tính nhân ái phải trải qua những khó khăn đáng kể trên chặng đường dài của lịch sử phát triển xã hội loài người, và nó chỉ xuất hiện ở xã hội văn minh. Chủ nghĩa nhân đạo là kết quả của cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội, vì quyền con người, vì con người, vì đời sống tinh thần của cá nhân và xã hội. Trong "đối thoại" bao hàm tư tưởng nhân đạo và lòng kính trọng lẫn nhau qua mối quan hệ hữu nghị thân tình giữa các cá nhân. Còn đối với quan hệ giữa các quốc gia thì tư tưởng này thể hiện sự kính trọng và giữ gìn nền văn minh chung của nhân loại trên trái đất, giữ gìn chính cuộc sống của con người trong vũ trụ.

Cá nhân biểu lộ phong cách của mình không chỉ trong đối thoại, mà còn tự bộc lộ mình trong độc thoại. Độc thoại, theo A.G.Xpirkin, và theo chúng tôi, đây không phải là một loại giao tiếp tinh thần. Bởi vì trong độc thoại vắng mặt chủ thể thứ hai.

Chẳng hạn, cá nhân tự mình nói điều gì đó hoặc nhu trong tiểu thuyết nhân vật tự kể chuyện về số phận của mình v. v... Độc thoại - đó là hành động, là lời bày tỏ của cá nhân. Phương tiện của độc thoại cũng là từ ngữ và lời nói (hướng nội hoặc hướng ngoại). Độc thoại - về bản tính - là tiếp tục sự suy nghĩ trong đầu óc con người. Độc thoại đóng vai trò đáng kể trong đời sống tinh thần của cá nhân. Độc thoại - đó là một chuỗi cử chỉ, thao tác và hành động trong quá trình đời sống tinh thần con người. Nó tham gia vào việc kiểm tra ý nghĩa, đặt ra mục đích và kế hoạch trong tư duy con người, tham gia kiểm tra việc tự nhận thức và tự chọn lọc những giá trị tinh thần của cá nhân.

Mối tương tác giữa "đối thoại" và "độc thoại" được biểu hiện là chúng hỗ trợ cho nhau. Độc thoại là sự kiểm tra những nhiệm vụ đặt ra và kết quả nhận được trong đối thoại. Như vậy, đối thoại và độc thoại có liên quan và hỗ trợ cho nhau, chúng góp phần làm giàu những suy nghĩ, tư tưởng sâu kín trong đời sống tinh thần con người.

Ở đời sống tinh thần của cá nhân, mặc dù "đối thoại" và "độc thoại" về tính chất, là hai quá trình khác nhau (ở "đối thoại" tồn tại tối thiểu hai chủ

thể, còn ở "độc thoại" chỉ một), nhưng ở chúng đều có "chung mục đích" là tích lũy những giá trị tinh thần trong cuộc sống của con người. Chúng có thể tương hỗ, bổ sung cho nhau, chuyển hoá lẫn nhau. Độc thoại khi vắng mặt chủ thể thứ hai, có thể chuyển hoá thành sự đối thoại của chủ thể với chính mình, với "cái tôi thứ hai" của mình, trở thành câu trả lời đối với sự nghi vấn và câu hỏi mà chủ thể đặt ra cho bản thân mình, tựa hồ giải quyết những mâu thuẫn nội tâm trong thế giới tinh thần của cá nhân. Con người có thể diễn giải quan điểm của mình, thuyết phục chính bản thân mình, hướng suy nghĩ tới "người phản biện" trong thâm tâm bằng những lời nói thành tiếng hoặc bằng ý nghĩ (lời nói không thành tiếng). Đời sống tinh thần của cá nhân - đây là quá trình, mà ở đó tái tạo những giá trị tinh thần. Con người sản sinh và sử dụng những giá trị đó. Con người tiếp thụ những kinh nghiệm văn hoá xã hội, biến nó thành kinh nghiệm có tính sở hữu riêng. Con người cải biến sáng tạo những giá trị tinh thần trong đời sống của mình. Ở đây, chúng tôi muốn nói tới biện chứng giữa đời sống tinh thần của cá nhân và đời sống tinh thần của xã hội.

Đời sống tinh thần của xã hội - Đây cũng là quá trình và kết quả tồn tại và hoạt động đời sống của mọi người. Những giá trị tinh thần được tạo lập không phải do một cá nhân, dù cá nhân đó là thiên tài xuất chúng. Mỗi cá nhân chỉ góp một phần công lao vào kho báu giá trị tinh thần của nhân loại mà thôi. Biện chứng giữa đời sống tinh thần của cá nhân và đời sống tinh thần của xã hội có thể hiểu như là biện chứng giữa cái cá nhân và cái chung, như là sự mâu thuẫn giữa "lợi ích xã hội" và "lợi ích cá nhân". Ở hai cực của mối quan hệ biện chứng này tồn tại hai tư tưởng - ích kỷ và sự xả thân, quên mình. Cội nguồn của những tư tưởng này như sau : Tư tưởng vị kỷ - Đây là sự tuyệt đối hoá lợi ích cá nhân và tách khỏi lợi ích xã hội. Tư tưởng xả thân, quên mình - Đây là sự tuyệt đối hoá lợi ích xã hội, hy sinh lợi ích cá nhân. So sánh giữa hai tư tưởng cực đoan này, chúng ta thấy những sắc thái (hoặc đặc tính) khác nhau trong mối quan hệ biện chứng giữa cái cá nhân và cái chung. Ở tư tưởng vị kỷ, ta thấy người ích kỷ chỉ nghĩ và làm cho riêng bản thân mình, không tính tới những người khác. Chúng ta thấy biểu hiện tiêu cực của tư tưởng vị kỷ - đó là hiện tượng xa lánh công việc chung, thái độ lạnh nhạt đối với mọi người, sự quan hệ đối với người khác như là đối với phương tiện để đạt được

những mục đích riêng. (Vấn đề thái độ xa lánh, lạnh nhạt của con người có thể phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân khác, ở đây chúng tôi sẽ không phân tích thêm, mà chỉ nêu những nét đặc trưng như trên trong tư tưởng vị kỷ).

Ở tư tưởng xả thân, quên mình, suy cho cùng, là thường xuyên tuyệt đối hoá lợi ích xã hội một cách không đúng đắn, mặc dù lợi ích xã hội không hoàn toàn tách khỏi lợi ích cá nhân. Sự xả thân không thể trở thành một nguyên lý phổ biến trong hành vi đạo đức - vì nếu tất cả đều "hy sinh thân mình", thì sẽ không có xã hội. Đời sống xã hội cần có mục đích cao cả của mình là vì quyền lợi con người. Và ở đây ta thấy "hạt nhân hợp lý" của sự thống nhất giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân.

Sự xả thân, hy sinh quên mình tỏ ra xứng đáng ở những tình huống đặc biệt, được nhận thấy rõ ràng ở thời kỳ chiến tranh chống kẻ thù xâm lược, khi mà lợi ích xã hội và cả lợi ích cá nhân bị quân thù đe dọa. Số phận của mỗi người phụ thuộc vào số phận của nhân dân, đất nước, quốc gia. Ở đây ta thấy sự thống nhất giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân. Do vậy, mỗi người tình nguyện đấu tranh chống kẻ thù, hành động của con người thể hiện tinh thần yêu nước

cao cả, hy sinh quên mình vì mục đích cứu nước, cứu nhà, cứu bản thân mình - Đó là điều cần thiết, thể hiện rõ ràng, đạo lý xứng đáng của con người.

"Hạt nhân hợp lý" của sự thống nhất giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, chúng ta cũng thấy ở giai đoạn sau chiến tranh, xây dựng đất nước. Ở thời gian này tất cả thành viên của xã hội lao động hết sức mình, với lòng nhiệt thành và sự hy sinh cao cả để hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới. Trong "bức tranh" đời sống tinh thần ở giai đoạn này, mỗi cá nhân dường như "quên đi" cái cá nhân của mình. Điều này có thể giải thích rằng, mỗi cá nhân quên mình hiện nay để hy vọng lợi ích của mình sẽ được thoả mãn trong tương lai. Nhưng, tình trạng này không thể kéo dài được lâu. Quả là đời sống của con người chỉ có một lần và con người muốn sống xứng đáng, kết hợp lợi ích chung và riêng. Chủ nghĩa duy ý chí trong xây dựng, lao động, trong đó cái chung kìm hãm cái riêng, không thể phát huy hết năng lực tiềm tàng, khả năng sáng tạo của mỗi người, nên không thể có thành tựu lâu dài được. Với chủ nghĩa duy ý chí, chúng ta có thể đạt được những thành tựu lớn ở giai đoạn đầu trong lao động, xây dựng - Nhưng, đồng thời chúng ta dần dần bị sai lệch với tính quy

luật khách quan trong sự phối hợp điều hoà lợi ích chung và riêng. Vì thế, trong xã hội xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực ở đời sống xã hội, và mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung (lợi ích xã hội) ngày càng trở nên gay gắt.

Hiện nay trong công cuộc đổi mới đất nước, đổi mới tư duy và đời sống xã hội, chúng ta thấy những hiện tượng tiêu cực, làm tăng thêm mâu thuẫn giữa "lợi ích xã hội" và "lợi ích cá nhân" - Tại sao vậy? Ở tình trạng hiện nay của đất nước có rất nhiều những nguyên nhân xã hội, chúng tôi sẽ không phân tích ở đây (vì ngoài phạm vi nghiên cứu), mà chỉ chú ý tới khuynh hướng, ở đó cá nhân trong một thời gian dài "ngồi ở một cục" của tư tưởng - xả thân, quên mình, cá nhân chỉ nghĩ và hành động trước hết cho lợi ích xã hội chung chung, không tính tới lợi ích của mình, và cuối cùng làm tổn hại cả lợi ích xã hội. Bây giờ, ngược lại, là sự nguy hiểm của cục khác - sự dịch chuyển sang "cục" tư tưởng vị kỷ : Con người chỉ nghĩ và hành động cho riêng mình, không tính tới lợi ích xã hội. Cả hai cục - hai tư tưởng cục đoan trên đều là không có lợi.

Nếu chỉ nhấn mạnh những lợi ích xã hội, thì dễ có ý định biến con người thành "cái đinh ốc" của

guồng máy xã hội, xem nhẹ, coi thường những lợi ích cá nhân. Ngược lại, nếu chỉ chú ý tới quyền lợi cá nhân, thì dễ dàng có ý định biến con người xã hội thành kẻ ích kỷ. Bởi vậy, ở đây đặt ra yêu cầu phải có quan điểm đúng đắn (trong chính sách xã hội của Nhà nước và trong giáo dục con người, cần tìm ra biện pháp lịch sử - cụ thể trong mối tương quan giữa cái chung và cái riêng).

Quan điểm đúng đắn và lịch sử chân chính của nhân loại là tạo ra cơ sở và điều kiện phát huy lòng nhiệt tình của mọi người, trong đó sự phát triển của cá nhân trở thành điều kiện phát triển của xã hội. Lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội nằm trong sự thống nhất biện chứng. Đời sống tinh thần của cá nhân và của xã hội - đây là hai quá trình tương tác và chế ước lẫn nhau. Về phương diện này, "sự đối thoại" giữa cá nhân và xã hội cần được thực hiện trong đời sống thực tế. Tư tưởng có tính nguyên tắc trong "đối thoại" là : "Mình vì mọi người và mọi người vì mình". Chỉ có tính tới sự thống nhất biện chứng giữa đời sống tinh thần của cá nhân và của xã hội mới có thể giải quyết được mâu thuẫn giữa "lợi ích cá nhân" và "lợi ích xã hội". Nhưng khó khăn nảy sinh là rất khó xác định được mức độ và sự hài hoà trong mối quan hệ

giữa cá nhân và xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế - một trong những lĩnh vực chính của đời sống cá nhân và xã hội - ta thường gặp nghịch lý như thế này : Nếu ta quan tâm nhiều tới lợi ích xã hội, thì lợi ích cá nhân ít nhiều sẽ được đáp ứng thoả mãn theo, nhưng phần nhiều là để bị lãng quên. Ngược lại, nếu ta quan tâm nhiều tới lợi ích cá nhân, thì sẽ tổn hại tới lợi ích xã hội. Vì thế, câu hỏi đúng lúc được đặt ra : Thế nào là sự hài hoà giữa các lợi ích xã hội và cá nhân? Thế nào là sự hài hoà ở đời sống tinh thần giữa chúng? Ở đây, cần lưu ý một điểm là mối quan hệ này sinh động và có tính biến đổi lịch sử.

Một thời gian dài, trong lĩnh vực kinh tế, một nguyên tắc "lạ lùng" được áp dụng : "Mỗi người làm việc theo năng lực và hưởng theo bình quân, không theo lao động thực tế". Sự phân chia của cải xã hội theo nguyên tắc này đã kìm hãm sản xuất, làm giảm tính tích cực và sự quan tâm tới công việc của người lao động. Ở đây chúng tôi không có ý định thảo luận về nguyên tắc này hay khác trong phân chia sản phẩm xã hội, mà chỉ muốn phân tích ảnh hưởng của nó tới sự hài hoà của các quan hệ giữa xã hội và cá nhân. Phải chăng việc chia bình quân sản phẩm xã hội cho người lao động tạo lập được tính hài hoà của các

quan hệ giữa xã hội và cá nhân? Ở đây sự hài hoà được đồng nhất "với điểm giữa" của hai cực xã hội và cá nhân, nhưng sự hài hoà này không bao giờ có trong thực tế và cả trong lý thuyết. Quan điểm đúng, có khả năng giải quyết vấn đề này, theo chúng tôi, là dựa trên sự hiểu biết và nhận thức "nhân tố con người", vai trò thực tế của nó trong xã hội và vai trò của cá nhân trong hoạt động và lịch sử xã hội.

"Con người, rốt cục lại là *điều kiện, phương tiện* và *mục tiêu* chính trong tất cả các lĩnh vực và đường hướng"¹ của đời sống xã hội. Chỉ có quan điểm tổng thể về con người mới đem lại cho ta ý nghĩ lành mạnh và cách giải quyết đúng đắn những nhiệm vụ thực tiễn.

Như mọi người đều biết, con người là con người xã hội, con người không thể sống ngoài những điều kiện, môi trường văn hoá xã hội. Nhân cách con người không phải là bẩm sinh. Nhưng, đây mới chỉ là bước đầu tiên hiểu biết về tồn tại và bản chất con người. Nếu chúng ta chỉ dừng lại ở những khẳng định này, thì rất dễ nhận thấy rằng con người dường như "tan biến" trong lực lượng sản xuất hoặc trong cộng đồng,

1. Буэпва L.P. Nhân tố con người : Tư duy môi và hành động mới. NXB "Tri thức", M.1988, tr.4, tiếng Nga.

và chỉ ở kết quả cuối cùng mới xuất hiện đề tài "sự tác động của xã hội và cá nhân". Mặt khác, với sự hiểu biết trừu tượng, "Con người xã hội" phần nhiều thiếu cá tính và trở thành "một kiểu mẫu chung" trong tất cả các lĩnh vực của đời sống cá nhân. Cả xã hội lẫn bản thân mỗi người như bị tước đi sự phong phú, cái đẹp nhiều hình, nhiều vẻ, đa dạng của cuộc sống. Và trong đời sống tinh thần và cuộc sống hàng ngày ta thấy sự đơn điệu. Cá nhân dường như mất đi cá tính của mình hoặc nói chính xác hơn là cái cá nhân bị "hoà tan" vào cái xã hội. Con người không tự khẳng định "khuôn mặt" và vị trí của mình trong cộng đồng và trong đời sống xã hội, về thực chất, con người thiếu tự do, mà ở đâu không có tự do, thì ở đó không có sáng tạo. Trình trạng đó dần dần đe dọa và thủ tiêu sáng kiến, thủ tiêu tính tích cực của cá nhân trong việc tổ chức cuộc sống của mình, trong việc xác định và tạo lập những giá trị tinh thần. Đời sống tinh thần của cá nhân này có khuynh hướng bị sa sút, đơn điệu và nhàm chán dẫn đến bế tắc.

Con người thường xuyên lại là con người cụ thể với cái tên gọi cụ thể. Mỗi cá thể trở thành cá nhân riêng biệt, không lặp lại, với đầy đủ nhân cách chỉ trong kết quả chọn lọc và lao động của mình - Con

người xã hội và tính chất xã hội trong con người cá nhân được tạo lập một cách biện chứng trong mỗi con người cụ thể, riêng biệt và không lặp lại đó. Suy cho cùng, chính con người đóng vai trò động lực trong lịch sử. Bởi vậy, giải quyết vấn đề hài hoà giữa đời sống tinh thần của cá nhân và của xã hội cần dựa trên nguyên tắc sau đây : Sự giàu có, phong phú của đời sống tinh thần cá nhân trở thành *điều kiện* cho sự giàu có, phong phú của đời sống tinh thần xã hội. Tất cả sự phồn vinh của xã hội là vì con người, cho con người. Ở nguyên tắc này bao hàm tính nhân đạo và "bản chất người" của con người và của xã hội loài người.

Chú ý tới việc coi con người là giá trị cao nhất và là tài sản chính của xã hội - ở đây không có nghĩa là xã hội quan tâm tới con người với tư cách là kẻ ích kỷ. Ngược lại, xã hội vì mỗi con người, giáo dục con người đạt được trình độ, chất lượng ngày càng cao về tri thức và văn hoá, xã hội tạo điều kiện và cung cấp cho con người sự giàu có, phong phú về đời sống tinh thần. Mặt khác, cá nhân phải có trách nhiệm với xã hội, phải có đạo đức, có trách nhiệm công dân và nghĩa vụ đối với xã hội. Trong đời sống tinh thần của xã hội, vấn đề con người trở thành nội dung quan

trọng của nó, thì cũng như vậy, trong đời sống tinh thần của cá nhân lại là vấn đề xã hội. Điều cần thiết phải tính tới là loại bỏ (về mặt lý thuyết và thực tế) sự đối lập giữa hai loại đời sống đó. Khuynh hướng triết học mácxít đã dự đoán giới hạn lịch sử - cụ thể của sự thống nhất, đồng nhất giữa cái xã hội và cái cá nhân. Điều khó khăn chính là trong cuộc sống - là tạo dựng những tiền đề (điều kiện) khách quan và chủ quan để giải quyết sự hài hoà giữa chúng. Giải quyết vấn đề này ở bất kỳ trường hợp nào cũng cần có tự do tất yếu cho sự phát triển của cá nhân trong bất cứ hệ thống tổ chức nào của xã hội. Không có tự do tất yếu, chúng ta không thể nói về đời sống tinh thần của cá nhân. Cá nhân tự do lựa chọn lối sống của mình và độc lập giải quyết những vấn đề nảy sinh trong đó. Ở đời sống tinh thần của xã hội, những hệ thống giá trị tinh thần mới không chỉ được tạo dựng và lựa chọn để thoả mãn những nhu cầu của xã hội và của mỗi cá nhân, mà còn tạo ra những điều kiện cho phép mỗi người có thể tự do đóng góp công sức của mình, sáng tạo những giá trị tinh thần. Điều đó có nghĩa là việc tự thực hiện sáng tạo của cá nhân trong đời sống tinh thần như là thực hiện nhu cầu mới của mình trong cuộc sống và ở mỗi giai đoạn lịch

sử cụ thể. Lịch sử loài người đã chứng minh rằng, con người không thể nhận biết được ngay về chính bản thân mình với tư cách là giá - trị - tự - thân của sự phát triển xã hội, với tư cách là giá trị cao nhất. Nhân loại đã trải qua lịch sử lâu dài, thậm chí đẫm máu, khốc liệt, không ít các cuộc chiến tranh các loại đã và đang xảy ra trên hành tinh chúng ta, trong ngôi nhà chung của loài người. Chiến tranh đã cướp đi hàng triệu sinh mạng và cuộc sống con người, đã làm tổn hại tới sự giàu có chung của xã hội loài người mà không gì có thể bù đắp được. Chúng ta tự hỏi : chiến tranh trong xã hội loài người là điều tất yếu hay có thể loại trừ được không, ngay cả ở trong tương lai? Loại trừ bằng cách nào? Quả thật trả lời câu hỏi này không phải dễ dàng ! Có điều chắc chắn rằng, đấu tranh (chiến tranh) giải phóng dân tộc, đấu tranh cách mạng, đã là động lực mạnh mẽ của sự phát triển, của tiến bộ xã hội.

Ngày nay, khi nền văn minh của nhân loại có cơ hội đạt được trình độ phát triển cao, xuất hiện trước nhân loại hàng loạt những vấn đề có tính toàn cầu. Chúng đòi hỏi sự hợp tác cùng nhau giải quyết khi nhân loại nhận thức được sự cần thiết phải giữ gìn không chỉ vật chất sống trong vũ trụ, mà còn giữ gìn

cuộc sống của mỗi người, phải tiết kiệm và làm đầy lên nội dung bản chất mang tính người của Con Người. Để thực hiện điều đó cần có được tu duy mới, mà bản chất của nó là sự nhân đạo của con người và xã hội. Vì thế, tính nhân đạo cũng là một giá trị đối với xã hội và cá nhân.

Trong thực tiễn con người trở thành giá trị cao quý cũng không phải ngay tức thời. Giải quyết vấn đề này không ít khó khăn và mâu thuẫn. Nhưng khuynh hướng tiêu cực vẫn tồn tại ; một phần của nó nằm ở những hoàn cảnh đời sống có tính toàn thế giới, trong tổ chức cộng đồng người ; một phần có ở trong bản thân mỗi người. Trong đời sống thực tế của mọi người, ta thấy không ít những điều ác, những hiện tượng huỷ hoại đạo đức con người, sự xuống cấp của đạo đức, sự thoái hoá, suy đồi của một số người, một nhóm người v.v... Giải quyết việc này phần lớn phụ thuộc vào sự lựa chọn và tinh tích cực của mỗi người, cùng với sự nhất trí và quyết tâm cao của toàn xã hội.

Để làm sao cho đời sống tinh thần thực sự trở thành giá trị kích thích lợi ích cá nhân, điều cần thiết, theo chúng tôi, phải có các điều kiện cơ bản sau đây: Mỗi người có đời sống vật chất no đủ, có trình độ học vấn, tri thức và văn hoá cao, tự giác tiếp thụ các

chuẩn mực, giá trị xã hội và tự do suy nghĩ, hành động sáng tạo ở bất cứ hệ thống tổ chức nào của xã hội. Thiếu những điều kiện cơ bản đó thì mục đích của con người phần lớn có tính thực dụng và hoạt động tinh thần lệ thuộc vào những mục đích thực dụng đó. Chừng nào hoạt động tinh thần trở thành mục đích, thì mục đích đó kích thích sự tự nhận thức và tự phát triển của cá nhân, kích thích cá nhân tham gia vào việc sáng tạo những giá trị tinh thần. Ngoài những điều kiện cơ bản trên, con người không thể trở thành giá trị cao nhất trong đời sống thực tế. Giải quyết vấn đề này là cả một quá trình và cần có quan điểm tổng thể trong việc nhân đạo hoá tất cả các khía cạnh phát triển xã hội - từ khoa học, kỹ thuật, kinh tế đến chính trị - xã hội và văn hoá. Trong quá trình có tính tổng thể, toàn vẹn này, bản thân đời sống cùng với giá trị của nó lẫn đời sống tinh thần của con người mới được biến đổi.

Sự phát triển của cá nhân được đánh dấu bằng mức độ phát triển tính tinh thần của cá nhân đó. Khái niệm "tính tinh thần", trong thời gian gần đây, được các nhà triết học thường xuyên sử dụng để nghiên cứu nội dung của ý thức và đời sống tinh thần.

Theo V.G.Phêdotópva, "tinh tinh thần là đặc trưng về chất của ý thức (cũng như của hành động, công việc, đời sống), hoặc, chính xác hơn, là đặc trưng của sự phong phú về mặt chất lượng của ý thức. Đặc tính này phản ánh hình thái ưu thế nhất của giá trị, và bởi vậy, tinh tinh thần không là cái gì đó có tính thống nhất. Nó được thể hiện bằng các hình thái khác nhau : duy mỹ, duy lý, duy đạo đức, duy tôn giáo và trong viễn cảnh phát triển của mình, nó hướng tới tính toàn vẹn và thống nhất của chân, thiện, mỹ"¹. Các hình thái đó của tinh tinh thần đóng vai trò quan trọng và đáng kể trong đời sống tinh thần của cá nhân. Sự phát triển của cá nhân và khắc phục những bất lợi cản trở nó trong cuộc sống sẽ không thể hiểu được, nếu không tính tới những hoàn cảnh bi kịch, nổi xúc động bi ai, dày vò tâm can con người trên đường đời của mình. Chủ nghĩa duy mỹ cho phép định hướng tới những giá trị thẩm mỹ của cuộc sống và nghệ thuật. Niềm xúc động thẩm mỹ là giá trị của quá trình tự nhận thức và khám phá chiều sâu của "sở hữu cái tôi" trong mỗi con người. Hơn thế nữa, chủ nghĩa duy mỹ tham gia vào việc khám phá sức mạnh và khả năng sáng tạo của

1. Xem : Phêdotópva V.G. Tinh tinh thần là một nhân tố của cái tôi // Những vấn đề Triết học, N^o-3, 1987, tr.25, tiếng Nga.

con người, đặc biệt là trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Chủ nghĩa duy lý cho ta ưu thế định hướng tới những luận cứ trong quan hệ đời sống, có tính đến cả trình độ lý luận khoa học. Suy cho cùng, sự duy lý ghi nhận trình độ nhận thức và thậm chí mức độ phát triển ý thức của con người đối với sự suy nghĩ, hiểu biết chính đời sống riêng của mình. Chủ nghĩa duy lý mở ra cho con người khả năng nhận thức bản chất của vật và hiện tượng. Sự duy lý trở thành điều kiện và phương tiện khám phá những giá trị trong đời sống tinh thần của cá nhân. Cùng với duy mỹ và duy lý, duy đạo đức ghi nhận nội dung đạo đức của cuộc sống con người. Con người trở thành người có đạo đức chỉ khi nào tuân theo những chuẩn mực và yêu cầu đạo đức của xã hội, thực hiện những việc có ích và làm những điều thiện đối với mọi người. Con người sống không chỉ cho riêng mình, mà còn cho người khác, cho môi trường xung quanh. Chính trong hoàn cảnh đó, mỗi cá nhân làm phong phú những giá trị cuộc sống và tinh thần của mình. Còn sự liên quan tới tinh tôn giáo trong đời sống tinh thần của con người, theo chúng tôi, có hai mặt - "dương" và "âm", nghĩa là, có khía cạnh tích cực và mặt tiêu cực. Khía cạnh tích cực đó là giúp cho con người làm những điều thiện, "giải thoát", làm nhẹ bớt tâm hồn

khi ở những hoàn cảnh nặng nề, bị thảm như đi vào ngõ cụt. Mặt tiêu cực của nó liên quan tới lòng tin mù quáng và trình độ khoa học thấp của con người. Tóm lại, tinh tinh thần là phần quan trọng trong đời sống tinh thần. Nó tạo ra cơ sở, nền tảng cho sự xuất hiện và thực hiện những giá trị tinh thần của cá nhân.

Ở đời sống tinh thần của cá nhân, một vấn đề trở thành hiện tượng quan trọng trong việc hình thành những giá trị tinh thần - đó là việc đi tìm lẽ sống của con người. Khát vọng tìm tòi và thực hành lẽ sống là vốn có của tất cả mọi người, là động lực cơ bản của hành vi đạo đức và sự phát triển của cá nhân¹. Lẽ sống của con người, theo V.Phrankl là duy nhất và không lặp lại.

Khát vọng tìm tòi và thực hành lẽ sống, Phrankl xem xét như là khuynh hướng động cơ bẩm sinh. Khát vọng thực hành lẽ sống duy nhất làm cho mọi người trở thành cá nhân duy nhất. Lẽ sống thường xuyên là lẽ sống cụ thể của cá nhân. Ở thời điểm này, theo Phrankl, lẽ sống cần phải được cá nhân tìm kiếm, chứ không thể sáng tạo. Lẽ sống không được đem cho mà cần phải tìm nó. Tìm kiếm lẽ sống - đây mới chỉ

1. Xem : V.Phrankl. Con người trong việc tìm kiếm ý nghĩa (giá trị). Nxb "Tiến bộ". M., 1990, tiếng Nga.

là một nửa công việc, hơn thế nữa, chính là việc thực hành lễ sống. Thực hành lễ sống là quá trình không đơn giản. Nó phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và nguyện vọng của con người. Nhưng việc thực hành lễ sống là điều cần thiết cho mỗi người và cho đời sống trên trái đất. Lương tâm và trách nhiệm thôi thúc con người đi tìm lễ sống. Lễ sống, theo Phrankl, có thể được bổ sung sau một khoảnh khắc duy nhất, sau mỗi xúc cảm sâu sắc. Tình yêu - một trong những giá trị cơ bản nhất của sự xúc cảm, theo Phrankl, là tiềm lực giá trị phong phú nhất. Để nêu bật lên đặc tính sâu sắc của các ý nghĩa (giá trị) cần thiết có khả năng thực hiện được, Phrankl đưa ra quan niệm về giá trị - đó là sự tổng hợp toàn vẹn ý nghĩa, được kết tinh ở kết quả khái quát những hoàn cảnh đặc biệt mà xã hội và nhân loại đã trải qua trong lịch sử. Trong phân loại giá trị, theo Phrankl, có 3 nhóm giá trị nổi bật : những giá trị của sự sáng tạo, những giá trị của sự xúc cảm và những giá trị của mối quan hệ.

Trong đời sống tinh thần, con người được giải phóng là nhờ ở hành vi đạo đức của mình được xác định, trước hết là những giá trị và ý nghĩa được định vị ở tinh thần của con người. Toàn bộ đời sống tinh thần của cá nhân - là quá trình tìm kiếm và thực

hành một cách phong phú lẽ sống duy nhất của mỗi người. Trong quá trình này sự hình thành con người với tư cách là giá trị cao nhất được thực hiện. Con người tự nhận thức được giá trị đó.

Nguyên tắc cho sự hình thành con người với tư cách là giá trị cao nhất là việc bản thân mỗi người tự thực hiện quá trình đó một cách hiệu quả nhất, nhân đạo nhất những sức mạnh và khả năng của con người, với điều kiện là trong xã hội, con người phải được coi là "mục-dịch-tự-thân của sự phát triển xã hội". Nguyên tắc này xác định chiều hướng hoạt động của cá nhân. Nó giúp cho cá nhân khả năng lựa chọn mục đích, hệ thống các giá trị, con đường giải quyết các nhiệm vụ của đời sống, lựa chọn hành động, đưa ra cơ sở để kiểm tra và đánh giá hành động, hành vi đạo đức của mình. Tính nhân đạo là tiêu chuẩn chính so với các tiêu chuẩn có tính thực dụng - vị lợi khi đánh giá hiệu quả của các mặt nêu trên. Trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin đã nói tới sự phát triển toàn diện của cá nhân - Đây là lý tưởng, và lý tưởng nhân đạo cao cả của chủ nghĩa cộng sản. Và trong mối quan hệ này, điều quan trọng là cần phân biệt lý tưởng và hiện thực. Lý tưởng với tư cách là mục đích cuối cùng. Khi nào con người trở thành giá

trị cao nhất - giá trị tự-thân của sự phát triển xã hội, thì khi đó có thể nói rằng lý tưởng được thực hiện đầy đủ trong hiện thực. Trong thực tế, lý tưởng và hiện thực không khi nào trùng nhau hoàn toàn. Điều này phụ thuộc vào những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đồng thời sự khác nhau nhiều giữa lý tưởng và hiện thực làm chuyển hoá lý tưởng có khuynh hướng không tưởng. Quá trình thực hiện lý tưởng này xuất hiện một loạt những biến thái nghiêm trọng, dường như là không có cơ sở hiện thực để thực hiện. Mối quan hệ giữa lý tưởng và hiện thực có thể xem xét như là mối quan hệ giữa chân lý tuyệt đối và chân lý tương đối. Trong mối quan hệ này đòi hỏi tính tích cực của cá nhân và của xã hội mới có thể đạt được mục đích.

Tư duy mới cho ta khắc phục quan điểm "kỷ trị" đối với con người, xã hội tiếp nhận thang giá trị mới, trong đó giá trị cao nhất là con người. Dân chủ hoá rộng rãi các mặt của đời sống xã hội là phương tiện và điều kiện cơ bản để phát huy sáng kiến và tính độc lập của con người. Mặc dù chậm chạp, nhưng đang tiến triển quá trình khẳng định và phát triển những hình thức mới của sự phồn vinh xã hội - "đặc trưng tính người". Sự hiểu biết những giá trị "đặc trưng tính người" đó đang được hình

thành và được ưu tiên hơn so với "tính vật chất". Sự khẳng định và phát triển thang giá trị mới của xã hội cùng với việc tự thực hiện của các cá nhân trong đời sống xã hội là điều kiện xuất hiện và hình thành con người với tư cách là giá trị cao nhất.

2. NHỮNG KHÍA CẠNH CƠ BẢN NGHIÊN CỨU ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Trong các tài liệu xôviết, những khía cạnh nghiên cứu đời sống tinh thần được nghiên cứu nhiều hơn cả là khía cạnh nhận thức và khía cạnh xã hội.

Khía cạnh nhận thức làm sáng tỏ mối liên hệ chặt chẽ và sự phụ thuộc vào đời sống vật chất của đời sống tinh thần. Điều này được dự kiến trước bằng việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học và đem áp dụng vào mối tương quan giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội. Đời sống tinh thần được xác định là sự phản ánh của đời sống vật chất. "Đời sống tinh thần phản ánh mối quan hệ vật chất khách quan xuất hiện trong tự nhiên và xã hội, phản ánh thành tựu của ý thức con người trong tất cả các mặt biểu hiện, do đó đời sống tinh thần không thể đồng nhất với ý thức xã hội"¹.

1. Agarônhan A.X. Quy luật hình thành và phát triển của ý thức xã hội xã hội chủ nghĩa. Tasken, 1971, tr.11, tiếng Nga.

Việc giải quyết vấn đề về mối quan hệ giữa đời sống tinh thần và đời sống vật chất của xã hội ở khía cạnh nhận thức, không nên hạn chế bằng việc xem xét chỉ là mối liên hệ nhân - quả một chiều. Đời sống tinh thần tác động tích cực thông qua mọi hình thức biểu hiện đối với nguyên nhân sinh ra nó, đối với đời sống vật chất và hoạt động sống, và đời sống tinh thần là lĩnh vực độc lập tương đối so với đời sống vật chất. Nó không thường xuyên thay đổi trực tiếp tỷ lệ thuận và có khi không tương ứng với đời sống vật chất. Hơn nữa, đây lại là quan hệ tới cuộc sống riêng của cá nhân, tính phong phú của nó không cho phép khẳng định sự phụ thuộc đơn điệu, đơn giản. Ở đây sự tương tác phức tạp hơn nhiều. Chẳng hạn, trong thực tế, nhiều người có cuộc sống vật chất nghèo khó, nhưng họ lại có một đời sống tinh thần rất giàu có và phong phú. Ngược lại, có người có đời sống vật chất sung túc, nhưng đời sống tinh thần lại rất nghèo nàn, đơn điệu. Như F.Engen đã viết : "... Tình hình không phải hoàn toàn như vậy, rằng chỉ trạng thái kinh tế là nguyên nhân, rằng chỉ nó mới là có tính tích cực, còn tất cả mọi cái còn lại - chỉ là kết quả thụ động. Không, ở đó sự tương tác trên cơ sở tính tất yếu kinh tế, suy cho cùng, thường xuyên khai phá con đường đi

riêng cho mình".¹ Vấn đề là ở chỗ việc nâng cao đời sống vật chất chỉ mới là điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống và đời sống tinh thần, chứ không phải là tự động kéo theo sự phong phú tinh thần tương ứng. Đời sống tinh thần của cá nhân có tính độc lập tương đối và có khoảng cách so với đời sống vật chất. F. Engen đã viết : "Lĩnh vực nào càng xa cách cái kinh tế, càng tiến gần cái tư tưởng thuần túy trừu tượng, mà chúng ta nghiên cứu, thì chúng ta sẽ nhận thấy ở sự phát triển của nó càng nhiều tính ngẫu nhiên và đường cong của nó càng thấy nhiều đường dích - dắc hơn"².

Sự đúng đắn của luận điểm này đặc biệt rõ ràng khi nghiên cứu khía cạnh cơ bản, theo quan điểm của chúng tôi, là khía cạnh giá trị trong đời sống tinh thần của xã hội, và hơn thế nữa, của cá nhân.

Khía cạnh nhận thức là một khía cạnh quan trọng trong việc phân tích đời sống tinh thần, nhưng không phải là duy nhất, và theo chúng tôi, nó không là khía cạnh cơ bản trong nghiên cứu đời sống tinh thần. Nó có thể là khía cạnh chủ yếu trong việc phân tích và nghiên cứu quá trình nhận thức cũng như kết quả của nó ở ý thức của con người. Ở đời sống tinh

1. C.Mác, F.Engen. Tuyển tập. Tập 39, tr.175, tiếng Nga.

2. Sách đã dẫn, tr.176.

thần khía cạnh nhận thức đóng vai trò hỗ trợ và là điều kiện quan trọng để tìm tòi và sáng tạo những giá trị tinh thần - kết quả của đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân, đồng thời nó là đối tượng đặc biệt để phân tích các khía cạnh giá trị. Khía cạnh nhận thức là nguyên tắc trọng tâm trong quá trình nhận thức, ý thức và tự ý thức. Còn trong quá trình đời sống tinh thần nó chỉ là khía cạnh hỗ trợ cơ bản và chế ước khía cạnh khác (khía cạnh giá trị) trong việc hình thành những giá trị tinh thần. Giá trị tinh thần, suy cho cùng, cũng bao hàm tri thức trong đó. Nhưng tri thức ở đây không đơn giản là tri thức về một đối tượng nào đó, mà là tri thức có ý nghĩa (giá trị) riêng, cao quý, tác động tới tâm hồn con người, tới ý chí, tình cảm của mọi người; tri thức "ở trình độ khác", tri thức về ý nghĩa của tồn tại con người và ý nghĩa đó trở thành giá trị tinh thần, vĩnh viễn lưu lại trong thế giới tinh thần con người.

Khía cạnh xã hội cũng được vận dụng vào việc nghiên cứu đời sống tinh thần - Khía cạnh này là sự bổ sung cần thiết, làm sáng tỏ vị trí, ý nghĩa và vai trò của đời sống tinh thần trong hệ thống xã hội. Về phương diện xã hội, đời sống tinh thần không quy thành sự tổng hoà các hiện tượng tinh thần nói chung,

mà phần nhiều nêu lên đặc điểm hình thành về mặt nội dung và số phận đối với con người. Vận dụng khía cạnh xã hội cho phép xem xét đời sống tinh thần với tư cách là một trong những lĩnh vực xã hội, mà ở đó có tác động của một số quy luật sản xuất tinh thần và phổ biến những sản phẩm của nó. Trong tài liệu xôviết, khía cạnh xã hội chưa được ứng dụng rộng rãi để nghiên cứu đời sống tinh thần, mặc dù các nhà nghiên cứu phần lớn ý thức được tính quan trọng của nó.

Về phương diện xã hội, đời sống tinh thần có quan hệ với tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Nó đáp ứng việc phân tích sự phát triển của ý thức xã hội, mà ý thức xã hội được xem xét trong sự thống nhất với những tổ chức và cơ cấu xã hội. Đời sống tinh thần của xã hội là một lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có tác động của các quy luật ý thức xã hội.

Tồn tại cả quan điểm bản thể luận trong việc nghiên cứu đời sống tinh thần. Theo quan điểm đó, đời sống tinh thần tương quan với đời sống vật chất, trong đó cái vật chất được biểu hiện ở sự thống nhất với cái tinh thần. Ở hai hình thức này diễn ra toàn

bộ đời sống con người. Trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học, suy cho cùng, đời sống vật chất quy định đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân. Tính đặc biệt ở mối quan hệ giữa hai hình thức đó của cuộc sống con người được thể hiện ở chỗ : đời sống vật chất bao hàm trong đó cái tinh thần với tư cách là phương thức biểu hiện của cái vật chất và đời sống tinh thần được thực hiện thông qua cái vật chất đó. Vì thế, sự phân chia ranh giới giữa chúng là có tính tương đối. Chẳng hạn, trong văn học và nghệ thuật, cái tinh thần được vật chất hoá trong cuốn sách, tranh ảnh, tượng đài v.v... Đó là sự biểu hiện "trực tiếp" của cái tinh thần thông qua cái vật chất. Mặt khác, ở đây *hình thức* vật chất không phải là cái chủ yếu, mà chính là nội dung tinh thần được con người tiếp thụ thông qua *phương tiện* vật chất đó. Sự biểu hiện "gián tiếp" của cái tinh thần thông qua cái vật chất cũng được tồn tại. Chẳng hạn, vào năm mới cậu bé được tặng cái áo mới. Ở trường hợp này, quà tặng được đánh giá không chỉ là vật dụng, mà còn với tính cách là cái tinh thần, sự biểu lộ quan hệ tình cảm thông qua cái vật chất (quà tặng), làm cậu bé vui sướng.

Khía cạnh bản thể luận ở đời sống tinh thần cho phép nghiên cứu đời sống tinh thần ở hiện thực, ở

đời sống và làm rõ mối liên hệ liên tục của đời sống tinh thần với hoạt động sống có tính vật chất. "... Đời sống thuộc về thể chất và đời sống tinh thần - C.Mác viết, - là không ngừng liên quan với giới tự nhiên..."¹

Với cố gắng nghiên cứu tổng quát đời sống tinh thần của xã hội, A.K.Ulêđốp trong cuốn sách "Đời sống tinh thần của xã hội" (Nxb "Tu tưởng", M., 1980) đã xem xét khía cạnh nhận thức - xã hội. Theo tác giả, trong nghiên cứu đời sống tinh thần cần xuất phát từ một điều ích lợi là khía cạnh nhận thức và khía cạnh xã hội được thể hiện với tư cách là những phương diện, những nhân tố. Mặt khác, tác giả hiểu quan điểm nhận thức - xã hội không phải là sự áp dụng thống nhất các khía cạnh này, mà là quan điểm độc lập trong việc phân tích tính chế ước của sự phát triển các hiện tượng nghiên cứu và sự thực hiện thực tế của nó. Theo quan điểm này, mối tương quan giữa các hiện tượng nghiên cứu được tiếp thu đồng thời cả đặc tính nhận thức lẫn đặc tính xã hội. Ở khía cạnh nhận thức mối tương quan đó được thể hiện là đời sống vật chất không phụ thuộc vào đời sống tinh thần và đời sống tinh thần được quy định bởi đời sống vật chất. Nhưng, hoạt động đối tượng - thực tiễn

1. C.Mác, F.Engen. Tuyển tập. Tập 42, tr.92, tiếng Nga.

lại ở trong mối phụ thuộc nhất định vào ý chí và ý thức của mọi người. Để có thể làm rõ mối tương tác giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, theo tác giả, là việc áp dụng quan điểm nhận thức - xã hội vào việc nghiên cứu đời sống tinh thần. Theo quan điểm này sự không phụ thuộc của đời sống vật chất vào đời sống tinh thần không phải là có tính dứt khoát (kiên quyết) đến mức như ở khía cạnh nhận thức. Quan điểm này cho phép làm rõ sự phụ thuộc của cái tinh thần vào cái vật chất và vạch ra sự thống nhất của cái vật chất và cái tinh thần trong các hiện tượng xã hội. Biểu hiện cụ thể của sự thống nhất giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần chính là lối sống của mọi người.

Tóm lại, để nghiên cứu đời sống tinh thần có thể sử dụng (áp dụng) nhiều khía cạnh phong phú và nhiều phương pháp khác nhau, chúng cho phép vạch ra tính chất đa diện và đa dạng của đời sống tinh thần.

Trong nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân, đặc biệt là ở giai đoạn hiện đại, chúng tôi cho rằng khía cạnh chủ đạo của đời sống tinh thần là khía cạnh giá trị. Trong công trình này, chúng tôi không đặt ra nhiệm vụ và không có kỳ vọng nghiên cứu tất cả các

khía cạnh của đời sống tinh thần của cá nhân, mà chỉ nghiên cứu khía cạnh cơ bản, theo chúng tôi, là khía cạnh giá trị.

Quan điểm giá trị đối với nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân.

Trong tài liệu triết học xôviết quan điểm giá trị được diễn đạt và nghiên cứu vào cuối những năm 60 trong lĩnh vực văn hoá. Sự hình thành của nó cũng đồng thời là kèm theo sự phê phán. Những người phê bình quan điểm này cho rằng, ở đó văn hoá được luận giải không phải là quá trình, mà là cái gì đó có tính thống kê, là trạng thái cứng nhắc ở kết quả sáng tạo của mọi người. Văn hoá biểu hiện dưới dạng là tập hợp những sản phẩm (giá trị) hoạt động của con người. Ở đó chủ thể của quá trình văn hoá - lịch sử biến mất. Định nghĩa văn hoá như là sự tổng hoà của các giá trị, tạo ra cơ sở cho quan điểm đánh giá chủ quan trong sự hiểu biết về văn hoá. Theo các nhà phê bình, văn hoá tất nhiên được công nhận là tinh hoa, nhưng phán quyết giá trị chỉ đem đặc tính mô tả và gây khó khăn cho việc vạch ra bản chất của các hiện tượng nghiên cứu. Ở một loạt các trường hợp, quan điểm này được tiếp nhận là mang đặc điểm "chủ nghĩa hư vô tinh tế". Tại sao quan điểm giá trị lại bị phê phán?

Thứ nhất, sự tổn thương của quan điểm giá trị trong phân tích văn hoá phát sinh là do cách hiểu một chiều, không tương ứng với bản chất của chính những giá trị. Đồng thời, ở đây tồn tại cuộc đấu tranh, mâu thuẫn căng thẳng giữa các quan điểm đối lập khác nhau, không cho phép giải quyết những vấn đề văn hoá theo quan điểm giá trị.

Thứ hai, trong những năm này, khoa học xã hội, trong đó có văn hoá được dựa vững chắc trên nguyên tắc tư tưởng của "cuộc đấu tranh giai cấp" trong xã hội và trên phạm vi toàn thế giới. Vì thế, những giá trị không thể có những tính chất chung của nhân loại, mà ngược lại, chúng đem đặc điểm giai cấp cụ thể.

Thứ ba, vào lúc đó, cách hiểu có tính chất trội hơn về con người với tư cách là *đối tượng*, chứ không phải với tư cách là *chủ thể* của hành động. Con người được hiểu hơn cả với tư cách là *điều kiện* và *phương tiện*, chứ không phải với tư cách là *mục đích* của sự phát triển xã hội, không phải với tư cách là giá trị cao nhất và tài sản chính của xã hội.

Trong lịch sử nhân loại, con người thường xuyên được thể hiện là chủ thể của sự phát triển lịch sử. Nhưng cả một thời gian dài trong tư duy và thực tiễn xã hội, con người dường như luôn luôn không là chủ

thể, mà chỉ là đối tượng hành động của các lực lượng xã hội đứng bên trên mọi cá nhân. Cách hiểu như vậy về con người đã là cơ sở thực tế cho mọi áp bức vô nhân đạo, đã man đối với con người.

Thay đổi sâu sắc về sự hiểu biết và tri thức về con người với tư cách là chủ thể của lịch sử, đòi hỏi việc xem xét những khía cạnh giá trị trong nghiên cứu xã hội và sự phát triển của khoa học nói chung, trong đó có tri thức về đời sống tinh thần của cá nhân nói riêng. Toàn bộ các vấn đề đạo đức con người là cơ sở của quan điểm này. Nhân đạo hoá sự nhận thức và khoa học về cá nhân (con người) là tiền đề cho sự nhân đạo hoá thực tiễn xã hội.

Bản thân cuộc sống đặt triết học và khoa học vào mối quan hệ với hệ thống những giá trị đích thực trong xã hội và ngay trong bản thân khoa học. Sự lý giải đặc điểm mối tương quan này không ngừng tăng lên từ những nhu cầu của xã hội loài người, trong đó có nhu cầu tinh thần của cá nhân. Nhu cầu đó đáp ứng những tiềm năng bên trong của cá nhân đối với sự tự nhận thức và tự xác định vị trí của mình trong hệ thống xã hội.

Mặt khác, những vấn đề toàn cầu đặt ra những nhiệm vụ trước xã hội và con người mà muốn giải

quyết chúng đòi hỏi những hành động hợp tác. Ở giai đoạn hiện đại này, ý nghĩa đặc biệt có được là mối quan hệ nhân đạo của con người đối với tự nhiên, với nhau và với công việc cụ thể. Nhân đạo hoá con người là một trong những tu tưởng chính trong đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân ở giai đoạn hiện đại. Đối với mỗi xã hội tính ý thức và sự chín muồi, trưởng thành về mặt thể giới quan là những yếu tố quyết định để giải quyết thành công các vấn đề có liên quan tới phát triển văn hoá xã hội với tư cách là kết quả tổng hoà của sự sáng tạo hiện thực tinh thần và phát triển các nỗ lực sáng tạo của cá nhân. Giải quyết thành công những nhiệm vụ đặt ra là có liên quan tới việc nâng cao vai trò của nhân tố con người. Quan điểm đó, trước hết là thuộc về bản chất nhân đạo chân chính của chủ nghĩa xã hội, định hướng giá trị của chủ nghĩa xã hội. Đối với mỗi cá nhân, tính nhân đạo là sự ghi nhận trình độ văn hoá cao trong mối quan hệ con người, dựa trên sự kính trọng các quyền tự do, danh dự và phẩm giá của mỗi người.

Trong văn hoá chứa đựng những giá trị tinh thần, mà được thể hiện là cách thức hoạt động và tiêu chuẩn phát triển của xã hội, thời đại và mỗi người. Mối liên hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế - xã hội

và phát triển văn hoá (tinh thần) trở thành nhu cầu khách quan của tiến bộ xã hội, trở thành điều kiện và tiền đề cho sự phát triển tự do của cá nhân. Sự phức tạp của các vấn đề đặt ra liên quan tới việc thực hiện các nhiệm vụ này, trong đó vấn đề con người và nhân tố con người là vấn đề trung tâm. Trong đời sống tinh thần của cá nhân, văn hoá thể hiện là cái nền và nội dung, trong đó kết tinh những giá trị tinh thần của đời sống, mục đích, lẽ sống, lý tưởng của con người. Giá trị tinh thần chính là những kích thích bên trong, hướng con người tới sự mở mang và phát triển những năng lực và khả năng sáng tạo của mình. Chủ nghĩa nhân đạo là biểu hiện rõ ràng hơn cả của cái nền văn hoá con người. Đó chính là chiều hướng chung của đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân, bao hàm trong nó những hình thức lịch sử khác nhau. Nội dung của chủ nghĩa nhân đạo được dựa trên cơ sở là hướng tới việc hình thành những giá trị đạo đức ở mỗi người. Con người, trước hết phải là con người đạo đức. Nhân cách và đạo đức phải là tiêu chuẩn để đánh giá hành động của mỗi người thông qua các công việc xã hội cụ thể. Ở đây mối liên hệ của đời sống tinh thần của cá nhân với những giá trị của chủ nghĩa nhân đạo là có tính trực tiếp, hiển nhiên và rõ ràng.

Thời hiện đại - là thời kỳ, khi mà, một mặt, trước loài người mở ra những khả năng to lớn cho sự tiến bộ đáng kể về kinh tế - xã hội và tinh thần ; mặt khác, cũng đem đến những thử thách chưa từng thấy đối với sự khẳng định tất cả những giá trị của chủ nghĩa nhân đạo, bởi vì nhân loại lần đầu tiên trong lịch sử được đặt trước vấn đề bị đe dọa tự huỷ diệt. Điều cần thiết là phải thay đổi sự nhận thức về con người không chỉ là chủ thể hành động, mà còn là *giá trị cao nhất* của tự nhiên và xã hội. Trong nghiên cứu khoa học xuất hiện trạng thái, tình huống là chủ thể nhận thức phải có trách nhiệm tinh tới những giá trị đạo đức. Hiện nay những tình huống ấy trong triết học và khoa học nói chung, cho ta thấy ngày càng trở nên rõ rệt hơn. Đó là sự quan tâm tới khía cạnh giá trị trong nghiên cứu khoa học, mở ra các triển vọng trong việc vận dụng những tri thức để thực hiện các mục đích thực tế. Đặc biệt là trong nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân, quan điểm giá trị gắn liền với những nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa nhân đạo. Những nguyên tắc đạo đức đó giữ gìn, bảo vệ nhân cách mỗi người.

Trong đời sống tinh thần và qua đời sống tinh thần, con người được thể hiện với tư cách là chủ thể

hoạt động, chủ thể sáng tạo lịch sử và là giá trị cao quý. Sự phát triển văn hoá và đời sống tinh thần, suy cho cùng, chính là sự tự phát triển của mỗi người.

Rõ ràng là nhân đạo hoá những mục đích và lý tưởng, chính là bản chất bên trong của các quá trình kinh tế - xã hội vì mục tiêu con người. Sự xem xét, đánh giá, phục hồi những giá trị chân chính của chủ nghĩa xã hội gắn liền với cuộc đấu tranh vì sự hiểu biết chân chính đối với con người với tư cách là giá trị cao nhất và là tài sản, phồn vinh chủ yếu của xã hội.

Đời sống tinh thần là quá trình và kết quả phát triển của chính con người. Nó là "môi trường thứ hai" nhằm thoả mãn và phát triển những nhu cầu đa dạng của con người. Về mặt nhận thức luận, đời sống tinh thần là sự phản ánh đời sống vật chất. Và cả hai loại đời sống này biểu hiện thước đo, mức độ chinh phục những lực lượng tự nhiên bởi con người. Hơn nữa, ở đời sống tinh thần còn biểu hiện một hình thức sản xuất rất đặc thù, đó là sự sản xuất ra chính bản thân con người với tư cách là con người xã hội, nghĩa là sự sản xuất ra con người trong tất cả sự phồn vinh của các mối liên hệ và quá trình xã hội, trong toàn bộ tính tổng thể của tồn tại xã hội. Mức độ phát triển

của con người, chất lượng đời sống xã hội xác định mức độ tiến bộ đạt được của đời sống tinh thần, cũng như vậy, mức độ của đời sống tinh thần phần nhiều là chỉ số của mức độ đời sống vật chất của xã hội và của cá nhân.

Đời sống tinh thần là một lĩnh vực của đời sống xã hội - khái niệm có giới hạn rộng lớn này dùng để chỉ bất kỳ sự biểu hiện tinh thần nào : sáng tạo tinh thần, quan hệ, giao tiếp, thể chế xã hội liên quan tới hệ thống sản xuất tinh thần, truyền bá, sử dụng, bảo tồn những giá trị tinh thần v.v... Trong đời sống tinh thần, văn hoá tinh thần là chỉ số phát triển của cá nhân, chỉ số biểu hiện những tiềm năng của con người.

Đời sống tinh thần liên hệ mật thiết với sản xuất tinh thần. Khái niệm "sản xuất tinh thần" đã được Mác và F.Engen sử dụng rộng rãi trong trước tác "Hệ tư tưởng Đức". Vấn đề sản xuất tinh thần trong khoa học xã hội đã trở thành đối tượng của những nghiên cứu chuyên ngành trong những năm gần đây. Sản xuất tinh thần là kết quả của sự phân công lao động xã hội. Nó là sự sản xuất những tư tưởng, khái niệm v.v... trên cơ sở của mình. Trong quá trình sản xuất tinh thần, kết quả nhận được

không chỉ là tri thức, mà còn những ý nghĩa với tư cách là những giá trị tinh thần.

Khía cạnh giá trị trong đời sống tinh thần liên quan tới sự nhận thức chân lý. Đối với các nhà khoa học, những tình huống xuất hiện trong nghiên cứu khoa học có khi rất liên quan tới những giá trị đạo đức. Bởi vậy việc định vị giá trị đạo đức xã hội, giá trị nhân đạo trong nghiên cứu khoa học là một yêu cầu chính đáng, làm tiền đề cho quan hệ tương hỗ của nó với lợi ích của con người. Mọi quan hệ tương hỗ giữa tri thức khoa học và giá trị của chủ nghĩa nhân đạo được thể hiện ở ý nghĩa có tính chất toàn nhân loại của khoa học do con người sáng tạo và để phục vụ cho chính con người. Quá trình nhận thức khoa học với tính cách là sự sản xuất tri thức mới, được hiện ra trước hết là sự tự thực hiện, tự sáng tạo của cá nhân - chủ thể có khả năng sản xuất các tri thức đó. Trong quan điểm này, ý nghĩa giá trị thể hiện với tính cách là hình thức tự xác định, tự khẳng định của cá nhân với tư cách là chủ thể trong các mối quan hệ đối với xã hội, với người khác và với chính bản thân mình.

Bản thân khoa học với tính cách là hệ thống tri thức khách quan không thể mang theo trách nhiệm

đối với việc sử dụng nó. Bản thân các nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học cũng không bao hàm hay được đưa vào khía cạnh giá trị (trong nghiên cứu khoa học chỉ có khái cạnh nhận thức là khía cạnh chính mà thôi). Sự phát minh tri thức khoa học mới, ở thời điểm ban đầu của nó, chỉ có thể đơn giản là mục đích tự thân. Nhưng cuối cùng thì những phát minh khoa học có thể được ứng dụng trong thực tiễn, nghĩa là, trong lĩnh vực hoạt động của con người. Trong quá trình này, khi con người sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học thì phải chịu trách nhiệm đối với nó. Ví dụ như việc phát minh ra năng lượng nguyên tử : bản thân quá trình nghiên cứu của nhà khoa học không có (không mang theo) nội dung giá trị trực tiếp, nhưng khi sử dụng năng lượng nguyên tử, thì giá trị con người lại là thước đo chính. Ngày nay, nhà khoa học không thể không nghĩ tới những hậu quả xã hội trong công việc nghiên cứu khoa học của mình. Vấn đề hoàn toàn mới về trách nhiệm xã hội của nhà khoa học đã xuất hiện. Trong đời sống tinh thần của nhà khoa học với tư cách là một cá nhân, khía cạnh giá trị biểu hiện như một chất lượng mới, kích thích chính bản thân nhà khoa học trong công việc của mình. Định hướng giá trị trong nghiên cứu khoa học không "cản trở" nhà khoa học phát

minh ra cái mới, mà ngược lại, lại kích thích sinh lực bên trong của anh ta. Do đó, khía cạnh giá trị của sự phát triển khoa học, nhân đạo hoá khoa học là nhu cầu có tính mục đích của khoa học và cũng là nhu cầu trong cuộc sống của bản thân nhà khoa học với tư cách là một cá nhân.

Khía cạnh giá trị của đời sống tinh thần là nội dung và bản chất chủ yếu của nó. Đối với mỗi chủ thể, khía cạnh giá trị tác động theo hai hướng : thứ nhất, hướng ra bên ngoài, đó chính là mối quan hệ, sự giao tiếp của chủ thể với môi trường xung quanh ; thứ hai, hướng vào bên trong với chính bản thân chủ thể. Hai khuynh hướng này nằm trong quá trình thống nhất của hoạt động con người - của đời sống tinh thần của cá nhân. A.K. Ulêđốp đã nhấn mạnh : "... trong định nghĩa phạm trù đời sống tinh thần thì điều cần thiết phải xuất phát không những từ sự phản ánh bởi chính nó ở hiện thực tinh thần, mà bao trùm là phạm trù ý thức xã hội, mà còn xuất phát từ chính chủ thể của hiện thực đó, chủ thể thực hiện sự sản xuất tinh thần nhằm thoả mãn những nhu cầu của mình với sự trợ giúp của những sản phẩm đã tạo ra, chủ thể thể hiện mình qua các mối quan hệ tinh thần và thường xuyên biểu lộ trạng thái tâm lý nhất định,

nghĩa là cái tinh thần sống động đó"¹. Chính ở đây khẳng định khía cạnh giá trị của đời sống tinh thần của cá nhân.

Như vậy đời sống tinh thần của cá nhân về bản chất là một quá trình hiện thực và là kết quả tồn tại của chính bản thân con người với mục đích tổ chức đời sống của mình, khẳng định vị trí của mình trong thế giới và với mục đích tìm kiếm, sáng tạo những giá trị tinh thần. Đây là quá trình tự nhận thức và tự khẳng định những phẩm chất của mình. Con người trở thành con người đạo đức với đúng nghĩa của nó khi nó là giá trị cao nhất của xã hội.

3. QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ - CỤ THỂ VÀ NGUYÊN TẮC HỆ THỐNG TRONG NGHIÊN CỨU LĨNH VỰC TINH THẦN CỦA CÁ NHÂN.

a/ Về quan điểm lịch sử - cụ thể trong nghiên cứu đời sống tinh thần

Nguyên tắc lịch sử đã được C.Mác và F.Engen vận dụng trong "Hệ tư tưởng Đức". Đời sống xã hội của con người được hình thành và phát triển trong quá trình phát triển lịch sử của xã hội. Con người và thế giới xung quanh nó là sản phẩm lịch sử, là kết quả hoạt động của các thế hệ kế tiếp.

1. Уледóp А.К. Đời sống tinh thần của xã hội. Nxb Tư tưởng. M. 1980, tr. 37-38, tiếng Nga.

Đời sống tinh thần là quá trình và kết quả tồn tại của con người luôn luôn là một đời sống có tính lịch sử. Nó chính là đời sống hiện thực của mỗi con người. Bởi vậy, khi nghiên cứu đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân, đòi hỏi phải có quan điểm lịch sử - cụ thể, cần tính tới không chỉ lịch sử xã hội mà mỗi cá thể sống trong đó, mà còn tính tới lịch sử của chính bản thân cá thể ấy. Trong công trình này, chúng tôi không có ý định nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân ở tất cả các giai đoạn phát triển của loài người, mà chỉ ở giai đoạn hiện đại.

Ở khía cạnh triết học, đời sống tinh thần là một phạm trù triết học. Theo C.Mác, "các phạm trù và các mối quan hệ biểu hiện các phạm trù đó thường là ít có tính vĩnh cửu. Đây là những sản phẩm có tính lịch sử và nhất thời"¹.

Vì vậy, quan điểm lịch sử - cụ thể là vô cùng thuận lợi để lý giải bản chất của đời sống tinh thần, để hiểu biết những quy luật phát triển, cũng như các mối tương tác của nó với những lĩnh vực khác của đời sống. Trong đời sống tinh thần của cá nhân, chủ nghĩa lịch sử làm rõ ý nghĩa triết học để thấu hiểu

1. C.Mác, F.Engen. Tuyển tập. Tập 27, tr. 409, tiếng Nga.

vai trò của nhân tố con người trong lĩnh vực giá trị vật chất và tinh thần, văn hoá và đời sống, thấu hiểu mỗi cá nhân với tư cách là chủ thể hành động và sáng tạo trong hoạt động sống của mình.

Hiện nay, nhiệm vụ đặc biệt quan trọng được đặt ra cho mỗi người là không ngừng trau dồi văn hoá, trong đó có quan hệ đạo đức của con người đối với công việc, với người khác và với chính bản thân mình. Đây chính là những giá trị có tính nhân loại chung. Trong mối quan hệ đó, xuất hiện thực tế biện chứng phát triển của mỗi cá thể và nhân loại với tính cách như của giống loài. Trong quá trình hiện thực đó (đời sống tinh thần), quan điểm lịch sử cho phép giải thích và làm rõ những hiện tượng tích cực và tiêu cực. Quá trình tăng cường vai trò của con người trong sản xuất xã hội và lịch sử là có tính chất phức tạp và có tính tổng thể. Thực tiễn đã chỉ rõ, những toan tính giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế tách rời hoặc thiếu vắng, không đếm xỉa tới những vấn đề xã hội, những nhân tố đạo đức tinh thần, thì cuối cùng sẽ dẫn tới những hậu quả tai hại. Bởi vậy, trong tất cả lợi ích của sự phát triển kinh tế, nâng cao tính hiệu quả của sản xuất, nếu không có mối liên hệ với những lĩnh vực khác của đời sống xã hội, thì quá trình này

sẽ không đạt được thành tựu. Giải quyết những nhiệm vụ này trong thực tiễn, đòi hỏi sự giải quyết có tính chất biện chứng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân.

Trong mỗi cá nhân những giá trị tinh thần của cuộc sống được hình thành. Những giá trị đó bắt rễ trong thế giới tâm hồn của cá nhân, kích thích thế giới đó phát triển và tạo ra một *tâm thế*, một sự *chuẩn bị*, một cơ sở có tính xã hội cho tính tích cực của mỗi cá nhân. Tính tích cực, tính sáng tạo, độc lập và tinh thần trách nhiệm là những khía cạnh tinh thần trong hoạt động thực tiễn của cá nhân đó. Các khía cạnh này liên quan tới sự chín muồi và trưởng thành về mặt tư tưởng - đạo đức và chính trị, liên quan tới trình độ tri thức và văn hoá của con người. Sự phát triển năng lực tinh thần của cá nhân - điều kiện cần thiết đối với tính tích cực của con người trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Năng lực tinh thần với tính cách là cơ sở cho tính tích cực của cá nhân trong lao động, trong hoạt động chính trị - xã hội phụ thuộc vào những điều kiện cụ thể của lối sống và giáo dục. Trong những điều kiện khác nhau mỗi cá nhân có thể là một đối tượng thụ động trước những tác động xã hội hoặc có thể là một chủ thể sáng tạo tích

cực những sản phẩm vật chất và tinh thần, kể cả sự "sáng tạo chính bản thân mình" với nghĩa là quá trình tự phát triển của cá nhân.

Tính tích cực của cá nhân sẽ không thể hiểu được nếu thiếu sự phát triển cái tinh thần nói chung của nó, và cái cần thiết là tạo ra những tiền đề khách quan cũng như chủ quan cho nó. Khảo sát quan điểm giá trị của đời sống tinh thần của cá nhân và khẳng định quan điểm đó trong các khoa học về con người là nhiệm vụ có tính lịch sử - cụ thể trong nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân ở thời kỳ hiện đại.

Đời sống tinh thần có tính lịch sử liên quan chặt chẽ với ý thức lịch sử. Lịch sử, theo F.Engen - đây là "hoạt động theo đuổi những mục đích của con người". Nhưng đây không phải là hoạt động tùy tiện, mà hoạt động của con người theo quy luật khách quan : Ý thức lịch sử được thể hiện là khía cạnh tư tưởng của tính kế thừa khách quan qua hoạt động của các thế hệ khác nhau, trong đó có cả thời gian hoạt động của mỗi người. Ý thức lịch sử được hiểu là mối liên hệ tư tưởng qua các thời đại và chiếm vị trí quan trọng trong văn hoá tinh thần và văn hoá đạo đức của mỗi cộng đồng người nhất định nào đó. Đây chính là mối liên hệ của những giá trị tinh thần và chúng liên kết

các thế hệ khác nhau trong lịch sử. Những giá trị tinh thần lịch sử này được ứng dụng trong đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân, được hình thành trong quá trình lịch sử của sản xuất tinh thần. Ý thức lịch sử bao hàm trong nó truyền thống và sự hình thành cái mới. Nó như là "sợi chỉ đỏ" liên hệ quá khứ, hiện đại và tương lai. Truyền thống là yếu tố của trí nhớ xã hội, bảo đảm tính kế thừa của các thế hệ. Những giá trị tinh thần về cơ bản được chứa đựng trong truyền thống, chúng có khả năng duy trì sự ổn định của các mối quan hệ xã hội. Chúng có trong các tiêu chuẩn tinh thần xã hội, đạo đức. Đây chính là mối quan hệ thực tiễn về mặt tinh thần giữa mọi người, là đời sống tinh thần hiện thực của mọi người. Trong đời sống tinh thần, ý thức lịch sử giúp con người ý thức được sự tham gia của mình vào quá trình phát triển văn hoá con người, nâng cao tính trách nhiệm đối với hành động của mình, kích thích mạnh mẽ tính tích cực sáng tạo, định hướng hoạt động đời sống của mỗi cá nhân.

Tự ý thức lịch sử cũng chiếm một vị trí quan trọng trong cơ cấu của giá trị. Đây chính là tri thức không chỉ về lịch sử nhân loại, mà còn là lịch sử của mỗi cá thể, tri thức về "cái Tôi" sở hữu. "Cái Tôi" mang trên

mình nó đặc điểm lịch sử, là bản chất riêng, có lịch sử của mình. Bởi vậy "cái Tôi" là một hiện tượng lịch sử - cá thể. "Hình tượng cái Tôi" là biến thể cá nhân của khái niệm về con người, mà khái niệm đó đặc trưng cho môi trường văn hoá trong đó con người đang sống. Sự "tự tách ra" của cá thể là quá trình phát triển nhận thức về những đặc tính của "cái Tôi" và là một quá trình lịch sử. Quá trình cá thể hoá này xảy ra ở con người có tính đến sự khác biệt bẩm sinh và được bổ sung bằng những khác biệt về văn hoá - xã hội, và ở các giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội, nó lại được bổ sung bằng những khác biệt có tính chất cá nhân. Sau này, trên cơ sở đó xuất hiện sự kết hợp, sự đan chéo nhau của các phẩm chất bẩm sinh và xã hội, mà chúng được khúc xạ trong ý thức của cá thể, hình thành nên hệ thống động cơ và tâm thế bên trong một cách bền vững và được đặc trưng bằng khái niệm "cái Tôi". Những tâm thế và động cơ hoạt động này biểu hiện biến thái của lý tưởng, của những khái niệm chung về thế giới, của nhận thức những giá trị đạo đức và các giá trị tinh thần khác dưới hình thức những quan điểm, thế giới quan v.v... Sự tự ý thức lịch sử chính là sự tự nhận thức có tính riêng biệt của con người với tính cách là sản phẩm

của tiến hoá lịch sử và phát triển của tự nhiên và xã hội. Chính bản thân con người - một "sản phẩm" phát triển của tự nhiên và của xã hội, một chủng loại duy nhất và chưa hề thấy chủng loại thứ hai nào tương tự trong vũ trụ. Rõ ràng là trong mối quan hệ đó, với ý nghĩa đó, con người là giá trị cao nhất của cả tự nhiên và của cả xã hội. Vì vậy mà cần bảo vệ và giữ gìn nó.

Quan điểm lịch sử cụ thể trong nghiên cứu đời sống tinh thần cho phép chúng ta phân biệt loại thể hoặc bản chất của đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân theo trục thời gian phát triển của xã hội loài người. Mỗi loại thể đó đặc trưng cho từng giai đoạn phát triển của xã hội và của mỗi cá nhân. Nó phụ thuộc vào phương thức sản xuất xã hội và sự lựa chọn phương hướng phát triển của mỗi cá nhân, nghĩa là phụ thuộc vào sự lựa chọn chức năng, nghề nghiệp của mỗi người trên con đường đi của mình trong hệ thống đời sống xã hội. Việc lựa chọn chức năng, nghề nghiệp của con người thường xuyên có tính lịch sử (trong đó có cả sự lựa chọn cần thiết và ngẫu nhiên). Sự lựa chọn đó của con người không chỉ phụ thuộc vào các động cơ bên trong thế giới tâm hồn con người, mà còn phụ thuộc vào hoàn cảnh

khách quan và điều kiện lịch sử - cụ thể, trong đó con người đang sống. Nhờ quan điểm lịch sử - cụ thể chúng ta có thể tìm kiếm và phân tích mối quan hệ nhân quả trong quá trình đời sống tinh thần của cá nhân (cá nhân tồn tại trong đó và đánh giá hành vi, hạnh kiểm của mình). Hơn nữa quan hệ nhân - quả trong sự phát triển của thế giới tinh thần con người là hết sức phức tạp, đa dạng, đan quyện lấy nhau, ràng nghiên cứu chúng là điều hết sức phức tạp. Điều đó cho ta cơ sở để khẳng định rằng quan điểm quyết định luận ít hoặc hoàn toàn không thể áp dụng vào sự nghiên cứu những hiện tượng tinh thần. Đây là một vấn đề phức tạp, mới chỉ ghi nhận một số định hướng ban đầu trong việc giải quyết nó.

Quan điểm lịch sử cụ thể cho chúng ta "điểm xuất phát" để đánh giá và tự đánh giá, phê bình và tự phê bình, ý thức và tự ý thức trong đời sống tinh thần. Nó "đặt" cá nhân vào hoàn cảnh xác định của đời sống. Từ "điểm xuất phát" này cá nhân có thể nhìn về quá khứ, hiện tại và hướng tới tương lai. Quan điểm lịch sử - cụ thể cần phải trở thành một thành phần của thế giới quan của con người. Thiếu nó, con người sẽ không có quan điểm đúng về cuộc sống, sẽ thiếu những suy nghĩ đúng về các mối quan hệ với thế giới,

trên thực tế, dường như con người "thiếu vắng" thế giới quan vậy.

Những tri thức về quá khứ, thông qua quá trình nhận thức của cá nhân cần dựa trên quan điểm lịch sử cụ thể. Thiếu nó, chúng ta không thể đánh giá đúng những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, đã diễn ra trong đời sống của xã hội và của cá nhân. Hiện tượng, sự kiện và nói chung cuộc sống thường có đặc tính hai mặt, chứa đựng nhiều khả năng, nhiều phương án. Đặc tính hai mặt (nhiều khả năng) đó của các hiện tượng, sự kiện thường xuyên có tính vĩnh cửu và tính lịch sử. Con người luôn là con người xã hội, con người lịch sử, và các hiện tượng, cuộc sống của con người, các sự kiện trong cuộc sống đó cũng thường xuyên có tính lịch sử. Một câu hỏi xuất hiện : Tại sao trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể con người lại lựa chọn phương án này mà không lựa chọn phương án khác trong đời sống của mình? Trả lời câu hỏi này cần phải có sự phân tích tính lịch sử - cụ thể một cách nghiêm túc. Con người lựa chọn phương án này mà không là phương án khác, không những phụ thuộc vào những phẩm chất trong con người anh ta, mà còn phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể, vào môi trường xung quanh mà anh ta đang sống trong

đó. Những điều kiện ấy xác định mức độ tất yếu nhất định để giúp con người lựa chọn phương án này, mà không phải là phương án khác. Hơn nữa, sự lựa chọn đó không phải là ảo tưởng, mơ hồ ; con người có mức độ (phạm vi) tự do nhất định và cũng mang trên mình trách nhiệm đối với các hành vi của mình. Sự lựa chọn của mỗi người, mỗi nhóm, mỗi giai cấp và của các chủ thể xã hội khác có tính chất nhất thời, nó có ích, có lợi trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể đã cho. Do đó, đánh giá những sự kiện quá khứ cần thiết phải có quan điểm lịch sử - cụ thể, thiếu vắng nó, chúng ta có thể áp đặt những quan niệm hôm nay của chúng ta lên những sự kiện quá khứ, gán ghép cho con người trong quá khứ những suy nghĩ của con người ngày hôm nay. Những sự kiện lịch sử là có liên quan mật thiết với cuộc sống cụ thể hàng ngày của mọi người. Do vậy, đánh giá quá khứ, có nghĩa là chúng ta "ngược dòng thời gian" đến quá khứ, đến những sự kiện quá khứ. Đây là một công việc không phải đơn giản. Nhân đây ta hãy nhớ lại ý nghĩa câu nói của Hêracolit : chúng ta không thể tắm hai lần vào cùng một vị trí của dòng sông đang chảy ; như vậy thì chúng ta có thể đánh giá như thế nào những sự kiện quá khứ và tìm ra những bài học lịch sử cho ngày

hôm nay? Quá khứ không bao giờ trở lại với tất cả dáng vẻ phong phú của nó, cuộc sống của mỗi người không thể có hai lần được sống trong đó để học hỏi kinh nghiệm hoặc sửa chữa sai lầm của mình. Nhưng hiểu biết quá khứ là có thể giảm được những sai lầm đó trong tương lai. Bởi vì, quá khứ là kinh nghiệm.

Mối quan hệ tinh thần của con người đối với quá khứ là quan hệ tới cấp độ, thứ hạng những giá trị cơ bản của con người. Những giá trị tinh thần, được tạo ra bởi lịch sử văn hoá nhân loại là có tính kế thừa và di truyền từ thế hệ này tới thế hệ khác. Đánh giá quá khứ chúng ta cần phải tính tới đặc điểm này của những giá trị tinh thần. Tính kế thừa và tính di truyền là bằng chứng về đặc tính bền vững của những giá trị tinh thần đã được vận dụng và sáng tạo bởi hàng loạt các thế hệ. Sự thật về quá khứ phải đồng thời có tác dụng kích thích những động cơ mới, kích thích khát vọng hoạt động sáng tạo, tới việc hình thành những giá trị tinh thần mới. Ngoài tính kế thừa và tính di truyền, đời sống tinh thần của cá nhân còn nằm trong sự phát triển đồng thời với lịch sử loài người. Mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể của sự phát triển xã hội liên quan tới một phương thức sản xuất nhất định, sản

xuất ra những sản phẩm vật chất và tinh thần, cũng như những giá trị vật chất và tinh thần, và đồng thời tương ứng với nó là một đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân. Đời sống vật chất và đời sống tinh thần có sự tương quan với nhau ở mức độ phát triển của chúng trong phương thức sản xuất đó. Về mặt tinh thần đối với mỗi cá nhân - đây là mức độ hiểu biết và phát triển những giá trị tinh thần của văn hoá tinh thần. Mức độ phát triển của đời sống vật chất và tinh thần là biểu hiện đặc tính có tính bản chất của chính con người đó, xét theo góc độ những năng lực bản chất của con người và từ đó cũng có thể bàn luận tới cả sự phát triển lịch sử của xã hội. Nhân đây có thể nói rằng, trên cơ sở những năng lực bản chất của con người chứa đựng tính chất phong phú và mức độ phát triển của đời sống vật chất và đời sống tinh thần trong sự thống nhất và mối liên hệ biện chứng của chúng. Văn hoá, tinh thần của con người là kết quả của quá trình hoạt động và phát triển có tính lịch sử của nhân loại và của mỗi người. Con người là một thực thể sáng tạo, anh ta có thể kiến tạo mô hình cuộc sống tương lai theo những mục đích, kế hoạch và các dự án. Con người có thể sống bằng cả những giá trị của các thời

đại đã qua, có thể bị tụt hậu so với thời gian lịch sử của chính mình.

Sự phức tạp của nền tảng hoạt động vật chất và tinh thần lẫn các hình thức tái sản xuất của chúng dẫn tới những thay đổi nhất định của hệ thống đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân, và đồng thời cũng sinh ra sự thay đổi của mỗi yếu tố trong hệ thống giá trị tinh thần. Hệ thống tái sản xuất và những điều kiện phát triển đời sống vật chất và tinh thần sản sinh ra những sản phẩm mới, những giá trị vật chất và tinh thần mới, mà chúng được biểu hiện là những kích thích mới cần thiết cho hoạt động sống của xã hội và của cá nhân ở giai đoạn phát triển mới. Điều đó khẳng định rằng đời sống tinh thần của cá nhân liên quan tới quá trình và kết quả phát triển của lịch sử xã hội. Cá nhân chính là người thể hiện sinh động và là chủ thể của văn hoá tinh thần.

Sự phát triển có tính lịch sử của đời sống tinh thần không chỉ cho ta khái niệm về những giai đoạn phát triển của nó, đặc trưng cho mỗi giai đoạn phát triển cụ thể của lịch sử nhân loại, mà còn biểu hiện dây chuyền đặc thù của sự phát triển. Đây là quá trình tăng lên của nhân tố con người, là quá trình làm sâu sắc thêm sự tự nhận thức và tự ý thức của

con người với tư cách là chủ thể của lịch sử, trở thành giá trị cao nhất trong sự phát triển hài hoà của tự nhiên và xã hội. Đây là quá trình tự phát triển của chính con người. Sự phát triển có tính lịch sử của đời sống tinh thần cũng là bằng chứng về quá trình phát triển và thay đổi của tầng giá trị, từ những giá trị "vật chất" bình thường đến những giá trị tinh thần cao cả. Ngày nay, người ta đã hiểu con người là một giá-trị-tự-thân và là mục đích của sự phát triển lịch sử, nhưng để thực hiện và vận dụng quan điểm này trong thực tế không phải là dễ dàng và vẫn còn xa vời.

Sự thống nhất của đời sống vật chất và đời sống tinh thần chứa đựng trong đó cơ sở có tính vượt trước và vai trò ưu tiên của giá trị theo quan hệ thời gian tồn tại của cá nhân. Thiếu tính vượt trước của giá trị, chúng ta không thể nói tới định hướng giá trị của con người. Quan hệ tích cực hay tiêu cực của con người tới đối tượng hay sản phẩm của hoạt động của mình phụ thuộc vào quan hệ tới những giá trị xã hội. Ý thức và tự ý thức của con người thể hiện trình độ phát triển văn hoá của chính con người đó. Thậm chí, ngay cả những nhu cầu của con người, chúng thể hiện là những yếu tố cơ bản ưu trội của hoạt động và là

nguồn gốc tích cực của con người, cũng có thể được xem xét dưới góc độ định hướng giá trị và được đánh giá là những nhu cầu tinh tế hay thô thiển. Tuyệt nhiên là không tồn tại những giá trị chung chung. Các giá trị thường xuyên có đặc tính lịch sử - cụ thể và liên hệ mật thiết với những quan hệ kinh tế và xã hội của con người.

Như vậy, quan điểm lịch sử cụ thể và nguyên tắc của chủ nghĩa lịch sử trong nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân đóng một vai trò định hướng cụ thể. Đồng thời nghiên cứu nó cần được xem xét trong mối quan hệ với những điều kiện được vận dụng và phát triển. Đáp ứng yêu cầu đó, cần xem xét nguyên tắc hệ thống trong nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân.

b/ Về quan điểm hệ thống trong nghiên cứu đời sống tinh thần

Tính hệ thống nói chung là thuộc về mọi tổ chức vật chất, tự nhiên và xã hội, thuộc về cả lĩnh vực tinh thần. Đời sống tinh thần là một cấu trúc có tính hệ thống, bao gồm trong nó những yếu tố có ý nghĩa và được biểu hiện trong quá trình đời sống.

Hiện nay không ít những khó khăn trong việc áp dụng nguyên tắc hệ thống vào nghiên cứu đời sống

tin thần. Sự khó khăn đó thể hiện trong việc luận chứng các tiêu chuẩn phân tách các yếu tố của đời sống tinh thần, phân tích chất lượng hệ thống đó, phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố trong cấu trúc của nó. Điều này phụ thuộc vào từng quan điểm và cách tiếp cận lĩnh vực tinh thần của người nghiên cứu. Hiện nay, trong khoa học không có quan điểm thống nhất trong việc áp dụng nguyên tắc hệ thống vào nghiên cứu lĩnh vực tinh thần của xã hội cũng như của cá nhân. Nhưng điều đó cũng không gây trở ngại đối với những ai cố gắng sử dụng nguyên tắc này vào nghiên cứu một trong những lĩnh vực phức tạp nhất và đa dạng nhất của đời sống xã hội - lĩnh vực tinh thần. Càng cố gắng nghiên cứu đối tượng từ những khía cạnh khác nhau bao nhiêu, thì bản chất của đối tượng càng bộc lộ ra bấy nhiêu. Mọi người đều đồng ý rằng, áp dụng nguyên tắc hệ thống vào nghiên cứu lĩnh vực tinh thần có một ý nghĩa to lớn. Nó có tác dụng chính xác hoá vị trí của lĩnh vực này trong hoạt động - đời sống của con người và trong sự hiểu biết đời sống tinh thần, như là một tổng thể bên trong có trật tự, có tính vững chắc, và tuân theo những quy luật đặc biệt. Quan điểm hệ thống cho phép mở ra cấu trúc và những yếu tố của lĩnh vực tinh thần trong đời sống xã hội của con người. Mặt khác, lĩnh vực

tinh thần của con người có cấu trúc hết sức phức tạp, tinh tế, được cấu trúc từ các cấp độ lý trí, tình cảm, ý chí. Bởi vậy không thể đơn giản đưa ra những phương pháp nghiên cứu nó như những phương pháp nghiên cứu các hệ thống khác đơn giản hơn. Nhưng về đại thể mà nói, để hiểu biết con người với tư cách là cá nhân lịch sử - xã hội, thì phải cần thiết tiếp cận từ quan điểm phân tích hệ thống những phẩm chất của nó, có tính tới đặc điểm tổng thể bản chất xã hội của con người.

Có thể nhận thấy rằng, giữa các nhà nghiên cứu không có sự thống nhất quan điểm dù là tương đối trong việc đưa ra các yếu tố của hệ thống đời sống tinh thần và chúng được phân định ra không hoàn toàn nghiêm ngặt. Thông thường, các yếu tố cơ bản của hệ thống đời sống tinh thần gồm : những nhu cầu tinh thần của con người, là những tiền đề ban đầu của sự phát triển tinh thần con người qua mỗi thời điểm (tu tưởng, khoa học, tâm lý...) ; hoạt động của con người trong lĩnh vực "sản xuất tinh thần", giao tiếp tinh thần giữa mọi người, sự kế thừa trong phát triển tinh thần¹.

1. Xem : Уледóp А.К. Đời sống tinh thần của xã hội. Nxb Tư tưởng, Mátxcova, 1980, tr. 42, tiếng Nga.

Đối với tiêu chuẩn phân chia các yếu tố cơ bản của lĩnh vực tinh thần, ví dụ L.P. Kadakova, N.I. Pótgornúc đã chia ra 3 yếu tố cấu thành hệ thống : hoạt động tinh thần, hệ thống những quan hệ tinh thần và ý thức¹. Trong nghiên cứu thế giới tinh thần của con người, do tính phức tạp và đa dạng của cấu trúc, các nhà khoa học đưa ra những phân loại khác nhau về mức độ cấu trúc của thế giới tinh thần con người và mức độ nghiên cứu nó ; A.N.Leónchép đã nghiên cứu con người trên các bình diện sinh học, tâm lý, xã hội². B.G. Ananhép nghiên cứu cấu trúc tâm lý cá nhân³. G.L. Xmirnốp phân tích cấu trúc về mặt xã hội của cá nhân, khẳng định rằng cá nhân "được hình thành từ 3 yếu tố cơ bản : Vị trí của con người trong hệ thống các quan hệ xã hội ; Vai trò xã hội của con người ; Những khuynh hướng của nó"⁴.

-
1. Xem Kadakova L.P. Pótgornúc N.I. Những vấn đề của đời sống tinh thần trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Omxk, 1984, tiếng Nga.
 2. Xem. Leónchép A.N. Hoạt động. Ý thức. Nhân cách, tr. 231, tiếng Nga.
 3. Xem. Ananhép B.G. Về các vấn đề tri thức con người hiện đại, tr. 187, tiếng Nga.
 4. Xem : Xmirnốp G.L. Con người xôviết. Sự hình thành con người xã hội chủ nghĩa. M., tr. 66, tiếng Nga.

Nghiên cứu thế giới tinh thần của con người, E.M. Babaxốp phân chia ra những giá trị tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa, đời sống tinh thần của nhân dân xôviết - rất độc đáo, được khúc xạ trong tổng thể của thế giới tinh thần của cá nhân, trong sự hình thành một cách hài hoà (hoặc không hài hoà) những thành tố cơ bản của nó : thế giới quan, văn hoá chính trị, lao động, đạo đức, nghệ thuật¹. Cần thấy rằng, L.I. Kadađôva đưa cả yếu tố chính trị vào lĩnh vực tinh thần². Theo A.K. Ulêđốp và theo chúng tôi, chính trị - đây là lĩnh vực độc lập của đời sống xã hội và không thể đặt vào một hàng với vấn đề đạo đức, nghệ thuật v.v... "Các quan hệ chính trị - theo A.K. Ulêđốp - đem đặc điểm thượng tầng kiến trúc, phát sinh từ các quan hệ vật chất, nhưng chúng không bị quy lại tới những quan hệ tinh thần và vì thế không thể được hàm chứa vào lĩnh vực tinh thần"³.

1. Xem : Babaxốp E.M. Thế giới tinh thần của con người xôviết. Minxk, "Belarút", 1983, tiếng Nga.

2. Xem. Kadađôva L.I. Về những vấn đề nghiên cứu đời sống tinh thần của xã hội. Vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử. M., 1974, tr.60, tiếng Nga.

3. Xem. Ulêđốp A.K. Đời sống tinh thần của xã hội. M., 1980, tr. 43, tiếng Nga.

Tóm lại, cấu trúc và các yếu tố của lĩnh vực tinh thần đã được các nhà khoa học phân chia theo nhiều cách khác nhau. Điều đó chứng tỏ rằng lĩnh vực tinh thần và đời sống tinh thần là rất phức tạp, rất rộng và hầu như là một "đối tượng mênh mông" của sự hiểu biết và sự biểu hiện của nó trong đời sống của mọi người là thật đa dạng. Sự phân chia các yếu tố khác nhau trong cấu trúc của đời sống tinh thần là do các nhà khoa học đã xuất phát, tiếp cận từ những khía cạnh khác nhau để nghiên cứu đời sống tinh thần hoặc nói cách khác là đời sống tinh thần được biểu hiện qua các khía cạnh khác nhau trong đời sống thực tiễn của con người.

Xuất phát từ cách hiểu con người là giá trị cao nhất của tự nhiên và của xã hội, với tư cách là mục-đích-tự-thân của sự phát triển xã hội, do vậy con người chiếm một vị trí đặc biệt trong hệ thống xã hội, trở thành chủ thể sáng tạo lịch sử và đời sống tinh thần của mình. Đời sống tinh thần của cá nhân có thể được cấu thành, theo quan điểm của chúng tôi, từ những yếu tố cơ bản sau đây : chủ thể, mục đích, giá trị, lý tưởng - chúng là những kích thích tinh thần của đời sống tinh thần của cá nhân, thông qua hoạt động và giao tiếp giữa các chủ thể (3 yếu tố cấu

thành hệ thống), trong đó hình thành quan hệ giữa người với người, hình thành cơ sở nhân đạo của con người.

Cá nhân chính là chủ thể và người sáng tạo đời sống tinh thần của mình. Chủ thể chính là yếu tố đầu tiên, ban đầu hoặc là khởi thủy, xuất phát điểm của đời sống tinh thần của cá nhân. Quan điểm này không hề mâu thuẫn với lý luận phản ánh trong triết học mácxít - léninnít, và chủ thể không phải được hiểu một cách duy tâm. Sự thực là các hành động của chủ thể là biểu hiện sự thống nhất biện chứng của tác động bên ngoài và "nội dung" bên trong của cá nhân. Sự kích thích tới mỗi hành động đều xuất phát từ thế giới tâm hồn bên trong của cá nhân và những tác động bên ngoài được khúc xạ "thông qua" cái thế giới chủ thể bên trong đó của cá nhân. Bởi vậy, sự phản ánh của con người, sự hiểu biết của nó không phải là phản ánh kiểu tấm gương, mà sự phản ánh xảy ra dưới sự kiểm tra tích cực của ý thức. Sự phản ánh tích cực bao hàm trong đó "yếu tố chủ thể" hoặc "tính chủ thể" của cá nhân. Chủ thể được hiểu, theo quan điểm của chúng tôi, không chỉ là chính cá nhân tổng thể, trọn vẹn, mà còn là những tính chất của thế giới tinh thần bên trong của cá nhân đó. Do vậy mà yếu

tố - chủ thể hình thành nên cá nhân với tư cách là "cái Tôi" và "cái không Tôi", và giữa chúng tồn tại một quá trình giao tiếp. Đây là sự giao tiếp mà chúng ta có thể gọi là "*tự giao tiếp*". Tất cả những tác động bên ngoài được "khúc xạ" qua yếu tố chủ thể, qua thế giới tinh thần và văn hoá của cá nhân. Từ đó tính tích cực xuất hiện và kích thích tới hành động của cá nhân. Tính tích cực tinh thần hướng tới sự hình thành và tạo lập những mục đích, những giá trị và những lý tưởng của cá nhân. Và cũng chính mục đích, giá trị, lý tưởng về bản chất của mình lại là những kích thích tinh thần của đời sống tinh thần con người. Do vậy cá nhân trở thành tư cách chủ thể và đồng thời trở thành người sáng tạo đời sống tinh thần của mình. Những yếu tố đó được hình thành trong quá trình hoạt động và giao tiếp của cá thể với những người khác, thông qua sự lĩnh hội đặc thù và sáng tạo những chuẩn mực xã hội và những giá trị văn hoá nhất định. Cá tính - không phải là tiền đề của sự xã hội hoá, mà là kết quả của nó. Cá tính bao hàm trong đó tính độc lập và chủ động. Chúng được hình thành trong quá trình tiếp thụ những chuẩn mực, kinh nghiệm, những giá trị của đời sống xã hội. Cá tính - cũng chính là sự biểu hiện của thế giới chủ thể của cá nhân. Tính độc lập tương đối cũng là một nét trong tính chủ thể

đó. Nó thể hiện ở chỗ cá nhân có khả năng điều khiển không chỉ động cơ hành động riêng của mình, mà còn điều chỉnh những giá trị văn hoá nhất định. Cá nhân có khả năng xây dựng chương trình hành động và hoạt động riêng cho mình, đồng thời cả cuộc sống xã hội của bản thân nữa. Hành vi của cá nhân xuyên suốt, phù hợp với mục đích và tương quan với nhiệm vụ đã đề ra trong đời sống. Bản thân mục đích được tạo ra trong toàn bộ quá trình đời sống tinh thần của cá nhân và đến lượt nó lại trở thành "chất" kích thích đời sống tinh thần, đồng thời mục đích được chuyển hoá thành kết quả của hoạt động sống của cá nhân. Hiện tượng tự chủ là làm cho cá nhân "được tự do" để lựa chọn những giá trị văn hoá và kinh nghiệm cuộc sống của con người. Cá nhân được biểu hiện không chỉ là kết quả của lịch sử, là sản phẩm của di truyền xã hội, mà hơn thế nữa, là chủ thể của toàn bộ lịch sử và đời sống của mình.

Tính độc lập tương đối cho phép cá nhân khả năng tự giao tiếp (giao tiếp với chính mình), tự hoàn thiện những phẩm hạnh của mình, hoàn thiện hệ thống mục đích, các giá trị và lý tưởng. Cá nhân có khả năng thực hiện chúng trong đời sống tinh thần. Sự tác động của cái bên ngoài đối với cái bên trong,

của cái khách quan đối với cái chủ quan, và đồng thời có cả quá trình tác động ngược lại của cái bên trong đối với cái bên ngoài, của cái chủ quan đối với cái khách quan đều là cơ sở hình thành các cấu trúc đó (cấu trúc hệ thống chủ thể - mục đích - giá trị - lý tưởng). Đóng vai trò nổi trội (ưu tiên) bên trong là ý thức, tự ý thức, tự nhận thức, hiểu rõ các lợi ích, các giá trị, mục đích, lý tưởng v.v... Khả năng sáng tạo tinh thần của con người trong ý tưởng và tình cảm, thông qua những kế hoạch và mục đích đặt ra cho phép con người giải quyết sáng tạo những nhiệm vụ của cuộc sống. Tính độc lập tương đối của cá nhân gắn liền với tính tích cực của ý thức, của tự ý thức trong quá trình hình thành mục đích, giá trị và lý tưởng trong cuộc sống của cá nhân đó. Những yếu tố tinh thần, tư tưởng, trong đó có những giá trị được hình thành trong ý thức, phù hợp với lý tưởng đặt ra, chúng tạo cho con người khả năng tự nâng mình lên trên cái hiện thực cá nhân sẵn có. Tính tích cực trong lĩnh vực quan hệ xã hội và đời sống tinh thần là thuộc về bản chất nội tại của con người. Trong quá trình hình thành mục đích, giá trị, lý tưởng thì giao tiếp (kể cả tự giao tiếp) đóng một vai trò đáng kể. Nó là điều kiện cần thiết để hình thành những giá trị tinh

thần và mối liên hệ của cá nhân với những cá nhân khác và với môi trường xung quanh, mà cá nhân có trong đó. Tính chất "bên trong" và phẩm chất của cá nhân được biểu hiện với tư cách là kết quả của các mối quan hệ thực tiễn giữa người với người. Những khả năng chủ quan (khả năng thuộc về chủ thể) đóng vai trò lớn trong việc tự điều khiển hành vi cá nhân, cho phép mở rộng tầm nhìn (thế giới quan) và định hướng giá trị của cá nhân. Giá trị và mục đích của cá nhân phụ thuộc trực tiếp vào thế giới bên trong của cá nhân đó. Sự kiên định và sáng tỏ của mục đích cho phép con người thực hiện thành công những nhiệm vụ thực tiễn. Thế giới tâm hồn con người và văn hoá của nó càng phong phú bao nhiêu, thì sự tự do tinh thần và tính tích cực trong cuộc sống của con người với tư cách là chủ thể sáng tạo càng tăng lên bấy nhiêu.

Đời sống tinh thần bao hàm trong đó một nội dung và sự phản ánh xã hội, cũng như các loại hoạt động sống khác, liên quan mật thiết với sự phản ánh hiện thực. Sự phản ánh hiện thực và việc hiểu biết nó được thể hiện là yếu tố ban đầu của đời sống tinh thần. Đồng thời với nó là những kích thích tinh thần với tư cách là quan hệ giá trị thôi thúc con người ta

hoạt động. Trong đó, ý thức là cái điều khiển hoạt động và hành vi của cá nhân. Ý thức trong đời sống tinh thần là một hiện tượng biểu hiện nhiều khía cạnh. Tự bản thân nó cũng là kích thích tinh thần của cuộc sống cá nhân.

Hệ thống đời sống tinh thần của cá nhân, theo quan điểm của chúng tôi, không phải là hệ thống đóng kín, mà là hệ thống mở. Như trên đã nói, yếu tố ban đầu của đời sống tinh thần của cá nhân là chủ thể, sau đó là mục đích, giá trị, lý tưởng - những kích thích tinh thần và cuối cùng là giao tiếp giữa các chủ thể. Chính giao tiếp là điều kiện quan trọng biết nhường nào vì nó là mối liên hệ, là "cánh cửa" mở ra cho sự tác động qua lại giữa cá nhân và môi trường xung quanh, giữa các chủ thể với nhau. Thông qua quan hệ, giao tiếp, cá nhân tiếp nhận sự tác động của cái bên ngoài vào bên trong, và đồng thời thực hiện (hiện thực hoá) "cái nội dung bên trong ấy của mình". Chỉ trong quá trình quan hệ và giao tiếp cá nhân mới có thể hoàn thiện bản thân mình với tư cách là chủ thể của đời sống xã hội và bộc lộ "bí mật" của thế giới tinh thần cho những người khác.

Hệ thống mở của đời sống tinh thần của cá nhân cho phép chúng ta tính tới những yếu tố hoặc khía

cạnh khác có liên quan tới lĩnh vực này, ví dụ như tiếp thu tư tưởng và quan điểm bên ngoài vào trong ý thức của cá nhân ; liên quan tới sự hình thành thế giới tinh thần của nó ; liên quan tới việc giáo dục và dạy dỗ con người. Nếu thiếu những khía cạnh đó, thì mô hình hệ thống của lĩnh vực tinh thần không thể coi là đầy đủ và đời sống tinh thần của cá nhân không thể coi là một quá trình đầy đủ, phong phú và đa dạng.

Tóm lại, quan điểm hệ thống cho phép nghiên cứu lĩnh vực tinh thần của đời sống cá nhân như là một chỉnh thể xác định, như là một hệ thống mà các yếu tố của nó có những chức năng nhất định và biểu hiện mối quan hệ tương tác qua lại giữa chúng. Vận dụng sự phân tích cấu trúc - yếu tố cho phép xem xét, nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân như là một hệ thống sinh động hoàn chỉnh - là một quá trình và đồng thời là kết quả của sự tồn tại cá nhân.

Như vậy, vận dụng quan điểm lịch sử - cụ thể và nguyên tắc hệ thống trong nghiên cứu lĩnh vực tinh thần của cá nhân cho phép chúng ta về kết cục là mở ra bản chất của đời sống tinh thần của cá nhân, các hình thức của nó đặc trưng cho mỗi thời đại phát triển của nhân loại, xuyên suốt lịch sử của đời sống

tin thần và vạch ra khuynh hướng phát triển của nó. Đồng thời chúng đem lại cho chúng ta khả năng chính xác hoá vị trí của đời sống tinh thần trong hệ thống các phạm trù khoa học của triết học xã hội, cũng như trong hệ thống của đời sống xã hội của con người.

Cũng cần nói thêm rằng, những phương pháp trên không phải là duy nhất, nhưng là những phương pháp cơ bản nghiên cứu về cá nhân và thế giới tinh thần của nó.

CHƯƠNG II

NHỮNG YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA ĐỜI SỐNG TINH THẦN CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ TỰ HOÀN THIÊN ĐẠO ĐỨC CỦA CÁ NHÂN Ở GIAI ĐOẠN HIỆN ĐẠI.

I. MỤC ĐÍCH, GIÁ TRỊ, LÝ TƯỞNG - NHỮNG KÍCH THÍCH TINH THẦN.

Như trên đã nói, đời sống tinh thần của cá nhân là một hệ thống bao gồm các yếu tố : chủ thể, những kích thích tinh thần, giao tiếp và tự giao tiếp.

Yếu tố chủ thể, theo chúng tôi, một mặt, là chính cá nhân đó trong tinh chính thể của nó; mặt khác, có thể là bản tính của cá nhân này. Chủ thể chính là tiền đề có tính chất "tiên đề" của quá trình đời sống tinh thần của cá nhân. Trước hết, cần có sự tồn tại của cá nhân với tư cách là chủ thể và sau đó là quá trình đời sống tinh thần tương tác qua lại với hoạt động sống của nó. Quá trình này chính là khía cạnh chủ quan (chủ thể) bên trong của hoạt động sống đó.

Trong triết học mácxít, một mặt, một số trạng thái khả năng hoặc trường hợp cuối cùng, mà hoạt động hướng tới nó được gọi là mục đích, mặt khác, là biểu

tượng của trạng thái này hoặc là biểu tượng trong khái niệm. Theo M.G.Makaróp, "mục đích là hình ảnh trong ý nghĩ, đóng vai trò mô hình theo một ý nghĩa xác định"¹. Trong triết học mácxít mô hình này được hiểu theo hai nghĩa : trong khái niệm "lý tưởng" và khái niệm "mục đích cuối cùng". Trong khái niệm thứ nhất, theo quan điểm này, thì mô hình đó tạo nên nội dung của lý tưởng và khác với kết quả khách quan trong tương lai của hành động, còn trong khái niệm thứ 2 thì nó là kết quả tương lai².

Điều đó rõ ràng rằng, không phải bất kỳ mục đích nào cũng trở thành lý tưởng. Chỉ có mục đích cuối cùng thì mới trở thành lý tưởng mà thôi. Chẳng hạn, chủ nghĩa cộng sản, một mặt, là mục đích, mặt khác, là lý tưởng của nhân loại. Ở đây mục đích và lý tưởng đồng nhất với nhau. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng, sự vận động để đạt được mục đích và định hướng theo nó không phải được tiến hành một cách tự động trong thực tế, mà phải thông qua một quá trình hiện thực của đời sống xã hội (của xã hội cũng như của cá nhân),

-
1. Makaróp M.G. Phạm trừ "mục đích" trong triết học mácxít. L. 1974, tr. 29, tiếng Nga.
 2. Xem : Narxki I.X. Giá trị và ích lợi// Các khoa học triết học 1969, N^o3 ; Tumannóp X.V. Lý tưởng xã hội : Biện chứng của sự phát triển, M. 1986, tiếng Nga.

mà trong đó, những mục đích của nhiều chủ thể tác động lẫn nhau, do đó có thể xuất hiện một kết quả nào đó mà không một chủ thể nào mong muốn. Khái niệm mácxít hiện đại về cấu trúc của mục đích, tuy mở ra khả năng rộng lớn để nghiên cứu sự tác động qua lại phức tạp này, nhưng thường xuyên không thể dự đoán được, và không bao hàm trong nó những bảo đảm tuyệt đối cho sự thành công. Toàn bộ hoặc là phần nhiều phụ thuộc vào tính tích cực của chủ thể.

Nghiên cứu về mục đích, A.M. Gendin, nhận xét : "Mục đích không những được thể hiện trong nhận thức những nhu cầu và những khả năng khách quan đáp ứng những nhu cầu đó, mà còn được thể hiện trong sự phản ánh bởi chủ thể những năng lực sẵn có của mình trong việc tích cực vận dụng những khả năng đó để đạt được kết quả mong muốn"¹.

Trong việc phân biệt giữa sự hình thành mục đích và thực hiện mục đích, B.P. Ladôrencô đã nhận xét đúng đắn rằng, nếu giai đoạn cuối cùng của mục đích có thể đòi hỏi những phương thức có tính chất vật chất, cũng như tính chất tư tưởng, thì phương thức đầu tiên có tính chất quyết định, đó là phương thức tư tưởng².

-
1. Gendin A.M. Tiên đoán và mục đích trong sự phát triển của xã hội. Kraxnôiarxk, 1970, tr. 63, tiếng Nga.
 2. Xem Ladôrencô. B.P. Mục đích giả định và xây dựng nhận thức lý luận : Tóm tắt luận án PTS. triết học, Kiép, 1980, tiếng Nga.

Trong chủ thể, "phương thức tư tưởng", tức là mục đích được xác định và kích thích hành động của chủ thể ở thời gian hiện tại và tương lai. Ở bất kỳ thời điểm lịch sử - cụ thể nào và trong hành vi đặt ra mục đích - giả định, con người thể hiện như một thực thể vạn năng và quyết định đối với tương lai trong khả năng tiên đoán của mình để hướng dẫn thực hiện mục đích đã đề ra. Trong đời sống thực tế mỗi người có thể xây dựng những kế hoạch, những phương án nào đó tùy ý v.v..., thể hiện ý chí của mình, liên quan tới các truyền thống lịch sử hoặc mong muốn những phát kiến mới. Mỗi nhiệm vụ và hành động của con người đều có mục đích xác định. Trong mỗi mục đích đều có sự tham gia của ý thức, tự ý thức, hơn thế nữa, sự tham gia đó không phải là bị động, mà là chủ động, tích cực, có sự phản ánh vượt trước. Đối với đời sống tinh thần của mỗi cá nhân, mục đích thúc đẩy quá trình tự hoàn thiện những phẩm chất của mình, thúc đẩy quá trình tìm kiếm ý nghĩa, giá trị của cuộc sống, hình thành những giá trị tinh thần, thực hiện chúng và thực hiện lý tưởng con người trong đời sống thực tế.

Với quan niệm mới về con người với tư cách là giá trị cao nhất, thì sự tự phát triển của con người xã

hội trở thành mục-dịch-tự-thân của xã hội. Từ đó, ta thấy rằng, mục đích là (chất) kích thích tinh thần đối với sự phát triển của con người. Trong quá trình tự phát triển (theo nghĩa tự hoàn thiện) của con người thì điều quan trọng là hình thành các cơ chế tự điều hoà để hành động và phát triển có kết quả của mỗi cá nhân. Ở đây, mục đích hành động của con người được xem xét, nghiên cứu với tư cách là một trong những yếu tố cơ bản của cơ chế này (cơ chế tự điều hoà). Chúng ta đã thấy rằng nhu cầu và lợi ích thường xuyên có liên quan tới sự kích thích tích cực của con người. Những nhu cầu và lợi ích này được phản ánh vào trong các mục đích của con người với tư cách là chủ thể hành động. Trong sự thống nhất giữa hai mặt vật chất và tinh thần của hoạt động con người vốn có các mục đích làm cơ sở cho sự phát triển của sản xuất vật chất và tinh thần. Trong đời sống tinh thần, sản xuất xã hội không những sản xuất ra của cải cho xã hội, mà còn sản sinh ra chính con người. Ở đời sống xã hội của mỗi cá nhân, mục đích cơ bản đúng đắn nhất là đạt được sự hài hoà giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Khuynh hướng mục đích của cá nhân thường xuyên tác động theo hai hướng : ra bên ngoài (môi trường xung quanh con

người) và vào trong (thế giới tinh thần của con người). Đúng như Nikôlai Berdiaép nhận xét : "Con người là tiểu vũ trụ và chứa đựng trong đó tất cả. Con người là một thực thể đa kế hoạch và đa diện. Cá nhân là cả một thế giới"¹.

Sự biểu hiện các mục đích của chủ thể ra phía bên ngoài là được thực hiện ở quá trình hoạt động đa dạng, ở giao tiếp, nhận thức tìm kiếm ý nghĩa và những giá trị của cuộc sống. Sự biểu hiện các mục đích của chủ thể vào phía bên trong thế giới tâm hồn là được thực hiện ở quá trình tự nhận thức, tự ý thức, tự giao tiếp, tự đánh giá v.v... Tự chung lại thì sự biểu hiện các mục đích của chủ thể ra phía bên ngoài hoặc vào phía bên trong được thực hiện trong đời sống thực tiễn của chủ thể đó. Trong sự hình thành các mục đích của hoạt động con người xuất hiện các thang giá trị nhất định. Trước mỗi nhiệm vụ, người ta thường đề ra một hay nhiều mục đích khác nhau và để thực hiện chúng, họ sử dụng các biện pháp, phương tiện khác nhau. Các mục đích được "đặt ra ở trong đầu óc" con người là các mục đích thuộc cấp độ 1, cấp độ 2 hoặc thậm chí là mục đích được bổ sung

1. Xem. Berdiaép N.A. Tự nhận thức. Matxcova, "DEM", 1990, tiếng Nga.

trong suốt quá trình sống hoặc ở từng giai đoạn nhất định. Trong thang giá trị tồn tại các mục đích cơ bản hoặc không cơ bản (các mục đích bổ sung), cũng như vậy có các mục đích tích cực và các mục đích tiêu cực. Tất cả các mục đích này phụ thuộc vào tính cách (đặc điểm) của mỗi cá nhân, tính chất mỗi nhiệm vụ mà con người đặt ra, cũng như phụ thuộc vào hoàn cảnh mà trong đó cách giải quyết nhiệm vụ được đòi hỏi. Ở đây xuất hiện câu hỏi : Tại sao có sự tồn tại các mục đích tích cực và tiêu cực của cá nhân? Như đã nói ở trên, trong đầu óc con người tồn tại thang giá trị. Các mục đích của con người với tư cách là "các bản dự thảo", mà cách giải quyết các nhiệm vụ đặt ra được tiếp tục theo đó. Cuối cùng, nếu nhiệm vụ được giải quyết, thì có nghĩa là mục đích đã đạt được. Những mục đích nào đã đạt được có nghĩa là chúng phù hợp với những điều kiện khách quan và với ý nghĩa đó, chúng là các mục đích tích cực (mục đích "đương"). Còn các mục đích nào không đạt được thì có nghĩa là mục đích tiêu cực (mục đích "âm"). Trong đời sống hiện thực còn tồn tại hoặc phụ thuộc vào những tiêu chuẩn khác nhau của sự đánh giá nội dung, mà trong đó mục đích có thể đạt được, nhưng chúng là các mục đích có tính chất tiêu cực. Chẳng hạn, âm mưu chống lại dân chủ và tự do của con

người, rõ ràng là các mục đích tiêu cực, bởi vì chúng không phù hợp với khuynh hướng phát triển khách quan của xã hội và thời đại.

Trong sự giải quyết nhiệm vụ đặt ra, một số mục đích có thể hỗ trợ cho các mục đích khác. Chúng liên quan với nhau và tạo thành chuỗi mục đích kích thích các hành động và hoạt động của con người. Mỗi mục đích của cá nhân là một kích thích tinh thần của cả quá trình đời sống tinh thần và là một trong các yếu tố quan trọng của hệ thống thế giới tinh thần con người. Đối với mỗi cá nhân thường xuyên tồn tại vấn đề lựa chọn mục đích. Con người cần lựa chọn các mục đích tích cực trên con đường giải quyết các nhiệm vụ. Các mục đích này kích thích con người một cách tích cực để giải quyết công việc nhanh gọn và hiệu quả. Tính tích cực và niềm vui lạc quan của con người được biểu lộ ở kết quả đạt được các mục đích đó, và cũng từ đó diễn ra sự làm giàu, làm phong phú thế giới tinh thần bên trong của cá nhân. Mục đích hướng vào phía bên trong thế giới tinh thần của cá nhân được thực hiện trong quá trình tự hoàn thiện các phẩm chất cá nhân, tự phát triển của chủ thể đó, tăng cường những ưu điểm và loại bỏ các yếu điểm ở mỗi người. Mục đích của các hành động bên ngoài

của cá nhân được biểu hiện ở các hình thức khác nhau của hoạt động vật chất và tinh thần ở tính đa dạng của các sản phẩm lao động sản xuất xã hội. Bằng chính nỗ lực của mình, cá nhân tham gia trong quá trình xây dựng sự phồn vinh, hình thành các giá trị có ích cho xã hội và cuộc sống của mỗi người. Đây là quá trình di truyền xã hội và đổi mới văn hoá xã hội của mỗi cá nhân, mỗi gia đình và của xã hội nói chung. Mục đích cao nhất của đời sống tinh thần cá nhân là hiện thực hoá trong đời sống của mình các giá trị "chân, thiện, mỹ".

Cần nhấn mạnh rằng, quan niệm cổ điển về cấu trúc của hoạt động được thể hiện bằng sơ đồ : mục đích - phương tiện - kết quả. Trong sơ đồ này, mục đích được hiểu là dự đoán tu tưởng của kết quả tương lai và là tính chất đặc biệt của chủ thể. Trong mục đích bao chứa dự án của hoạt động tương lai, kế hoạch và nội dung của các hành động cần thiết để tồn tại sự hoạt động. Mục đích - trước hết, đó là nội dung tu tưởng của thế giới tinh thần của chủ thể, mà nó phản ánh hiện thực thông qua các nhu cầu và lợi ích. Đặt ra mục đích trước mỗi vấn đề của cuộc sống, con người thường xuyên dựa vào các điều kiện khách quan và khả năng của mình để giải quyết nhiệm vụ.

Nội dung của mục đích thường là có tính khách quan, nhưng kế hoạch hoá nội dung đó lại thường xuyên có tính chủ quan, nằm trong đầu óc con người. Quá trình thực hiện các mục đích trong đời sống và trong hiện thực, con người điều chỉnh chúng sao cho phù hợp với thực tại, với nhu cầu và lợi ích của mình. Mục đích được thực hiện với sự giúp đỡ của các phương tiện cần thiết để đạt được kết quả. Trong đời sống tinh thần của cá nhân, mục đích - đó là thời điểm ban đầu của chuỗi : mục đích - phương tiện - kết quả.

Con người biểu hiện với tư cách là một thực thể tổng hợp, vạn năng, nhưng lại giới hạn trong phạm vi của các quy luật tự nhiên và xã hội. Ở các tình huống cụ thể con người với tư cách là cá nhân cần phải biến đổi các điều kiện thành các phương thức (hoặc phương tiện) hoạt động - điều đó có nghĩa là thực hiện sự lựa chọn, đặt ra các mục đích nhất định. Chính các giá trị trở thành những tiêu chuẩn của sự lựa chọn, mà nó đảm bảo cho vận động tới việc đặt ra và đạt được mục đích. Sự tự do của mỗi cá nhân được hình thành một cách thực tế trong quá trình xây dựng mục đích. Ở mọi trường hợp, cá nhân hành động thích hợp với mục đích riêng. Đặt ra các mục đích

nhất định, cá nhân lựa chọn các điều kiện, biến chúng thành các phương tiện. Tự do của cá nhân được thể hiện ở sự lựa chọn và giải quyết các nhiệm vụ đặt ra. Tự do lựa chọn của cá nhân được phân tích theo hai con đường. Con đường thứ nhất - con đường có tính chất hợp lý (ích lợi). Đó là đường hướng lựa chọn những điều kiện - sử dụng các phương tiện phù hợp với mục đích. Con đường thứ hai - con đường mục đích - giá định. Đó là sự lựa chọn mục đích phù hợp với các phương tiện *có thể* dung nạp được, có thể cho phép thực hiện được mục đích. Như vậy, vận động của con người tới mục đích, cần có một tiền đề là sự thống nhất giữa tính hợp lý (ích lợi) và tính giá định của mục đích.

Nhà triết học cổ điển Đức I.Cantơ đã nghiên cứu về mục đích và giá trị của con người.

Tư tưởng chính của Cantơ về con người là cần phân biệt mục đích tuyệt đối với mục đích tương đối. Theo I.Cantơ, mục đích tuyệt đối về bản chất là đồng nghĩa với giá trị tuyệt đối. Theo Cantơ, các tư tưởng không thể thu nhận qua kinh nghiệm của cá thể, mà mỗi cá thể biểu hiện chúng trong lĩnh vực mục đích tuyệt đối, và như vậy là mục đích

khách quan¹. Như vậy, nhìn chung, Canto không phân biệt rõ ràng cái khách quan và cái chủ quan trong quá trình nhận thức và giải thích không triệt để "Antinomia" (mâu thuẫn) giữa mục đích và phương tiện thực hiện.

Chính Hêghen là người đã khắc phục được mâu thuẫn giữa mục đích tuyệt đối và mục đích tương đối ở Canto trong triết học. Để khắc phục được điều này, Hêghen đã đưa ra khái niệm mục đích cuối cùng. Theo Hêghen mục đích - là sự thống nhất của cái bên ngoài và cái nhất thời với cái bên trong và cái tuyệt đối. Cái sau cùng chuyển thành mục đích và phương tiện thực hiện mục đích. Theo Hêghen : "Phương tiện là một cái gì đó cao hơn mục đích cuối cùng ở tính hợp lý bên ngoài của mục đích : cái cây được tôn trọng hơn những niềm khoái cảm trực tiếp, mà niềm khoái cảm đó lại là mục đích. Công cụ được bảo tồn, trong khi đó niềm khoái cảm trực tiếp qua đi và bị lãng quên. Con người thể hiện quyền lực đối với thế giới tự nhiên bên ngoài thông qua các công

1. Xem I.Canto. Tuyển tập, gồm 6 tập, T.4, quyển 1, M. 1965, tr. 269, tiếng Nga.

cụ của mình, theo các mục đích đặt ra, mặc dù con người phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên"¹.

Trong triết học của Hêghen mối quan hệ tương tác giữa các phương tiện và mục đích làm cho mục đích trở thành một quá trình, còn tính tích cực của con người được biểu hiện trong tính mục đích giả định. Lenin đã đánh giá quan điểm này của triết học Hêghen là có "mầm mống của chủ nghĩa duy vật lịch sử". Trong hệ thống đó của Hêghen tồn tại mục đích cuối cùng có tính chất siêu hình. Loại trừ cái vô duy tâm đó, nó thể hiện chức năng là cơ sở tư tưởng (lý tưởng) của mục đích - giả định.

Trong "Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen", C.Mác đã chống lại quan điểm duy tâm về vai trò quyết định của hoạt động tinh thần. Theo C. Mác, bản thân hoạt động tinh thần là kế tục của hoạt động vật chất. Từ đó C.Mác rút ra kết luận là vị trí quyết định trong đời sống xã hội không phải là thuộc về lý thuyết, mà là thực tiễn: "Vũ khí phê phán, dĩ nhiên, không thể thay thế sự phê phán bằng vũ khí, lực lượng vật chất cần phải đánh đổ bằng lực lượng vật chất tương ứng; nhưng lý luận trở thành lực lượng

1. Hêghen B.. Khoa học Logic. T.3, M. 1972, tr. 200, tiếng Nga.

vật chất, khi nó thấm sâu vào quảng đại quần chúng¹. Theo C.Mác, lịch sử phát triển của xã hội loài người - là một quá trình lịch sử tự nhiên, mà được thực hiện qua hoạt động có ý thức, có tính hướng đích của mọi người. Ở khía cạnh này, những mục đích của hoạt động con người là không ngừng đổi mới và phát triển. Mục đích được thực hiện trở thành kết quả, và theo trình tự, kết quả lại có thể trở thành phương tiện để đạt được những mục đích mới. Như vậy, kết quả đạt được là được thực hiện trong mối quan hệ tương tác giữa mục đích và các phương tiện hay các phương thức để đạt được mục đích. Trong quá trình đó, việc phân định ranh giới của chúng không phải là tuyệt đối, mà là tương đối.

Với khái niệm giá trị, người ta thường hiểu là các khách thể có những tính chất ích lợi nào đó đối với con người. Hơn nữa, khái niệm giá trị bao chứa trong nó ý nghĩa của khách thể. Khách thể này đóng một vai trò nào đó trong cuộc sống của con người. Điều đó có nghĩa là giữa khách thể và chủ thể (con người) xuất hiện một quan hệ giá trị, khi khách thể này thoả mãn các nhu cầu, lợi ích, mục đích của con người.

1. C.Mác, F.Engen. Tuyển tập. T.1. Xuất bản lần 2, tr.422, tiếng Nga.

Trong phạm vi của quan hệ giá trị hình thành một ý nghĩa tích cực, nghĩa là, hình thành giá trị của khách thể đó đối với chủ thể hoạt động. Từ đó suy ra rằng, khái niệm giá trị không chỉ phản ánh một thực tế là làm xuất hiện quan hệ giá trị giữa chủ thể và khách thể, mà còn xác định chất lượng của mối quan hệ này. Trong đó, ghi nhận sự phán xét và đánh giá của chủ thể đối với khách thể. Như vậy, giá trị không những chế ước các tính chất của khách thể, mà còn chế ước những nhu cầu của chủ thể hành động.

Cần ghi nhận rằng, trong quan hệ giá trị có thể có quan hệ tích cực hoặc tiêu cực của chủ thể đối với khách thể. Nhưng khách thể này hoặc tính chất của nó trở thành giá trị đối với chủ thể khi và chỉ khi trong phạm vi của quan hệ giá trị có một ý nghĩa tích cực đối với chủ thể. Chính ý nghĩa tích cực này trở thành giá trị tinh thần. Từ đó có thể nói rằng, giá trị tinh thần là "chất" kích thích chủ thể hành động. Nó có khả năng thoả mãn những nhu cầu tích cực của chủ thể (cá nhân, mọi người, xã hội). Trong đời sống tinh thần, các giá trị tinh thần kích thích cá nhân (hoặc có tác dụng làm cho cá nhân) trở nên một người có đạo đức, một người tốt. Ở đây xuất hiện câu hỏi : Có hay không có những giá trị tinh thần chân

chính có tính chất giá trị chung đối với tất cả mọi người. Trả lời : Có ! Nhưng cũng cần lưu ý trong một phạm vi nào đó, mỗi một giá trị tinh thần thoả mãn nhu cầu của từng cá nhân là phụ thuộc vào hoàn cảnh, mà cá nhân có mặt trong đó và còn phụ thuộc vào tâm trạng của cá nhân ở mỗi thời điểm cụ thể. Nhưng dù sao trong bất kỳ trường hợp (hoàn cảnh) nào, giá trị tinh thần chân chính, mà đáp ứng nhu cầu, lợi ích, mục đích của cá nhân thì thường xuyên là thể hiện ảnh hưởng tích cực của mình đối với cá nhân đó. Bởi vậy, chúng ta không thể đồng ý với ý kiến, mà có thể gặp trong tài liệu triết học - đạo đức - cho rằng, có thể tồn tại giá trị với dấu hiệu "âm", nghĩa là "giá trị tiêu cực". Như vậy, giá trị thường xuyên là cái gì đó có ý nghĩa và ảnh hưởng tích cực đối với mỗi chủ thể (cá nhân) trong đời sống tinh thần của mình.

Thực tế cho thấy rằng mỗi giá trị tinh thần đều có tính chất tương đối theo thời gian tồn tại của cá nhân và của mọi người trong xã hội. Suy cho cùng thì thực tiễn đời sống xã hội của mọi người là tiêu chuẩn của giá trị (cũng như là tiêu chuẩn của chân lý). Nhưng thực tiễn có thể thay đổi "diện mạo" của mình theo thời gian, trong kết quả tác động của mọi người.

Và như vậy có thể cũng kéo theo sự thay đổi của những giá trị tinh thần. Nếu như vậy, thì có thể tồn tại giá trị vĩnh cửu nào đó không? Điều này thật là khó nói, nhưng sự tự do của cá nhân với tư cách là một giá trị và chính bản thân con người với tư cách là giá trị cao nhất thì có thể nói chúng là những giá trị vĩnh cửu ; do vậy mà chúng ta mong muốn đạt tới những giá trị đó theo suốt chiều dài lịch sử và thời gian nhân loại. Tính tương đối của các giá trị là có những giới hạn nhất định, các giới hạn này là buộc các giá trị phụ thuộc vào bản chất khách quan của các khách thể được đánh giá và bởi những nhu cầu cụ thể cấp bách của mọi người.

Đời sống tinh thần của cá nhân - là một quá trình hiểu biết, tiếp thụ và sáng tạo những giá trị tinh thần. Giá trị tinh thần được phản ánh trong ý thức của mọi người dưới dạng những phán xét, đánh giá. Vì giá trị là tương đối, nên sự phán xét và đánh giá về nó không thể là tuyệt đối. Sự phán xét và đánh giá ở con người có thể là đúng đắn hơn hoặc là không đúng ; điều đó phụ thuộc vào trình độ tri thức và kinh nghiệm của mỗi người. Phán xét và đánh giá cũng là những quá trình, và tuân theo các quy luật của nhận thức. Trên thang giá trị được tạo lập "thế giới" các giá trị - "các cấp

bậc giá trị" được căn cứ theo sự ưu trội hơn của yếu tố tích cực (yếu tố "dương") trong chúng. Do đó mà các giá trị thường xuyên là có tính chất ích lợi đối với con người. Sự phân xét và đánh giá là ý kiến về điều gì đó. Chúng có thể được xác định dựa trên quan điểm về tính chân lý và giả dối, sự tương đồng hay không tương đồng đối với chúng. Tất cả điều đó làm cho các phân xét và đánh giá lại càng có tính chất tương đối hơn so với các giá trị. Các giá trị có tính bền vững hơn, vì rằng, chúng bao gồm trong mình tri thức, thậm chí là tri thức cao, mà nó được phân biệt với tri thức bình thường về một cái gì đó. Ý nghĩa của một khách thể hoặc của các đặc tính của nó được trở thành giá trị khi, và chỉ khi nó chiếm lĩnh đỉnh cao trên nấc thang tri thức. Theo V.N. Xagatópxki, "ý nghĩa cao nhất, thực chất là đồng nghĩa với giá trị cơ bản... Ý nghĩa và giá trị biểu hiện ở đây với tư cách là cơ sở giá trị của ý thức xã hội và ý thức cá nhân, với tư cách là chương trình hành động ở từng cấp độ tương ứng của chủ thể (xã hội, nhóm, cá nhân)"¹.

Giá trị là có bản chất tinh thần. Nó thường xuyên là chủ quan - khách quan (có nghĩa là giá trị vừa có

1. Xem. Xagatópxki V.N. Giá trị và ý nghĩa.// Các khoa học triết học, số 10, 1987, tr.106 (tiếng Nga).

tính chất khách quan vừa có tính chất chủ quan). Sự phản ánh hiện thực có tính chất giá trị là sự phản ánh tầm quan trọng (giá trị) của khách thể bởi chủ thể đối với cuộc sống thực tiễn của con người. Sự phản ánh giá trị là có "sự đo lường" đặc biệt so với sự phản ánh của tri thức nói chung. "Sự đo lường" giá trị cần thiết ở mức độ này hay mức độ khác là thuộc về các hiện tượng của hiện thực chủ quan, biểu hiện một chất lượng đặc biệt, không quy về những "đo lường" khác, ví dụ "đo lường tính chân lý"¹. "Đo lường" giá trị không chỉ đơn giản là "đo" mức độ tri thức về các đối tượng, trình độ văn hoá nói chung, mà còn, theo quan điểm của chúng tôi, chủ yếu là nó "đo" tính chất người của con người. Từ quan điểm này, nó cho phép chúng ta quan niệm (hiểu) về con người với tư cách là giá trị cao nhất. Giá trị cao nhất này là duy nhất, không lặp lại trên thế giới này.

Sự phản ánh giá trị là hình tượng (hình ảnh) giá trị. Hình ảnh này thường là sự tổng hợp cái gì đó, là kết quả của sự tổng quát (tổng hợp) đặc biệt, xem ra có vẻ "mơ hồ" hơn so với những tổng quát rõ ràng về mặt khái niệm. Do vậy, đời sống tinh thần của cá nhân là một quá trình và là kết quả tồn tại của chính

1. Xem. Dubrópxki D.I. Vấn đề tư tưởng. M., 1983, tr.107, tiếng Nga.

cá nhân đó với sự sáng tạo các giá trị tinh thần của mình. Trong thế giới tinh thần của con người, nội dung của các giá trị thường ẩn dấu bên trong chủ thể và trong các mối quan hệ giữa các chủ thể. Người ta tiếp nhận thông tin từ bên ngoài, từ môi trường văn hoá - xã hội và thông tin được chuyển vào bên trong. Sau đó diễn ra quá trình xử lý các thông tin này trong đầu óc con người. Con người tiếp thụ các ý nghĩa cao cả với tư cách là các giá trị tinh thần thông qua quá trình xử lý thông tin và đồng thời có sự tham gia của xúc cảm, tình cảm, niềm xúc động, với sự hỗ trợ của ý thức, ý chí v.v... Ý nghĩa cao cả không trở thành giá trị tinh thần ngay lập tức, mà nó cần phải thực hiện trong thực tiễn, trong khuôn khổ đời sống tinh thần của cá nhân. Chỉ có thông qua quá trình đời sống tinh thần của mọi người, thì ý nghĩa cao cả mới có tính chất ích lợi và dần dần trở thành giá trị tinh thần. Như vậy, giá trị tinh thần được biểu hiện với tư cách là sự kết tinh của xúc cảm tâm lý và đời sống tinh thần thực tiễn của mỗi cá nhân. Do đó giá trị tinh thần đem trong mình tính lợi ích, có lợi, yếu tố tích cực đối với con người. Nó kích thích hoạt động và đời sống của cá nhân. "Giá trị bậc cao thể hiện như là những tác nhân điều chỉnh hoạt động, chúng được thiết lập ở giai đoạn có sự chọn lọc cơ bản, khi con

người xác định bản thân mình với tư cách là cá nhân... Giá trị bậc cao - đó là một nhóm toàn bộ các tổng hợp hình ảnh xúc cảm, được phản ánh khác nhau về chất lượng, nhưng thống nhất những nhu cầu quan trọng của con người xã hội"¹.

Sự tương quan của giá trị tinh thần với nhu cầu thực tế của các cá nhân và xã hội có thể làm cơ sở cho sự phân loại các giá trị của đời sống tinh thần.

Trong các tài liệu triết học xôviết tồn tại các quan điểm khác nhau về sự phân loại các giá trị tinh thần. Có thể phân loại các giá trị theo các cấp độ của đời sống xã hội và ý thức xã hội. Trong cuốn sách "Giá trị thực và ảo", giá trị được phân loại thành giá trị của đời sống vật chất của mọi người, giá trị xã hội và giá trị của đời sống tinh thần của xã hội. Cũng theo nguyên tắc đó V.P. Tugarinốp phân biệt các giá trị vật chất, chính trị - xã hội và tinh thần². Có thể phân loại giá trị tinh thần theo khía cạnh xã hội học hoặc khía cạnh nhận thức luận v.v...

-
1. Xem : Dalótukhina - Ôbôlina E.V. Về đặc tính của các giá trị tinh thần bậc cao. // Các khoa học triết học, số 4, 1987, tr.13, tiếng Nga.
 2. Xem. Tugarinốp V.P. Lý thuyết giá trị trong chủ nghĩa Mác. L., 1968, tr. 29, tiếng Nga.

Có các quan điểm khác trong sự phân loại các giá trị tinh thần, chẳng hạn, O.G.Đrôpnixki¹, X.V.Anhiximốp² cho rằng, tốt hơn hết là không nên phân loại giá trị theo tính chất "tự nhiên" của chúng, mà theo mối quan hệ tới con người, với những nhu cầu của nó.

Trong mỗi loại hoạt động tinh thần của cá nhân và xã hội đều tồn tại những giá trị tinh thần của mình. Ở khía cạnh giá trị của đời sống tinh thần của cá nhân, theo chúng tôi, tồn tại các giá trị tinh thần chủ yếu. Đó là các giá trị : văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ, giá trị công dân của con người. Chính các giá trị tinh thần này nằm trong nền tảng của lĩnh vực đời sống tinh thần của cá nhân. Chúng được hình thành trong chính hoạt động thực tiễn của mọi người. Giá trị không những được kiểm nghiệm trong thực tiễn, mà còn được nảy sinh và hình thành trong đó.

Trong đời sống tinh thần, con người sáng tạo các giá trị tinh thần và ngược lại, các giá trị tinh thần với tư cách là những kích thích có tác động trở lại đối

1. Xem : Đrôpnixki O.G. Thế giới khách thể sống. M., 1967, tr.312, 313, tiếng Nga.

2. Xem : Anhiximốp X.V. Các giá trị tinh thần : sản xuất và tiêu dùng. M. , 1988, tiếng Nga.

với con người, có tác dụng làm cho con người ngày một hoàn thiện hơn. Con người nhận thức được các giá trị cuộc sống và định hướng hoạt động của mình theo chúng.

Giá trị có thể tồn tại dưới dạng lý tưởng.

Trong tài liệu triết học, khái niệm "lý tưởng" được dùng theo hai nghĩa : Thứ nhất, khái niệm này trùng với khái niệm mô hình tư tưởng, hình tượng lý tưởng, định rõ kết quả tương lai, tạo nên nội dung và mục đích lý tưởng¹ ; Thứ hai, khái niệm này được hiểu là mục đích cuối cùng - một trong các dạng biểu hiện về mặt thời gian của mục đích². Theo quan điểm của I. Cantó, mục đích tuyệt đối về bản chất là đồng nghĩa với giá trị tuyệt đối, mà nó đưa lại cho con người với tư cách là cái tối đa tiên nghiệm của tư duy thuần túy, với tư cách là tư tưởng ở trình độ tri thức và đó là lý tưởng : "Tư tưởng là một khái niệm nào đó của lý trí, còn lý tưởng - là khái niệm về bản chất duy nhất nào đó, về tư tưởng tương đồng nào đó"³.

1. Xem : Makaróp M.G. Phạm trù "Mục đích" trong triết học mácxít; Tumánốp X.V. Lý tưởng xã hội. Biện chứng của sự phát triển, M., 1986, tiếng Nga.
2. Xem : Iaxenkô A.I. Mục đích giả định và lý tưởng và Ôxinhóc E.V. Lý tưởng và hoạt động. Kiép, 1980, tiếng Nga.
3. I.Cantó. Tuyển tập, gồm 6 tập, T.4, quyển I. M., 1965, tr. 236, tiếng Nga.

Cách hiểu này của I.Cantơ về lý tưởng không thể phân biệt được cái khách quan và cái chủ quan trong quá trình nhận thức. Khái niệm này được C.Mác và F.Engen sử dụng với cùng nghĩa như trong triết học của I.Cantơ và của Hêghen, tức là ở nghĩa mục đích tuyệt đối và mục đích cuối cùng. Trong các công trình của C.Mác, F.Engen, V.I. Lênin không có quan điểm chuyên biệt về lý tưởng. Nhưng vấn đề về cơ sở lý tưởng của mục đích đã được C. Mác và F.Engen đưa ra ngay từ buổi đầu trong hoạt động triết học và chính trị của mình. Trong tài liệu hiện đại (hiện nay) khái niệm lý tưởng thuộc về một tồn tại khác hẳn với khái niệm "giá trị" ; mặt khác, người ta hiểu nó như là khái niệm mục đích tuyệt đối của I.Cantơ và mục đích cuối cùng của Hêghen, đồng thời khái niệm "giá trị" là thuộc về lĩnh vực phương thức (phương tiện) để thực hiện các mục đích. R.Akóp và F.Emêri nghiên cứu lý tưởng trong khái niệm "chí hướng". "Chỉ có các hệ thống có tính hướng đích mới có thể hướng tới lý tưởng, chúng có thể thực hiện sự lựa chọn từ một vài mục đích và khi đó mới có khả năng vận động tới lý tưởng, lựa chọn mục đích mới sau khi đạt được mục đích trước đó hoặc sau khi không đạt được mục đích ; và cú thể kế tiếp nhau "hy sinh" mục đích vì lý

tưởng"¹. Quan điểm này, một mặt chỉ ra sự không trùng nhau của mục đích và lý tưởng ; mặt khác, lý tưởng chiếm vị trí dẫn đầu tương đối so với mục đích. Lý tưởng với tư cách là loại tinh thần đặc biệt đảm bảo những điều kiện để thực hiện và lựa chọn mục đích. Triết học hiện đại liên kết sự phụ thuộc của hoạt động vào lý tưởng với tính đặc thù của hoạt động con người. Trong hoạt động hiện nay của con người tồn tại trạng thái vừa nhìn về quá khứ vừa hướng tới tương lai. Tự do tinh thần của con người thường xuyên được biểu hiện ở các lý tưởng.

"... Điều quan trọng là cần phân biệt lý tưởng và hiện thực. Chúng không trùng khớp với nhau : lý tưởng được hiện thực hoá "theo từng cấp bậc" không hoàn toàn và không thường xuyên. Điều đó là phụ thuộc vào những nguyên nhân khách quan và chủ quan"². Như vậy, lý tưởng thực chất là hình thái tư tưởng phản ánh hiện thực và nó hầu như thường xuyên nằm ở phía trước quá trình hiện thực nào đó của hoạt động của chúng ta. Theo P.X. Gurévich,

-
1. Akóp R., Emêri. Về các hệ thống có tính hướng đích. M., 1974, tiếng Nga.
 2. Buépva L.P. Nhân tố con người : tư duy mới và hành động mới. M., 1988, tr. 24, tiếng Nga.

"tự do là một giá trị tuyệt đối... Tự do đối với tôi là một giá trị, nhưng giá trị không tồn tại hiện thực, mà với tư cách là một lý tưởng nào đó, sự định hướng nào đó, mà tôi muốn tiến tới"¹.

Mục đích, giá trị, lý tưởng nằm trong mối tương tác biện chứng trong đời sống tinh thần của cá nhân. Nếu chúng ta có thể mô tả và minh họa một cách "thô thiển" chu kỳ tương tác của chúng, thì chúng được biểu hiện trong đời sống tinh thần của cá nhân theo sơ đồ sau :

Mục đích _____ L ý tưởng
Quá trình hình thành các giá trị

Theo sơ đồ này thì mục đích của hoạt động của con người thường xuyên nằm ở điểm xuất phát đầu tiên với tư cách là kế hoạch hoá một cách xác định của hoạt động và giải quyết các nhiệm vụ của con người. Quá trình hình thành các giá trị - là quá trình hiện thực hoá những mục đích đặt ra trong đời sống hiện thực của mọi người. Nhưng dĩ nhiên là trong quá trình hiện thực hoá những mục đích đặt ra ở đời sống tinh thần của cá nhân, thì giá trị tinh thần không phải có được ngay lập tức. Để đạt được giá trị tinh

1. Gurévich P.X. Giá trị - Đó không phải là chuẩn mực. // Văn hoá và cải tổ các chuẩn mực giá trị, lý tưởng. M., 1990, tr. 69, tiếng Nga.

thần, cá nhân cần phải "đi qua một số bậc thang" trong quá trình hình thành giá trị. Trong quá trình làm ra và tiêu thụ sản phẩm (cả vật chất lẫn tinh thần) con người tiếp nhận một ý nghĩa nào đó. Ý nghĩa này phát triển và đạt tới ý nghĩa bậc cao và nó có tính chất ích lợi, tích cực, phù hợp với lợi ích và nhu cầu của con người, khi đó ý nghĩa bậc cao này trở thành giá trị tinh thần. Mục đích và giá trị đều hướng dẫn tới lý tưởng, được biểu hiện ở lý tưởng. Hay nói cách khác là : lý tưởng - đây là sự kết tinh của mục đích và giá trị. Nhìn về hình thức bên ngoài, theo quan điểm của chúng tôi, có thể nói rằng, lý tưởng - đây là mục đích cuối cùng được hiện thực hoá. Nhưng nhìn về nội dung thì lý tưởng bao chứa trong mình sự phân biệt về tính chất lượng so với nội dung của mục đích. Nội dung của mục đích - đây mới chỉ là "những dự định" có ý thức của con người, sự kế hoạch hoá các nhiệm vụ sẽ được giải quyết ở hiện thực. Có thể nói rằng, mục đích - đây chỉ đơn giản là tư tưởng, là mô hình hoá hoạt động con người. Còn lý tưởng bao gồm trong nó không chỉ lý trí, trí tuệ, mà còn ý chí, niềm tin, tình cảm, cảm xúc, niềm xúc động v.v... tức là tất cả tính chất tâm lý của con người. Lý tưởng - là kết tinh của tất cả trạng thái và tính chất tâm lý của con người. Nó với tư cách là sự định

hướng, mà theo đó con người đi tới. Như vậy, cả lý tưởng lẫn mục đích và giá trị đều là những kích thích tinh thần của đời sống tinh thần con người. Mục đích, giá trị, lý tưởng có ý nghĩa đặc biệt trong hướng đi của con người, trong tố chất để thực hiện những hành động nhất định. Chúng cũng đi vào động cơ hoạt động của con người. Một phần đáng kể của phương hướng và động cơ là biến thái của lý tưởng, của quan niệm chung về thế giới, của những giá trị tinh thần được nhận thức dưới dạng lòng tin, động cơ hoạt động của con người.

Những điều trình bày ở bên trên cho phép rút ra kết luận rằng, những giá trị liên hệ với các mục đích trong tư cách là cơ sở lựa chọn các phương thức. Lĩnh vực giá trị với tư cách là các phương thức của mục đích - giả định và thể hiện mối liên hệ tổng hợp của các mục đích. Nó là mối quan hệ của con người đối với chính mình và đối với người khác, đối với quá khứ và tương lai nhân loại.

Trong đời sống tinh thần của cá nhân, sự tự do với tư cách là tiêu chí cơ bản của cá nhân được thực hiện trong biện chứng của mục đích lẫn giá trị và lý tưởng. Mối liên hệ và tương tác của các lợi ích với những kích thích tinh thần này cho phép con người

trở nên tự do và tích cực vượt ra ngoài những phạm vi của tính mục đích hợp lý. Chính trên mức độ đó, người ta ghi nhận công lao đóng góp của cá nhân vào sự phát triển của xã hội và với tính chất riêng biệt của mình, con người trở thành giá trị cao nhất của tự nhiên và xã hội.

Dưới đây, chúng tôi trình bày một yếu tố hoặc là lĩnh vực quan trọng của đời sống tinh thần của cá nhân trong việc hình thành các giá trị tinh thần - lĩnh vực giao tiếp tinh thần giữa các chủ thể.

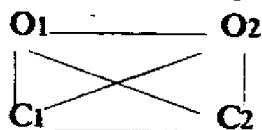
2. GIAO TIẾP - ĐIỀU KIỆN QUAN TRỌNG ĐỂ HÌNH THÀNH NHỮNG GIÁ TRỊ TINH THẦN.

Giao tiếp và hoạt động - hai phạm trù trong triết học xã hội và trong tài liệu tâm lý - xã hội được lý giải theo những cách khác nhau. Giao tiếp với tư cách là hoạt động hay là giao tiếp và hoạt động? Hiện nay, ở các nhà triết học xôviết không có câu trả lời thống nhất đối với câu hỏi này. Trước hết, trong phần đầu của mục này, chúng tôi muốn nêu lên cách hiểu của mình đối với những phạm trù này trên phương diện nhận thức luận.

Tôi đồng ý với ý kiến của Viện sĩ L.P. Buepva cho rằng, giao tiếp là một cái gì đó khác về nguyên tắc so với hoạt động : "Hoạt động và giao tiếp - đây

là hai khía cạnh có quan hệ mật thiết với nhau và đồng thời có tính độc lập tương đối, chúng là hai khía cạnh không có giá trị ngang nhau của một quá trình thống nhất của đời sống (cá nhân và xã hội)¹.

Phân biệt giữa giao tiếp và hoạt động cần phải xem xét, theo quan điểm của chúng tôi, trong hệ thống các mối quan hệ chủ - khách thể. Ở hệ thống này biểu hiện 3 loại quan hệ : khách thể - khách thể; chủ thể - khách thể ; chủ thể - chủ thể. Chúng ta có thể minh họa các quan hệ đó theo sơ đồ sau đây:



ở đây, O1, O2 - các khách thể

C1, C2 - các chủ thể; giữa chúng tồn tại các mối quan hệ.

Chúng ta sẽ phân tích kỹ từng mối quan hệ và để dành đồng ý với nhau trong phân tích loại quan hệ thứ nhất : khách thể - khách thể. Điểm đặc biệt của mối quan hệ này được thể hiện là, giữa các khách thể tồn tại chỉ là mối liên hệ hoặc mối quan hệ đơn giản, chúng ta có thể coi mối liên hệ qua lại hoặc mối quan hệ tương tác giữa chúng là bình đẳng với nhau. Trên phương diện nhận thức luận chúng ta có thể coi

1. Xem. Буэва Л.Р. Con người : hoạt động và giao tiếp. M., "Tư tưởng" 1978, tr. 110-112, tiếng Nga.

nhưng mối quan hệ này là thụ động, tính đối với chủ thể. Còn (ở hiện thực) trên thực tế tính tích cực trong mối quan hệ này giữa chúng có thể coi là "tính tích cực thầm lặng", thiếu các khởi nguyên tinh thần trong sự phân biệt với tính tích cực, mà nó tồn tại ở đời sống tinh thần. Quan hệ này giữa các khách thể, chúng ta gọi là *mối liên hệ*.

Loại quan hệ thứ hai : chủ thể - khách thể phức tạp hơn. Trong hoạt động lao động và sản xuất xã hội, mối quan hệ này được coi là hoạt động có tính chất vật chất. Ở hoạt động này, điểm đặc biệt của mối quan hệ đó được thể hiện là quan hệ của một thực thể tích cực với một đối tượng thụ động. Chủ thể thường xuyên thể hiện ảnh hưởng tích cực lên khách thể, còn khách thể thể hiện ảnh hưởng "thụ động" (lực liên hệ ngược lại) với chủ thể. Sự phân biệt chủ yếu ở mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể được thể hiện ở chỗ : chủ thể thường xuyên hướng tính tích cực lên khách thể, còn khách thể tác động liên hệ ngược trở lại đối với chủ thể, nhưng dù sao cũng thể hiện sự ảnh hưởng thụ động so với ảnh hưởng của chủ thể lên khách thể. Trong mối quan hệ này bao gồm hoạt động của con người (chủ thể) dưới các dạng cơ bản - hoạt động vật chất, nhận thức, cải biến, định hướng giá trị.

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của M.X.Kagan, cho rằng "hoạt động của con người không nên chỉ quy về hoạt động có tính chất vật chất của nó khi mà giao tiếp đã hiển nhiên hoà vào các biểu hiện tổng thể và đa dạng của tính tích cực của con người"¹. Và theo quan điểm của chúng tôi, trên phương diện nhận thức luận chúng ta có thể ghi nhận tính đặc thù của giao tiếp và của hoạt động.

Loại quan hệ thứ ba : chủ thể - chủ thể. Đây là mối quan hệ phức tạp hơn cả so với hai loại quan hệ trước. Chính ở đây tồn tại những quan niệm và ý kiến khác nhau về giao tiếp và về hoạt động. Sự phân tích dưới đây sẽ có câu trả lời đối với câu hỏi : giao tiếp với tư cách là hoạt động hay là giao tiếp và hoạt động?

Trong bất kỳ một quan hệ nào giữa hai khách thể (hoặc hai chủ thể) đều tồn tại 3 khả năng ảnh hưởng (hoặc tác động). Chẳng hạn, ở quan hệ của hai đối tượng (khách thể) có 3 trường hợp xảy ra sau đây :
O1 \longleftrightarrow O2 (ở đó, O1, O2 - các khách thể, các mũi tên là chỉ hướng tác động từ mỗi một khách thể và giá trị lực tác động của các khách thể). Mối quan hệ giữa các khách thể trong bất kỳ trường hợp nào cũng đều là

1. Xem : Kagan M.X. Thế giới của những giao tiếp M., "NXB Chính trị", 1988, tr. 124, tiếng Nga.

mối liên hệ giữa chúng (quan hệ loại O- O như đã trình bày ở trên).

Loại quan hệ C - O : Đây là quan hệ giữa chủ thể và khách thể. Trong đó, cũng tồn tại 3 trường hợp ảnh hưởng (hoặc tác động) giữa chúng : $C \xrightarrow{\quad} O$. Trong mỗi quan hệ này cái chủ đạo thường xuyên là hoạt động của con người (chủ thể) trên khách thể. Điều đó có nghĩa là $C \rightarrow O =$ Hoạt động, còn $O \rightarrow C =$ ảnh hưởng ngược trở lại của khách thể đối với chủ thể, và $C \leftrightarrow O =$ hoạt động của chủ thể và ảnh hưởng ngược trở lại của khách thể đối với chủ thể diễn ra đồng thời.

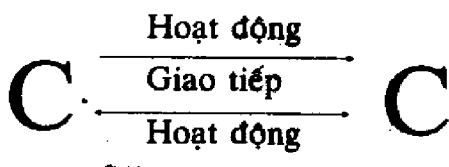
Loại quan hệ C - C : Đây là quan hệ giữa chủ thể và chủ thể. Có 3 trường hợp xảy ra trong mỗi quan hệ này : $C \xrightarrow{\quad} C$. Quan hệ loại $C \rightarrow C_1$ hoặc $C \leftarrow C_1$ cũng tương tự như loại quan hệ $C \rightarrow O$, nghĩa là "một chủ thể này biểu hiện mối quan hệ với chủ thể khác với tư cách là đối tượng (khách thể)"¹. Đây là mối quan hệ được lý giải rằng, ở một thời điểm và một hoàn cảnh cụ thể, một chủ thể biểu hiện với tư cách là chủ thể thực thụ, chủ thể này thể hiện ảnh hưởng tích cực (chủ động) của mình đến chủ thể

1. Ponomarép Ia. A. Tâm trạng và trực giác, M., 1967, tr.178, tiếng Nga.

khác, còn chủ thể khác (hoặc thứ hai) thể hiện với tư cách là khách thể, nghĩa là nó thể hiện ảnh hưởng không tích cực, không chủ động của mình đối với chủ thể thứ nhất. Thế nhưng, quan hệ loại $C \rightarrow C1$ hoặc $C \leftarrow C1$ lại rất là tương đối. Một chủ thể ở thời điểm này thể hiện với tư cách là chủ thể, nhưng ở thời điểm khác lại thể hiện với tư cách là khách thể. Bởi vậy, khái niệm "chủ thể" và "khách thể" - đây là những khái niệm có tính chất tương quan và thậm chí tương đối. Chúng có thể đổi chỗ cho nhau, thay đổi vị thế của mình trong mối quan hệ loại $C \rightarrow C1$ hoặc $C \leftarrow C1$, phụ thuộc vào tính tích cực (chủ động) được xuất phát từ chủ thể này hay từ chủ thể kia. Và cũng chính ở đây, biểu hiện sự tương tác của một chủ thể đối với chủ thể khác để đạt được mục đích của mình.

Quan hệ loại $C \leftrightarrow C1$ - Đây là mối quan hệ phần lớn biểu hiện tương quan lực lượng ngang nhau, sự tương tác tích cực đối với nhau là ngang nhau và chúng diễn ra đồng thời trong một thời điểm cụ thể hoặc trong một hoàn cảnh sống cụ thể. Chúng biểu hiện sự cùng nhau tương tác để đạt được kết quả chung hoặc mục đích chung, giữa chúng xuất hiện một cái gì chung, một tính cộng đồng. Mối quan hệ loại này $C \leftrightarrow C1$ chính là *sự giao tiếp* giữa các chủ thể.

Như vậy, sự phân biệt giữa *giao tiếp* và *hoạt động* ở mối quan hệ loại C - C1 chúng ta có thể biểu diễn theo sơ đồ sau :



Theo sơ đồ này, chúng ta thấy rõ ràng rằng, khi diễn ra quá trình hoạt động từ một chủ thể này đến chủ thể khác, thì một chủ thể biểu hiện với tư cách là chủ thể thực thụ, còn chủ thể khác (thứ hai) biểu hiện với tư cách là đối tượng (khách thể) của chủ thể thứ nhất (thực thụ).

Khi diễn ra quá trình giao tiếp giữa các chủ thể thì đây chính là *cuộc đối thoại* của các chủ thể, trong đó các chủ thể biểu hiện với tư cách là những người bạn hoặc những đối thủ bình đẳng, giữa họ xuất hiện một tính chất của sự giao tiếp - bình đẳng về tác động, ảnh hưởng.

Chúng ta tiếp nhận sơ đồ này như vậy trên phương diện nhận thức luận. Nhưng trên thực tế những quá trình này (hoạt động và giao tiếp) giữa các chủ thể diễn ra rất phức tạp. Hoạt động và giao

tiếp có thể chuyển chỗ cho nhau. Ranh giới giữa chúng thật là mỏng manh. Do vậy, ở đây có ý kiến cho rằng trong giao tiếp giữa các cá nhân, mỗi một thành viên biểu hiện "đồng thời vừa là khách thể, vừa là chủ thể"¹. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này không đúng khi định nghĩa về giao tiếp, mà chỉ đúng trong *sự chuyển tiếp* từ hoạt động đến giao tiếp và ngược lại, từ giao tiếp đến hoạt động.

Như vậy, theo chúng tôi, giao tiếp - đây là *cuộc đối thoại* giữa các chủ thể, trong đó các chủ thể biểu hiện là những thành viên bình đẳng.

Một loại đặc biệt của giao tiếp là giao tiếp hướng về phía bên trong thế giới tâm hồn, giao tiếp giữa : "cái Tôi" - "cái Tôi" ; "cái Tôi" - "cái không Tôi" v.v... Sự giao tiếp này chúng tôi gọi là *tự giao tiếp*. Tóm lại, sự tự giao tiếp - đây là cuộc đối thoại bên trong của chính mình, đối thoại (giao tiếp) về mình và với bản thân mình. Giao tiếp và tự giao tiếp đóng vai trò lớn trong đời sống tinh thần của cá nhân. Chúng là những điều kiện quan trọng để hình thành những giá trị tinh thần của con người.

1. Xem : Parugin B.D. Những cơ sở của lý thuyết tâm lý - xã hội, tr. 226, tiếng Nga.

Giao tiếp tinh thần với tư cách là cuộc đối thoại, được thể hiện bằng quá trình trao đổi tư tưởng, quan niệm, tình cảm và kết quả là mọi người tiếp thu được cái chung, những ý nghĩa ích lợi đối với mỗi chủ thể khi trao đổi kinh nghiệm của hoạt động lao động và đời sống xã hội. Giao tiếp ở hình thức cùng nhau hoạt động lao động và ở hình thức ngôn ngữ tiếng nói được thực hiện với sự giúp đỡ của các ký hiệu tiếng nói và không tiếng nói hoặc của các phương tiện kỹ thuật. Giao tiếp được thực hiện trong những hoàn cảnh đa dạng cụ thể, trong đó xuất hiện sự tiếp xúc thân tình, biểu lộ những tác động và điều hoà về mặt tình cảm. Hình thức giao tiếp không chỉ là trực tiếp tiếp xúc, đối thoại, mà còn có thể là giao tiếp từ xa. Hình thức giao tiếp từ xa rõ rệt hơn cả - đó là viết lại (trao đổi thư từ, thư tín, xuất bản phẩm v.v...) hoặc dưới các hình thức nghệ thuật. Trong quá trình giao tiếp có nhiều hình thức hoặc thể loại khác nhau của giao tiếp, chúng phụ thuộc vào các thành viên và đặc tính của họ, vào định hướng giá trị, trí lực, kinh nghiệm và động cơ tư tưởng. Giao tiếp thường xuyên đem đặc tính của cá nhân... Nó phụ thuộc vào phong thái và kiểu cách của mỗi chủ thể. Sự

giao tiếp tinh thần, theo A.K. Ulêđốp "là phương thức thực hành của đời sống tinh thần"⁽¹⁾.

Mọi người sống với cái tinh thần, nghĩa là họ biểu hiện những suy nghĩ, tình cảm v.v... với nhau. Sự giao tiếp giữa mọi người có thể được thực hiện bằng những tiếp xúc trực tiếp hoặc bằng cách gián tiếp, tức là với sự giúp đỡ của các phương tiện thông tin đại chúng. Trong giao tiếp không chỉ diễn ra sự trao đổi các thông tin, mà còn tiếp thụ hoặc loại bỏ các tư tưởng, cảm nhận, xúc cảm v.v... Sự giao tiếp tinh thần liên quan tới tính tích cực của các chủ thể xã hội. Bởi vậy, nó có thể đem tính chất như là hoạt động, nhưng chỉ ở quan niệm có tính chất trừu tượng mà thôi. Các chủ thể trong giao tiếp thể hiện sự bình đẳng, và bởi vậy, nói một cách nghiêm túc, không nên xem xét nó như là hoạt động. Ranh giới giữa giao tiếp và hoạt động, như đã trình bày ở trên, trong loại quan hệ C - C1, là rất mỏng manh, mặt khác, trong mối quan hệ đó chúng có thể chuyển tiếp cho nhau. Vì thế, giao tiếp nảy sinh trong mối liên hệ với hoạt động như là điều kiện cần thiết của việc thực hiện hoạt động và là sản phẩm tất yếu của nó. Hơn thế nữa,

1. Ulêđốp A.K. Đời sống tinh thần của xã hội. M., "Tư tưởng", 1980, tr.111, tiếng Nga.

trong khi nghiên cứu (xem xét) sự hình thành những giá trị của đời sống tinh thần của cá nhân không nên xem xét ích lợi (ý nghĩa, giá trị) của sự giao tiếp như là cơ sở để khuyếch trương vai trò của nó. Cùng với lao động, với hoạt động, giao tiếp là yếu tố quan trọng của quá trình phức tạp có tính chất quyết định luận xã hội của hành vi con người. Những ảnh hưởng đa dạng, sự hiểu biết lẫn nhau của mọi người, sự tương tác về mặt lý trí, tình cảm, ý chí của các cá thể được thực hiện trong sự giao tiếp. Đồng thời trong giao tiếp cũng được bày tỏ và hình thành "tiếng nói chung", sự tương đồng của các tư tưởng, quan điểm, tâm trạng v.v... Sự giao tiếp là một trong những điều kiện quan trọng để hình thành ý thức và tự ý thức của cá nhân, là yếu tố kích thích cho sự phát triển của cá nhân. Những mối liên hệ khách quan giữa mọi người trong quá trình hoạt động là cơ sở có tính chất quyết định luận, trên đó sinh sôi sự tổng hoà các đặc tính có tính chất chủ quan của sự giao tiếp. Ở mọi trường hợp, giao tiếp luôn gắn liền với các loại khác nhau của hoạt động xã hội. Khi xem xét giao tiếp tinh thần cần phải lý giải mối liên hệ khăng khít của nó với các quan hệ tinh thần và hoạt động tinh thần. Mối quan hệ biện chứng giữa chúng cho phép đi sâu vào cơ chế thực hiện đời sống tinh thần của xã hội

và của cá nhân. Kết quả chủ yếu của mối liên hệ và tương tác của chúng được định vị không chỉ trong các giá trị tinh thần được hình thành, mà còn trong sự phát triển về mặt tinh thần của mọi người. Với đà phát triển về mặt tinh thần của cá nhân và xã hội nói chung, có thể đánh giá về sự hiện diện mối quan hệ tương tác hiện thực của các lĩnh vực đó trong đời sống xã hội của mọi người. Giao tiếp bảo đảm tính kế thừa thiết yếu trong sự phát triển của văn hoá. Hơn nữa, giao tiếp văn hoá giữa mọi người và giữa các dân tộc là điều kiện của sự xích lại gần nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, xâm nhập văn hoá lẫn nhau. Như vậy, giao tiếp trong những hoàn cảnh lịch sử - cụ thể và về tổng thể là "sự đối thoại hoà bình, là biểu tượng hoà bình" trong mối quan hệ giữa mọi người và giữa các dân tộc. Ở ý nghĩa này, giao tiếp là điều kiện hình thành và phát triển các giá trị hữu nghị có tính nhân loại của mọi dân tộc trên thế giới. Tự do của con người và tính hữu nghị giữa các dân tộc là những giá trị vô giá, cần được bảo vệ và giữ gìn. Chỉ có cùng nhau quan hệ hữu nghị và giao tiếp với nhau, điều đó không chỉ là điều kiện, mà còn là phương thức (phương tiện) để đạt được những mục đích chung trong các quan hệ quốc tế.

Ngôn ngữ và tiếng nói là phương tiện vật chất của giao tiếp. Tiếng nói là phương tiện cơ bản điều khiển hành vi con người, phương tiện nhận thức hiện thực, tự nhận thức của cá nhân. Tiếng nói xuất hiện và được phát triển cùng với sự phát triển của lao động, của hoạt động lao động và của xã hội nói chung. Nó với tư cách là giá trị xã hội, tồn tại cùng với ý thức, với tất cả chế độ văn hoá tinh thần và đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân. Ngôn ngữ là tiếng nói hoạt động trong giao tiếp, nó là hoạt động của giao tiếp một cách trực tiếp hoặc gián tiếp và là những kết quả được định hình của giao tiếp. Ngôn ngữ là biểu hiện vật chất của tư tưởng, tư duy, mà trong đó tồn tại thế giới tinh thần của con người. Biểu hiện tư tưởng đối với những người khác được thực hiện với sự giúp đỡ của từ ngữ. "Từ ngữ đẹp, hay hoặc là không đẹp, không hay" khơi dậy ở người nghe tâm trạng thoải mái hay không thoải mái ở hoàn cảnh cụ thể. Nhờ từ ngữ, sự giao tiếp có thể đạt được những kết quả tốt trong quan hệ giữa các chủ thể. Quá trình giao tiếp được thực hiện dưới hình thức "tác động tương hỗ có tính chất vật chất" bằng các từ ngữ, nhằm trao đổi những ý nghĩ, tư tưởng được biểu lộ trực tiếp hay ẩn dấu sau những từ ngữ đó. Với sự giúp đỡ của từ ngữ, chúng ta không đơn giản là truyền đạt, và còn

khêu gọi những ý nghĩa, tư tưởng trong đầu óc của người tiếp thu. Ngôn ngữ thực hiện một loạt các chức năng : giao tiếp, tư duy và chức năng là phương tiện biểu đạt và tác động đối với nhau của các chủ thể. Ý kiến phát biểu và các từ ngữ của nó là (có) hình thức vật chất và ý nghĩa tư tưởng phản ánh hiện thực. Nó có tính độc lập tương đối trong quan hệ với đối tượng được phản ánh. Cái có ý nghĩa (giá trị) tích cực đạt tới ý nghĩa cao và trở thành giá trị tinh thần không phụ thuộc vào ý thức cá nhân, nó trở thành điều ích lợi đối với việc thoả mãn các nhu cầu của mọi người. Nó là hiện tượng lịch sử - khách quan của văn hoá tinh thần của con người và xã hội. Ngôn ngữ của con người không chỉ là phương tiện trao đổi những tư tưởng, mà còn thực hiện chức năng biểu lộ tình cảm. Thực hiện các chức năng này, ngôn ngữ thực hiện sự cảm tình, "tiếng nói chung", sự đồng cảm giữa các chủ thể trong giao tiếp. Với tư cách là phương tiện biểu hiện, ngôn ngữ đi kèm với cử chỉ, điệu bộ, động tác, biểu cảm bằng nét mặt v. v... bao chứa trong tổng thể của các hành động biểu cảm. Với sự giúp đỡ của các phương tiện đó, các chủ thể của cuộc đối thoại - giao tiếp có thể bày tỏ sự hiểu biết, ảnh hưởng và tương tác lẫn nhau. Cứ như vậy, trong ngôn ngữ, tư tưởng dần dần được hình thành và được

định hình. Tiếp sau đó, những giá trị tinh thần được hình thành trong kết quả của hoạt động, của giao tiếp. Chúng có tính chất bền vững tương đối theo thời gian lịch sử. Những giá trị tinh thần xây đắp nên và thực hiện tính kế thừa xã hội từ thế hệ này đến thế hệ khác. Đây chính là biểu tượng bền vững của văn hoá truyền thống của các dân tộc.

Giao tiếp biểu hiện với tư cách là hình thức cá thể hoá những quan hệ xã hội. Tính đặc thù được biểu hiện của các quan hệ xã hội trong giao tiếp xác định tính chất, kinh nghiệm xã hội và những đặc tính của cá nhân. Trong đời sống tinh thần của cá nhân ngoài sự giao tiếp được thực hiện trên cơ sở được gọi là giao tiếp hướng ra bên ngoài (đối thoại bên ngoài) với sự giúp đỡ của ngôn ngữ bên ngoài, còn tồn tại một loại giao tiếp đặc biệt được gọi là giao tiếp hướng vào bên trong (đối thoại bên trong) với sự giúp đỡ của ngôn ngữ bên trong. Loại giao tiếp này chúng tôi gọi là tự giao tiếp với tư cách là đối thoại của "cái Tôi sở hữu" của cá nhân, đối thoại về mình và với chính mình. Tự giao tiếp là điều kiện quan trọng và là phương tiện hình thành những giá trị văn hoá, thẩm mỹ, đạo đức, công dân của cá nhân.

Chúng ta xem xét tỉ mỉ đặc tính của tự giao tiếp và vai trò của nó trong đời sống tinh thần của cá nhân

trong quá trình hình thành con người với tư cách là giá trị cao nhất của xã hội.

Trước hết cần phải nhấn mạnh rằng, tự giao tiếp trong đời sống tinh thần của cá nhân thể hiện là một quá trình đặc biệt với mục đích tự nhận thức, tức là, nhận thức chính bản thân mình, nhận thức "cái Tôi sở hữu" với tư cách là chủ thể. Ngoài sự nhận thức "cái Tôi sở hữu" ra, tự giao tiếp còn cho phép suy tư quá trình tự giáo dục, tự hình thành các nét văn hoá của bản thân. Đối thoại với chính mình đối với mỗi cá nhân trở thành phương tiện tự hiểu biết, tự ý thức để giải quyết những mâu thuẫn bên trong, phục vụ cho sự phát triển văn hoá của bản thân mình, tự hoàn thiện những phẩm chất cá nhân theo hướng tự phát triển của con người với tư cách là giá trị cao nhất của xã hội. Tự giao tiếp là một quá trình có nhiều thang bậc và nhiều kế hoạch, dự định, liên quan tới sự xúc cảm, tự đánh giá và tự phê bình của cá nhân. Kết quả tiếp theo của quá trình này được hợp nhất ở quan hệ giá trị - tình cảm của cá nhân đối với bản thân mình. Cá nhân trở thành con người văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ, ở con người đó có trách nhiệm công dân với tư cách là một đặc tính tâm lý riêng biệt của mỗi người.

Những yếu tố và các tính chất này trở thành những giá trị tinh thần và được hình thành trong đời sống tinh thần của con người. Những giá trị tinh thần này với tư cách là kết quả tổng hợp của sự tự giao tiếp được củng cố trong thế giới tinh thần của con người và tham gia vào sự điều chỉnh các hành vi cá nhân. Như vậy, tự giao tiếp liên quan mật thiết với các quá trình bên trong khác, như tự nhận thức, tự giáo dục, quan hệ giá trị - tình cảm đối với bản thân và tự điều chỉnh các hành vi của con người. Trong ngũ cảnh hiểu con người với tư cách là giá trị cao nhất, thì tự giao tiếp của con người đặc biệt có liên quan chặt chẽ với quan hệ giá trị - tình cảm đối với chính bản thân mình. Bởi vì, quan hệ này phản ánh trình độ văn hoá và tính chất người của con người trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội và công việc thực tiễn của mình. Giao tiếp và tự giao tiếp cho phép "ghép" những giá trị của người khác vào giá trị của mình và "ghép" những giá trị của mình vào giá trị của người khác.

Tham gia trong giao tiếp hay trong các hình thức tương tác khác, mọi người đồng thời hiểu biết lẫn nhau ; tham gia vào tự giao tiếp, bản thân con người hiểu biết chính mình. Tự giao tiếp cùng với tự nhận

thức là mắt khâu ban đầu và là cơ sở cho sự tồn tại và xuất hiện của tự ý thức. Chỉ có thông qua tự ý thức thì con người mới có thể đi tới tri thức xác định về bản thân mình. Và tới một trình độ nào đó của nhận thức, con người xã hội mới tự nhận thức sự tồn tại của nhân loại (trong đó có mỗi người) với tư cách là giá trị cao nhất trên thế giới. Quan điểm này đem đến cho mọi người quan hệ thiện chí, hoà bình đối với nhau, cũng như quan hệ giữa các dân tộc và các quốc gia. Sự biểu lộ các đặc tính của quá trình tự giao tiếp với tư cách là đối thoại bên trong với bản thân mình, về mình, thì cần phải vạch ra một điều là tri thức về bản thân, về văn hoá là phản ánh bản chất của con người, trong bản chất đó biểu hiện giá trị tinh thần. Mối tương quan giữa giá trị tinh thần của cá nhân với những yêu cầu và chuẩn mực xã hội cho phép con người có khả năng xác định vị trí của mình trong đời sống xã hội và trong xã hội nói chung. Trong quá trình tương tác của giao tiếp với thế giới bên ngoài và thế giới bên trong, con người thể hiện là một chủ thể tích cực, nhận thức được thế giới quanh ta, và cùng với nó, nhận thức được cả bản thân mình. Tự giao tiếp của con người có thể được thực hiện thông qua quan hệ của người này với người khác, thông qua mối liên hệ với các hình thức đa dạng của

"cái Tôi" của mình với "cái Tôi" của người khác. Tự giao tiếp của con người được thực hiện cùng với sự giao tiếp của nó, chúng được tổng hợp với tư cách là một quá trình tương tác thống nhất của các chủ thể, định hướng hình thành những giá trị tinh thần trên cái "nền" đời sống tinh thần của mỗi cá nhân. Trong quá trình hình thành các giá trị tinh thần, cần tính tới một điều rằng, những giá trị tinh thần không dẫn tới trạng thái hoàn thiện tuyệt đối, cuối cùng... Bất kỳ giá trị tinh thần nào cũng như bất kỳ tri thức nào về bản thân mình đều là sự thống nhất của các mặt đối lập - của cái tương đối và của cái tuyệt đối. Tính chất này của giá trị tinh thần cũng giống như tính chất của chân lý. Bản thân chân lý cũng là giá trị. Tính tương đối của giá trị tinh thần bị chế ước bởi sự thay đổi thường xuyên theo thời gian của các điều kiện thực tiễn. Tính tuyệt đối của giá trị tinh thần được biểu hiện là ở mỗi giai đoạn cụ thể của sự phát triển cá nhân, giá trị đó là đúng đắn và đầy đủ với tư cách là giá trị khách quan, có tính chất tích cực và ích lợi đối với mỗi cá nhân. Giá trị này đáp ứng những nhu cầu, chuẩn mực và những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội và con người. Tự giao tiếp là quá trình không ngừng tìm kiếm, phát hiện "những bí mật" của thế giới tinh thần trong mỗi người, là quá trình (được

biểu hiện trong) vận động không ngừng của con người từ một tri thức này về bản thân mình tới tri thức khác. Nhưng ở đây không phải tri thức nói chung, mà là tri thức biểu hiện trong mối quan hệ tổng thể về mặt tình cảm, cảm xúc của bản thân con người đối với chính mình và đối với môi trường xã hội xung quanh. Qua mối liên hệ tất yếu, con người thích nghi tương ứng với những điều kiện xã hội xung quanh và dành thời gian để giao tiếp với "cái Tôi" của mình, hoàn thiện những phẩm chất tâm lý với mục đích điều chỉnh có phân biệt những hành vi của mình. Qua đó, chúng ta thấy rằng, đời sống tinh thần của cá nhân trên suốt chiều dài đời sống của mình là một quá trình hoàn thiện không ngừng việc hình thành những giá trị tinh thần, quá trình nhấn mạnh tới những tiềm năng tâm lý to lớn (dồi dào) của cá nhân và những khả năng vô tận của chính quá trình này của đời sống tinh thần. Trong hệ thống giao tiếp con người thực hành các khía cạnh phù hợp với tâm trạng của mình. Đặc biệt là khi con người ở vào hoàn cảnh hoàn toàn cách ly với mọi người và môi trường xã hội, thì nhu cầu được giao tiếp biểu lộ ở mức độ cao và tăng lên mạnh mẽ theo thời gian. Giao tiếp trở thành điều kiện quan trọng của tồn tại con người và cho nhu cầu của nó. Ở đời sống tinh thần, nhu cầu giao tiếp không

ngừng tăng lên và phát triển. Nếu như sự giao tiếp giữa các động vật là có tính chất tâm lý (bản năng) thì giao tiếp của con người thường xuyên là có ý thức, có tính tinh thần. Ở động vật không bao giờ và không khi nào có quá trình tự giao tiếp. Còn tự giao tiếp của con người là một quá trình đặc biệt đặc thù, chỉ thuộc về con người mà thôi. Sự giao tiếp giữa cái chủ thể là một trong những phương thức (phương tiện) hình thành những giá trị tinh thần trong đời sống tinh thần của cá nhân. Đặc tính tâm lý của cá nhân, nội dung của thế giới tinh thần bên trong của nó - ngoài những giá trị tinh thần, còn bao gồm những quan điểm, mục đích lẽ sống, quan hệ tình cảm, tính cách v.v... - tất cả chúng thường xuyên được biểu hiện trong cử chỉ hành động, trong toàn bộ hành vi cá nhân. Trong khi đánh giá những phẩm chất tâm lý đó của cá nhân thì xuất hiện những tiêu chuẩn đánh giá những giá trị tinh thần. Đây chính là khuynh hướng (mục đích) đạo đức của một cá nhân được hình thành dưới ảnh hưởng của các yêu cầu tương ứng của tập thể và xã hội. Trong quá trình giao tiếp và tự giao tiếp con người hiểu biết những đặc tính (tính cách) của người khác và bắt đầu học tập, tiếp thụ vào bản thân mình, so sánh mình với người khác. Sau cái cử chỉ và thao tác đó, con người phân tách ra cái

mới nào đó, có ích lợi, cái gì đó có giá trị, ý nghĩa đối với mình và cái đó trở thành giá trị tinh thần. Với sự giúp đỡ của rất nhiều yếu tố tiếp thụ bên trong đó, chẳng hạn như tự quan sát, tự thụ cảm, tự nhận thức, trong đó có cả tự phân tích v.v..., con người có thể "chế biến" xử lý tất cả những thông tin được tiếp thụ trong đầu óc của mình. Kết quả xử lý này trở thành giá trị tinh thần khi và chỉ khi tri thức có được hoặc thực hiện được một ý nghĩa cao cả (trở thành cái tinh thần). Bởi vậy, quá trình hình thành những giá trị tinh thần - đây là quá trình chuyển hoá tri thức từ một cấp độ này sang một cấp độ khác (hoặc trình độ khác) cao hơn. Ở kết quả đó biểu lộ mức độ tham gia của các quá trình tâm lý, các hình thức biểu hiện, trình độ phát triển, mức độ sâu sắc của hệ thống các tính chất đặc trưng, mà nó khắc hoạ đặc điểm của tuyến hành vi, hạnh kiểm của con người nói chung (trong cái toàn thể của con người). Như vậy, giá trị tinh thần là cái kích thích hành vi con người.

Tự giao tiếp - đây là đối thoại giữa "Tôi và cái Tôi". Quan hệ của "Tôi và cái Tôi" này không ngang bằng như quan hệ giữa "Tôi và cái Tôi của người khác", mà đây là đối thoại bên trong của "cái Tôi", là tự giao tiếp, khi mà cá thể đối xử với chính mình

với tư cách là một chủ thể. Ở mối quan hệ này tự giao tiếp là phương pháp hay cách thức nghiên cứu thế giới tâm hồn riêng biệt bên trong của con người. Trong quá trình này con người cố gắng dẫn dắt hành vi với động cơ tư tưởng, mà hành vi này được thực hiện và động cơ là chỉ đạo hành vi. Kết quả là con người tự ý thức được mình là một chủ thể hay là một tổ chức nào đó của một tổng thể xác định, thống nhất đời sống bên ngoài với bên trong. Ở quá trình tự giao tiếp, dường như xảy ra sự luận bàn bên trong của cá nhân với chính mình, với những giá trị của mình. Kết quả của sự tự giao tiếp là dần dần xuất hiện hình ảnh tổng hợp (tổng quát) về "cái Tôi của mình", mà nó như là đại diện của những đặc tính chung và khái niệm về bản chất giá trị xã hội của con người. Hình ảnh tổng quát này thể hiện khái niệm tương quan về bản thân mình. Khái niệm đó có ảnh hưởng đối với toàn bộ trật tự tâm lý (tâm trạng), sự thụ cảm nói chung, ảnh hưởng tới hành vi của con người. Nhờ những cái đó mà con người có thể xác định kế hoạch và mục đích cuộc sống của mình. Điều đó thường xuyên liên quan tới sự hình thành lý tưởng, tới củng cố hệ thống lòng tin, thế giới quan ở con người. Tính chất rõ ràng và tính phù hợp của các mục đích cuộc

sống có khả năng điều chỉnh các hành vi của mình, ngay cả ở những hoàn cảnh khó khăn, đấu tranh để thực hiện lý tưởng và đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về bản thân mình, về những ước vọng và khả năng của mình. Sự hiểu biết một cách thực sự và phù hợp về bản thân, về giá trị xã hội của mình ở mức độ cao của tính người là cơ sở để ý thức được phẩm chất giá trị của con người. Hoạt động xã hội và giao tiếp là nguồn gốc chủ yếu (của việc) hình thành những giá trị tinh thần của con người, hình thành phẩm chất giá trị của nó. Giá trị đời sống tinh thần của cá nhân gắn liền với mức độ cao của sự phát triển của các phẩm chất đạo đức của cá nhân và khuynh hướng phát triển nhân đạo của nó. Giá trị tinh thần riêng có của con người với tư cách là giá trị và tài sản cao nhất của xã hội là kết quả không chỉ ở mức độ cao của nhận thức con người, mà còn là nguyên nhân bên trong tiếp tục kích thích con người. Quan hệ của cá nhân với bản thân mình xuất hiện với tư cách là kết quả hoạt động và giao tiếp (tự giao tiếp) của con người. Do đó, ở đây cần nhấn mạnh rằng "hoạt động và giao tiếp - theo B.F.Lômốp - dĩ nhiên đây không phải là hai tuyến tồn tại song song không phụ thuộc lẫn nhau của đời sống của một cá thể. Ngược lại, hai khía cạnh

này của đời sống xã hội của nó không ngừng liên quan trong một thể thống nhất của cuộc sống. Hơn thế nữa, giữa các khía cạnh này tồn tại muôn vàn sự chuyển tiếp, chuyển đổi của khía cạnh này thành khía cạnh khác"¹. Ở hoạt động và qua giao tiếp con người nhận thức thế giới quanh mình và nhận thức chính bản thân mình.

Mối quan hệ "cái Tôi" - "cái không Tôi" chúng ta có thể coi là sự tự giao tiếp. Trong mối quan hệ này biểu hiện mâu thuẫn của các mặt khác nhau trong thế giới tâm hồn của chính chủ thể : những mục đích tích cực - tiêu cực, các tính chất tích cực - tiêu cực của con người, các động cơ tích cực - tiêu cực v.v... Hơn nữa, quan hệ "cái Tôi - cái không Tôi" xảy ra khi và chỉ khi xuất hiện mối tương tác giữa những nét đặc trưng của chủ thể và những nét, trong khi, chưa thuộc là đặc trưng của chính chủ thể đó, những nét này chủ thể đang cố gắng có được, đang cố gắng chiếm lĩnh để làm giàu thế giới tâm hồn bên trong của mình. Và đây cũng chính là quá trình phát triển nhận thức và tự nhận thức của chủ thể sở hữu với tư cách là giá trị cao nhất.

1. Xem : Lômốp B.F. Giao tiếp là vấn đề của tâm lý học chung - Trong cuốn : Những vấn đề phương pháp luận của tâm lý học xã hội. M., 1975, tr. 126, tiếng Nga.

Tự giao tiếp được biểu hiện trong thế giới tâm hồn con người ở mức độ ban đầu - đó là sự tự phản xạ, tức là "cảm giác bên trong", một thứ cảm giác thông minh, sự tự phản xạ khôn ngoan. Tự phản xạ - đây là đặc tính bên trong của con người, là chứng cứ của ý thức và tự ý thức định hướng hành vi, cử chỉ hành động của con người. Nội dung phản xạ "của cái Tôi" dường như là cái trực tiếp đã có hoặc là cái được hình thành trong kết quả tự quan sát. Con người ý thức trước hết được những đặc điểm của mình, mà ai đó hoặc cái gì đó hướng sự chú ý tới chúng. Tiếp sau đó là các quá trình - mô tả, xác định, đánh giá, so sánh v.v... Con người phân tích sự hiểu biết nhiều tính chất của mình và sau đó những tính chất này được kết tinh ở "hình tượng cái Tôi", mà nó thường xuyên đem trong mình một tập hợp xác định những yếu tố của các tính chất người. Phản xạ đối với bản thân với tư cách là khả năng đặt mình vào vị trí của người khác, hiểu thấu đáo quan hệ của người khác đối với mình.

Trong tự giao tiếp, con người quan hệ trực tiếp với chính mình bằng cách gián tiếp thông qua con người khác, nghĩa là tồn tại mối quan hệ của "cái Tôi sở hữu và cái Tôi của người khác". Kết quả tương tác

của các chủ thể, sự so sánh những phẩm chất của mình với những phẩm chất của người khác, con người dần dần tích lũy những yếu tố tích cực trong đời sống kinh nghiệm của mình với mục đích hoàn thiện những phẩm chất tâm lý riêng có của mình. Trong quá trình này con người xem xét bản thân mình với tư cách như một người khác. Điều đó có ảnh hưởng đáng kể đối với sự hình thành (xây dựng) cơ cấu nội dung và hình thức biểu hiện toàn bộ hệ thống đặc tính tâm lý của cá nhân, chẳng hạn, trong các hình thức như niềm tự hào, tự trọng, lòng yêu thương, danh dự, tinh thần trách nhiệm v.v... Những đặc tính tâm lý này cùng có các giá trị bên trong của cá nhân trong quan hệ đối với chính mình.

Những giá trị tinh thần bên trong của cá nhân xuất hiện trên cơ sở những xúc động (xúc cảm), mà chúng tham gia vào các thời điểm hợp lý của tự nhận thức. Sự xúc động là điều kiện cần thiết của tự giao tiếp và thông qua chúng, ý nghĩa giá trị đối với chủ thể được nhận rõ trong quá trình hình thành những giá trị tinh thần. Cuối cùng, những giá trị tinh thần thể hiện là tiêu chí đặc thù có ảnh hưởng tích cực đối với các hình thức của sự quan hệ. Trong nỗi xúc động (niềm xúc cảm) của cá nhân phản ánh quan hệ

của chủ thể đối với những hiện tượng khách quan có tính ích lợi đối với nó. Bất kỳ niềm xúc động nào của cá nhân cũng được chế ước bởi đòi sống tinh thần hiện thực và hoạt động nói chung. Nỗi xúc động thường xuyên biểu hiện trong sự thống nhất và liên quan với tri thức. Nếu các cá nhân có tri thức rộng và sâu sắc, thì nỗi xúc động càng mạnh mẽ và dữ dội trong thời gian tự giao tiếp. Ở đó có thể có cả trạng thái "hành hạ" cá nhân trong quá trình diễn biến của nỗi xúc động. Kết quả của nó là cá nhân có thể "rút ra" được ý nghĩa ích lợi với tư cách là giá trị đối với mình và đối với người khác. Ý nghĩa giá trị này dần dần được tích lũy trong kinh nghiệm của cá nhân và trong "kho tàng" các giá trị tinh thần của đời sống tinh thần riêng có của cá nhân ấy. Niềm xúc cảm xuất hiện cùng với sự thấu hiểu những đặc tính tâm lý thông qua đời sống hiện thực của cá nhân là kết quả của hoạt động sống cụ thể trong quá trình quan hệ tương hỗ của các giá trị tinh thần.

Trong quá trình hình thành những giá trị tinh thần của cá nhân thì sự ảnh hưởng của cảm thụ văn học nghệ thuật và của các loại hình nghệ thuật khác đóng một vai trò đáng kể. Ở ngay trong sản phẩm tinh thần cũng phản ánh một giá trị tinh thần nào đó

của đời sống xã hội. Sự thụ cảm này trực tiếp liên quan tới quan hệ giá trị - tình cảm của cá nhân, liên quan tới niềm xúc cảm. Và sau đó xuất hiện quá trình tự đánh giá, mà nó là công việc tổng quát của các quá trình tự ý thức. Tự đánh giá - đây là quá trình phức tạp, nó bao trùm thế giới giá trị đạo đức của cá nhân. Tự đánh giá cũng thể hiện là quá trình đa phương diện. Tự đánh giá những giá trị tinh thần của cá nhân là hướng bản thân tới sự tự hoàn thiện những phẩm chất tâm lý, phù hợp với những yêu cầu, chuẩn mực, lý tưởng của xã hội, mà cá nhân nằm trong đó. Sự tự đánh giá - là quá trình chủ quan của cá nhân góp phần vào hình thành (xây dựng) tâm lý. Do đó, nó có thể là được đánh giá thấp hơn hoặc cao hơn so với thực tế có. Sự tự đánh giá một cách phù hợp, chân thực, nhất quán được hình thành chỉ trên cơ sở biểu hiện thực tế của cá nhân ở hoạt động sống và trong các hành vi. Cá nhân càng tích lũy nhiều giá trị tinh thần, thì càng có khả năng và năng lực tự kiểm tra. Năng lực tự kiểm tra là hình thức thể hiện của cá thể và biểu hiện mức độ phát triển của cá nhân. Nó có ảnh hưởng tới việc hình thành các phẩm chất tâm lý con người. Hình thức tự kiểm tra cũng ảnh hưởng tới năng lực định hướng của cá nhân, đặc biệt là ở trong tình huống căng thẳng. Điều đó có nghĩa

là sự tự kiểm tra hành vi ở con người là có ý nghĩa tích cực (ý nghĩa giá trị). Trong quá trình tự kiểm tra thì tự kiểm tra các hành động, cử chỉ của con người không ngừng được thực hiện.

Quá trình tương tác của các chủ thể, theo chúng tôi được phân tách ra 3 yếu tố : hoạt động, giao tiếp và tự giao tiếp. Những yếu tố hoặc quá trình này là nhất quán trong quá trình hình thành những giá trị tinh thần của đời sống con người. Chúng có thể chuyển tiếp cho nhau ở mỗi hoàn cảnh cụ thể với các mục đích cụ thể của cá nhân. Chúng là những điều kiện quan trọng để hình thành những giá trị tinh thần. Đặc biệt trong loại quan hệ "C - C", giao tiếp và tự giao tiếp đóng vai trò rất quan trọng và thiết thực. Chúng trở thành phương pháp và phương tiện hình thành và tự hoàn thiện của cá nhân ở mỗi giai đoạn khác nhau của sự phát triển bản thân mình. Sự hình thành những giá trị tinh thần nhân đạo - những giá trị văn hoá đạo đức thẩm mỹ, công dân - là các yếu tố cơ bản của khía cạnh giá trị của sự phát triển con người.

Cái gì có liên quan tới giao tiếp và tự giao tiếp, thì nó là công cụ của văn hoá và có khả năng giáo dục, tự giáo dục của con người, tức là để hình thành

ý thức, tình cảm giá trị, thế giới quan, cũng như quan hệ của con người đối với người khác và với chính bản thân mình. Vấn đề này chúng tôi xem xét tiếp sau đây.

3. VẤN ĐỀ TỰ HOÀN THIÊN ĐẠO ĐỨC. ĐỘNG THÁI ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ CỦA CÁ NHÂN HIỆN NAY.

Vấn đề tự hoàn thiện về mặt đạo đức là một trong những vấn đề quan trọng của đời sống tinh thần của cá nhân ở giai đoạn hiện đại của sự phát triển nhân loại. Ngày nay nó có tính cấp bách trong đời sống hàng ngày của xã hội và cá nhân, đặc biệt trong điều kiện đổi mới chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường. Thực hiện quá trình đổi mới không thể có được nếu thiếu tăng cường vai trò của nhân tố con người. Hơn thế nữa, ở giai đoạn hiện đại của sự phát triển nhân loại xuất hiện quan điểm mới đối với sự hiểu biết về con người. Con người không chỉ là điều kiện, phương tiện và mục đích, mà hơn thế nữa, còn là chủ thể của sự phát triển xã hội và lịch sử. Con người với tư cách là mục - đích - tự - thân, giá - trị - tự - thân và là tài sản chủ yếu của xã hội.

Những vấn đề toàn cầu hiện nay đòi hỏi nhân loại phải có trách nhiệm chung và sự hợp tác cùng nhau giải quyết. Đã đến lúc cần phải hiểu rõ vai trò mới

của con người xã hội. Bản thân con người cần phải hiểu một điều rằng, nó chính là tài sản vô giá của tự nhiên và xã hội. Nhưng để thực tế trở nên như vậy con người cần phải có một trình độ văn hoá chung rất cao. Nền văn minh là tài sản chung của nhân loại trên trái đất. Con người dần dần ý thức và ý thức chính xác được một điều là trong quá trình tiến hoá, con người là chủ thể của sự phát triển của mình. Và bản thân sự tiến hoá này là tính chất và kết quả phát triển của con người xã hội. Con người không chỉ cải tạo tự nhiên để thoả mãn những nhu cầu và lợi ích, mà còn sáng tạo lịch sử của mình theo quy luật khách quan. Do đó, con người thế nào, thì lịch sử của nó sẽ như thế. Vấn đề tự hoàn thiện về mặt đạo đức của con người là một trong những điều kiện sống còn của ngày hôm nay. Trước hết, nó phải tự hoàn thiện tính tự chủ của mình (tính chủ thể) với tư cách là đặc tính khám phá hiện thực của con người.

Con người ý thức được mình với tư cách là chủ thể của hoàn cảnh lịch sử và là kết quả của sự tiến hoá, sự phát triển của chính con người và xã hội loài người. Tính chủ thể (tự chủ) của con người, khả năng trở thành chủ thể thực sự của nó là thước đo trình độ sáng tạo những giá trị trong quá trình đời sống

của con người. Con người càng phát triển tính chủ thể bao nhiêu, thì nó càng có khả năng "vượt lên trên" cái nền tảng thực thể của nó và khám phá hợp lý hiện thực bấy nhiêu. Do đó, con người không chỉ là sản phẩm của tồn tại vật chất, mà còn là sản phẩm của tồn tại tinh thần, mà nó phản ánh tồn tại vật chất đó và có những tính chất đặc biệt. Chính tính chủ thể của con người đặt nó vào trạng thái "đối diện" với tự nhiên và đem đến cho nó khả năng tự do sáng tạo theo những quy luật riêng. Tính chủ thể của cá nhân được biểu hiện không chỉ trong việc lựa chọn nghề nghiệp mà còn lựa chọn các quan điểm cuộc sống và đặt ra mục đích, tìm cách giải quyết những nhiệm vụ, xây dựng quan hệ với mọi người, cũng như vậy trong quá trình giao tiếp và tự giao tiếp của con người. Ngoài ra, con người còn có tính tích cực và tính độc lập trong tư duy, hành động và hành vi trong cuộc sống nói chung. Tính tích cực và tính độc lập cũng là những tính chất của con người. Việc tự hoàn thiện con người là theo quy luật của cái đẹp.

Tự hoàn thiện về mặt đạo đức của con người - Đây là sự hoàn thiện các quan hệ tự thân của con người đối với cái thiện và cái ác ; đây là hoàn thiện những tính chất nhân đạo của con người. Con người

phải là con người văn hoá, con người có giáo dục. Trình độ giáo dục, trình độ văn hoá là điều kiện thiết yếu của tự hoàn thiện đạo đức. Nhưng, nếu con người có trình độ giáo dục cao, thì điều đó không có nghĩa là tự động trở thành con người đạo đức. Trình độ văn hoá và giáo dục không phải trực tiếp thường xuyên tỷ lệ thuận với đời sống đạo đức của con người, mà nó chỉ là điều kiện của đời sống đó. Chẳng hạn, có người tuy trình độ giáo dục thấp, nhưng họ vẫn sống rất đạo đức. Ở những người này thường là có ảnh hưởng một niềm tin tôn giáo nào đó đối với đời sống tinh thần của họ. Con người nếu thiếu văn hoá, thiếu giáo dục khoa học, thiếu niềm tin tôn giáo hướng thiện nào đó, thì dễ dàng thực hiện hành động thô bạo trong quan hệ với những người khác.

Đời sống đạo đức - là một trong những khía cạnh chủ yếu của đời sống tinh thần của cá nhân. Về nguyên tắc, nó phản ánh trình độ (mức độ) đời sống vật chất của con người, là kết quả của quan hệ biện chứng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, nhưng đó không phải là quá trình tự động. Bởi vì, hoàn thiện đời sống đạo đức - là hoàn thiện hai mặt của đời sống xã hội của con người, trong đó đời sống vật chất được ưu tiên trước hết. Đời sống vật chất là

điều kiện rất quan trọng cho sự phát triển đời sống tinh thần, trong đó có đời sống đạo đức. Đời sống đạo đức cũng như nhân cách của con người không tự thân xuất hiện. Chúng được hình thành và phát triển trong quá trình học tập, giáo dục và trong chính đời sống thực tiễn của mọi người. Ở đời sống tinh thần bây giờ, cần khắc phục cái tâm lý của mỗi người với tư cách là "cái đinh vít", và cần phải trau dồi cái tâm lý là chủ thể của lịch sử. Sự tự hiểu biết của con người với tư cách là chủ thể, có nghĩa là, con người tự mình hiểu những sức mạnh, năng lực và khả năng của mình, có khả năng sử dụng chúng để làm giàu chính đáng cho bản thân và xã hội. Chúng được hình thành trong quá trình phát triển của cá nhân. E.V.Ilenkóp đã nhấn mạnh đúng đắn rằng, cá nhân "xuất hiện khi và chỉ khi cá thể bắt đầu độc lập, với tư cách là chủ thể thực hiện hoạt động bên ngoài theo các chuẩn mực và thước đo được đem đến cho con người từ phía bên ngoài - tức cái văn hoá, được thức tỉnh ngay trong lòng của nó đối với đời sống con người, hoạt động con người"¹. Con người thực hiện hành động theo những chuẩn mực và thước đo. Đây là một trong

1. Ilenkóp E.V. Cá nhân là gì // Cá nhân bắt nguồn từ cái gì. M. 1984, tr. 336, tiếng Nga.

những khía cạnh biểu hiện của đời sống đạo đức của cá nhân. Chuẩn mực và thước đo - đây không phải là những giá trị. Chúng là những tiêu chí đánh giá đạo đức con người từ phía xã hội. Tính chất quan trọng của xuất phát điểm đạo đức trong sự phát triển tinh thần của mọi người được xuất phát từ việc trau dồi và rèn luyện quan điểm đạo đức cá nhân. Đây là việc biết lựa chọn các mục đích, giá trị trong quá trình tự hoàn thiện đạo đức. Trước tiên, con người đặt ra cho mình một chương trình cuộc sống và các phương thức thực hiện nó. Chính con người cần phải tự hiểu rằng, bản thân mình là ngày càng có giá trị. Cuối cùng, con người cần phải trả lời những câu hỏi về cái giá trị của chính mình trong cuộc sống. Điều đó phụ thuộc đáng kể vào việc con người lựa chọn đường đi của mình, khuynh hướng và những tiêu chuẩn trong quá trình nhận thức và thụ cảm hiện thực. Sự xác định các điểm giá trị chủ yếu về con người, tức là xu hướng ưu tiên cho các giá trị trong cuộc sống của nó, cho phép nó điều chỉnh cả quan hệ riêng của mình đối với văn hoá. Vấn đề tự hoàn thiện đạo đức của cá nhân gắn liền với vấn đề định hướng của con người trong thực tại văn hoá hiện đại và chế ước cả những gì vượt ra ngoài giới hạn tài sản giá trị của nhân loại. Ở đây việc xác định quan điểm giá trị của con người

trong quan hệ thực tế của nó với các hiện tượng và quá trình văn hoá được thể hiện bằng tiền đề thiết yếu của sự tham gia có ý thức của con người vào hoạt động sáng tạo. Ý nghĩa đặc biệt của khía cạnh giá trị, của sự trưởng thành cá nhân ở giai đoạn hiện đại là sự hình thành hệ thống có tính chất cá thể các định hướng giá trị và các tiêu chuẩn đánh giá, mà chúng cho phép xác định sự tham gia nhiều mặt của con người trong các quá trình tìm kiếm và nhân lên các giá trị văn hoá. Tự hoàn thiện đạo đức của cá nhân, cuối cùng cũng dẫn tới thực hiện mối tương quan của những phạm trù đạo đức "vĩnh cửu", như "cái thiện" và "cái ác", "hạnh phúc" và "không hạnh phúc", "nghĩa vụ" và "danh dự" v.v... Sự giải quyết vấn đề về hình tượng "cái Tôi", về việc con người sẽ như thế nào để thích hợp, tương ứng với lý tưởng đạo đức cũng tham gia vào các kế hoạch đó.

Lý tưởng đạo đức của con người sẽ như thế nào ở giai đoạn hiện đại? Trả lời câu hỏi này không phải là dễ dàng. Theo chúng tôi, lý tưởng đạo đức ngày nay có một nội dung mới, tương ứng với tư duy mới, quan hệ mới giữa mọi người, giữa các dân tộc và các quốc gia. Tự hoàn thiện đạo đức - là hoàn thiện tính chất người của con người. Con người với tư cách là

chủ thể sáng tạo, là giá trị cao nhất của tự nhiên và xã hội, nó cần phải hành động xứng đáng với tên gọi là con người, với cuộc sống của mọi người và với sự tự phát triển của nó. Giữa các phẩm chất của con người (trong quan hệ đạo đức) những phẩm chất, theo chúng tôi, là chủ yếu, đó là tính chân thực, chân chính, hữu nghị, quan hệ hoà bình với những người khác, cùng chung sống trong các công việc thực tiễn cụ thể. Con người hiện đại là con người có trình độ văn hoá cao và hành vi đạo đức tốt đẹp. Do vậy, hoàn thiện đạo đức - là hoàn thiện những giá trị "vĩnh cửu" ở con người. L.P. Buépva đã nhấn mạnh rằng : "Điều quan trọng cần nhấn mạnh là không phải về các đại diện của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xác định, mà - nếu như có thể nói - về "con người nói chung", về từng cá thể không phụ thuộc vào bản tính của nó là thuộc về một nhóm nào đó"¹.

Theo M.M. Sibaépva : "Về bản chất nội dung đạo đức của quá trình hình thành cá nhân gồm có 3 vấn đề : Một là : quan niệm về hình tượng "cái Tôi sở hữu" trong tương quan với lý tưởng đạo đức với tư cách là hình mẫu ; thứ hai là liên quan tới sự xác

1. Buépva L.P. Nhân tố con người : Tư duy mới và hành động mới. M., 1988, tr. 25, tiếng Nga.

định các nền tảng đạo đức của chương trình đời sống (môi trường văn hoá xã hội); thứ ba là, nằm ở lĩnh vực lựa chọn các phương pháp và hình thức tự thiết lập trong hệ thống các quan hệ chủ thể - khách thể và chủ thể - chủ thể¹.

Hình thành những giá trị đạo đức là nội dung quan trọng trong quá trình tự hoàn thiện về mặt đạo đức của cá nhân. Tính đặc thù của đạo đức là có liên quan với động cơ hành động của con người. Trong xã hội các giá trị đạo đức liên quan tới các chuẩn mực xã hội. Cũng giống như giá trị nói chung, giá trị đạo đức không thể xuất hiện và được thực hiện, nếu không thoả mãn những nhu cầu tương ứng của chủ thể hoạt động. Nhu cầu là cơ sở và nguồn gốc của tính tích cực con người. Nhu cầu đạo đức của cá nhân - đây là ước vọng trong lòng người hướng tới cái thiện, cái chân chính, lòng ngay thẳng và chân thực. Ở đây nhu cầu đạo đức là "chất" kích thích thực thụ đối với tính tích cực của con người ở quan hệ tự hoàn thiện đạo đức của cá nhân, và tính tích cực này hướng tới hoàn thiện bản chất nhân đạo xã hội của con người.

1. Sibaépva M.M. Tiền đề tinh thần của hoạt động sáng tạo của con người.// Văn hoá và nhân cách : Vấn đề tích cực xã hội. M., 1990, tr. 72, tiếng Nga.

Tự hoàn thiện đạo đức và phát triển đạo đức liên quan mật thiết với sự tự do của con người. Tự do và dân chủ không thể có nếu thiếu sự xây dựng đạo đức của xã hội và của cá nhân. Tự do và dân chủ cần phải đạt tới sự tương quan đúng đắn giữa quyền lợi và trách nhiệm của xã hội và của mỗi người. Để phát triển đạo đức của mọi người cần đấu tranh không khoan nhượng với cái ác và những khiếm khuyết không phải trên lời nói, mà phải ở việc làm ; cần đấu tranh với những đại diện cụ thể của cái ác - hối lộ, quan liêu, tham ô, tham nhũng v.v... Điều kiện quan trọng cho phát triển đạo đức của mọi người là không cho phép xoá bỏ những gì là thành tựu mà xã hội và con người đã đạt được. Cái chủ yếu trong định hướng giá trị - đó là định hướng trên lợi ích của nhân dân, trước hết trên lợi ích của người lao động - thành viên của xã hội. Đây là nói tới sự hài hoà giữa các loại ích của cá nhân và của xã hội, trong đó trước hết thiên về lợi ích chính đáng của từng cá nhân. Thiên về cá nhân - đây là sự quan tâm cần thiết tới con người, tới nhân cách, tới cái cá thể, tới danh dự và phẩm chất của nó. Đây là việc tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự phát triển (hoàn thiện) toàn diện và hài hoà. Đó là mục đích cao cả của sự phát triển đạo đức của xã hội và của cá nhân. Để đạt được mục đích

này, tự thân con người phải thể hiện mình là giá trị cao nhất và là tài sản chủ yếu của xã hội.

Sự đề cao cá nhân và phẩm chất của nó là tiền đề cho sự tin cậy nó, tin vào đạo đức của con người. Sự tin nhiệm này càng làm tăng thêm trách nhiệm của cá nhân. Con người cảm giác được trong bản thân mình những sức mạnh được tăng cường, thấy được tự do và tinh thần lạc quan. Sức mạnh tích cực này ở một mức độ to lớn được bao chứa trong nhân phẩm và dẫn tới nâng cao đạo đức của con người. Trách nhiệm đạo đức rất có quan hệ với sự trung thực của công dân. Cuộc sống trung thực và phát triển đạo đức ở mọi người có mối tương quan chặt chẽ với nhau. Trong cuộc sống của cá nhân nếu thiếu các mục đích xác định hoặc lý tưởng, thì dễ dàng xuất hiện sự thiếu lòng tin và thất vọng, làm giảm giá trị xã hội và đạo đức của cá nhân, làm tắt trong nó niềm tin vào chính nghĩa. Thiếu lòng tin không thể đem đến cho con người khả năng phát huy được những phẩm chất tốt đẹp của mình. Sự chân thành và trung thực trong quan hệ xã hội và trong quan hệ giữa mọi người là chuẩn mực vĩnh cửu của đạo đức con người. Hoàn thiện đạo đức - điều đó có nghĩa là xây dựng con người trở thành chủ thể của đời sống của mình,

lựa chọn các mục đích, giá trị và lý tưởng cuộc sống theo các tiêu chí đạo đức. Đây chính là hoàn thiện tinh thần của con người. Điều đó đòi hỏi là con người chín muồi trong các quan hệ tinh thần, con người biết điều khiển cuộc sống và hành vi của mình theo những nguyên tắc giá trị - văn hoá. Tự điều khiển kèm theo yêu cầu đánh giá và tự đánh giá đạo đức, góp phần phát triển cá nhân, hoàn thiện phẩm chất. Tự điều khiển nâng cao ý thức trách nhiệm đối với công việc của con người trong tập thể và xã hội. Trong thực tiễn của tự điều khiển, con người quán triệt tinh thần làm chủ xã hội và tập thể, mà ở đó con người lao động. Lòng trung thực và chân chính cũng là các tiêu chuẩn của một xã hội và của con người lành mạnh. Bởi vậy, hoàn thiện đạo đức - điều đó có nghĩa là con người biết sống theo lẽ phải và vì cái chân chính. Cuộc đấu tranh của mọi người vì lẽ phải và cái chân chính cũng đã phải trả bao sức lực của con người. Chúng trở thành các mục đích giá trị và lý tưởng quan trọng của cuộc sống con người hiện nay.

Một trong những đặc tính của đối mới tinh thần, trong đó có đạo đức của xã hội và của cá nhân trong các điều kiện hoàn thiện nền dân chủ là được

dựa trên sự tự do lựa chọn con đường và cách sống của mình theo tiêu chí của cái đẹp. Và ở đó trách nhiệm đối với công việc của cá nhân được nâng cao. Sự trau dồi của cá nhân về khuynh hướng giá trị và quan điểm trong quan hệ với các lý tưởng phần nhiều phụ thuộc vào quan niệm tương đồng hay không về tính chân chính (chuẩn xác) của các nguyên lý (nguyên tắc) xã hội, của giá trị đạo đức xã hội. Trách nhiệm của cá nhân, tính độc lập và sự lựa chọn, quan hệ đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động sống, đối với các giá trị đạo đức là có ý nghĩa to lớn, quyết định tới việc lựa chọn quan điểm về cuộc sống của cá nhân đó.

Hoàn thiện đạo đức, suy cho cùng, là tác động tới ý thức đạo đức của cá nhân, tới hệ thống các giá trị đạo đức, mà được mọi người sáng tạo trong hoạt động sống. Đây là nội dung vai trò của giáo dục đạo đức trong quá trình giáo dục tư tưởng. Học "ở chính cuộc sống" - Đây là "chiến lược" thực tiễn to lớn của mỗi cá nhân trong quá trình tự hoàn thiện. Nhưng để đạt được điều này, đòi hỏi mỗi cá nhân phải có trình độ tri thức khoa học, văn hoá nhất định. Kinh nghiệm cho thấy rằng, sự hình thành tự phát ý thức của cá nhân nói chung và ý thức đạo đức nói riêng, không thường xuyên đạt được mục đích mong muốn.

Do đó cần thiết phải điều khiển có ý thức quá trình này. Đây là một công việc lớn lao của xã hội và của mỗi người. Hình thành đạo đức - Đây là một quá trình đa diện, trong đó có sự tham gia của tất cả các nhân tố và phương tiện tác động tới việc hình thành đạo đức của cá nhân - những nhân tố chủ quan và khách quan, xã hội và cá nhân, lựa chọn tự phát và tự giác v.v... Giáo dục đạo đức có thể được tính là một trong những khía cạnh hình thành đạo đức của cá nhân. Mục đích của giáo dục đạo đức - là hình thành ở cá nhân loại hình ý thức và hành vi đạo đức, là sự hình thành những khía cạnh xác định của tính cách, hình thức (kiểu cách) hành vi, lợi ích giá trị của xã hội và của cá nhân. Sự hình thành, giáo dục, tuyên truyền, học tập xây dựng đạo đức - đây là các quá trình, mà trong đó tăng lên yếu tố ý thức, ước vọng, điều khiển được v.v... Giáo dục văn hoá, hiểu biết nghệ thuật đóng vai trò lớn trong việc hình thành ý thức đạo đức. Không còn nghi ngờ gì nữa, giao tiếp với cái tinh thần, trong đó có các giá trị đạo đức - đây trước hết là sự quan tâm tới chính con người, tới kết quả và tiềm năng vốn có của nó, mà định hướng tới việc tự hoàn thiện đạo đức - tinh thần. Cá nhân phải chịu trách nhiệm trước mình và xã hội vì sự phát

triển toàn diện cái bản chất của mình. Trên thực tế rất khó xác định cái "điểm hài hoà" giữa "các cực" cá nhân và xã hội. Bởi vậy, hình thành đạo đức của mọi người ở giai đoạn hiện đại trở thành vấn đề quan trọng. Nó liên quan tới đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo cán bộ, chuyên gia ở tất cả các lĩnh vực của nền giáo dục quốc dân và của khoa học. Công việc quan trọng trong sự hình thành đạo đức - đó là phương pháp có hiệu quả để giáo dục ý thức đạo đức, trau dồi kinh nghiệm đạo đức của người khác và của xã hội, điều khiển quá trình xã hội hoá cá nhân. Trong quá trình này, thế giới quan của cá nhân (cá nhân trưởng thành) được hình thành. Nhiệm vụ hay mục đích trọng yếu của giáo dục đạo đức - là hoàn thiện hành vi đạo đức xã hội của cá nhân, nếu cá nhân không có khả năng đối với hành vi đạo đức xã hội, thì đó là kẻ ích kỷ và là con người đứng bên ngoài cái văn hoá.

Khả năng hiểu được ý nghĩa tác động của những nhân tố khách quan và chủ quan đối với hành vi trở thành nhân tố chủ quan quan trọng. Chúng có khả năng trau dồi hành vi ý thức, hành vi xã hội có giá trị của cá nhân ; các hành vi đó dựa trên tri thức về các giá trị và chuẩn mực đạo đức. Cùng với việc hình

thành ý thức đạo đức là cần hình thành tình cảm đạo đức lành mạnh. Trong đời sống đạo đức của cá nhân và của xã hội thường xuyên xuất hiện những vấn đề mới, và cũng không thường xuyên có một cách giải quyết, mà chúng liên quan tới hai hay nhiều khả năng giải quyết vấn đề. Từ đây xuất hiện nhu cầu hiểu biết sâu sắc những đặc điểm tính cách, khả năng của cá nhân, xác định chính xác quan điểm của mình về cuộc sống và thế giới. Và đây cũng là quá trình tự hoàn thiện chất lượng cuộc sống riêng của mỗi người. Con người với quan điểm đạo đức có thể tìm thấy sự liên quan tới những lợi ích chung có khả năng khống chế những bản năng và ham muốn ích kỷ. Trau dồi những nguyên tắc đạo đức giúp cho con người tìm thấy mức độ tốt nhất của việc kết hợp giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, tìm thấy vị trí xứng đáng của mình trong hệ thống các mối quan hệ xã hội phức tạp, đan chéo nhau. Cá nhân trau dồi những mục đích tiến bộ của xã hội - đây là một quá trình phức tạp, thậm chí là một cuộc đấu tranh khó khăn để tìm ra định hướng đúng trong các giá trị của cuộc sống và văn hoá. Đây là con đường phải tiêu hao và phải tìm kiếm về mặt tinh thần, con đường tìm kiếm lý tưởng đạo đức, hạnh phúc cuộc sống hiện thực của mỗi người. Phát triển ý thức và tình cảm đạo đức bảo đảm cho con người

giải quyết đúng đắn và tốt nhất các vấn đề được đặt ra trong cuộc sống. Cá nhân với quan điểm sống tích cực không những có ý thức đạo đức và thể giới quan khoa học, mà còn có ý thức và thể giới quan thường xuyên thể hiện mình trong hành vi hàng ngày. Tính tích cực xã hội và trách nhiệm của cá nhân với tính cách là các tính chất của hành vi thực tế trở thành tài sản và kết quả của quá trình hình thành đạo đức, trở thành nhu cầu và khả năng ở cá nhân đối với việc tăng cường đời sống tinh thần.

Giáo dục với tính cách là sự giao tiếp của cá thể với những phương thức (phương tiện) tác động tinh thần tới những giá trị đạo đức và là tương tác cho sự hình thành, phát triển, tự hoàn thiện, "tự chế phẩm" cái nhân cách của cá nhân. Ý nghĩa của giáo dục là tác động tới sự phát triển của cá nhân, làm tiền đề chứng minh về khía cạnh giá trị của chính khái niệm cá nhân. Con người trở thành một cá nhân, một nhân cách, trước hết với tư cách là "vật mang" những giá trị tinh thần. Giữa các phẩm chất cá nhân thì cái đạo đức - là có ý nghĩa giá trị hơn cả. Bởi vậy, nhiệm vụ giáo dục cá nhân có đạo đức cao cả được cả xã hội coi trọng với tính cách là công việc đầu tiên của sự nghiệp giáo dục nói chung : "Tiên học lễ, hậu học

văn". Giáo dục đạo đức trực tiếp thông qua các tác động về mặt luân lý : tác động bằng lời nói, hành động, cử chỉ, hành vi, và bằng các phương tiện nghệ thuật và lý luận về mặt đạo đức.

Lý tưởng đạo đức là sự biểu hiện và là kết quả của hoạt động đời sống tinh thần của con người. Cá nhân có ý thức đạo đức cao, có thể độc lập trau dồi và lựa chọn cho mình tuyến hành vi. Sự tự do lựa chọn đó là kết quả của toàn bộ đời sống tinh thần của con người và là biểu hiện tính chất chín muồi, trưởng thành về mặt đạo đức của con người. Điều quan trọng là hình thành tính tích cực về mặt đạo đức của cá nhân, phát triển nhu cầu bên trong của nó trong việc hoàn thiện đạo đức, trong việc trau dồi các phương thức tự hoàn thiện đạo đức. Ở quá trình tự giáo dục mỗi người cần phải bồi dưỡng và củng cố quan niệm về ý nghĩa của cuộc sống, về lý tưởng của mình, về các chuẩn mực đạo đức tác động trong xã hội v.v... Đây là tiền đề hình thành các nguyên tắc đạo đức của niềm tin, tình cảm, của các nhu cầu đạo đức. Ở khía cạnh này thì *lượng tâm* con người được thể hiện với tính cách là lòng tin bên trong thế giới tâm hồn, phân biệt được cái gì là cái thiện và cái gì là cái ác, và có ý thức trách nhiệm đạo đức đối với

hành vi của mình. Lương tâm có khả năng đem đến cho cá nhân thực hiện việc tự kiểm tra về mặt đạo đức, độc lập hình thành cho mình nghĩa vụ đạo đức, tự đánh giá, tự phê phán các cử chỉ hành động của mình, loại bỏ tính ích kỷ và các khuyết điểm khác của con người.

Trong cuộc sống thực tiễn của mỗi người nhất định có vấn đề lựa chọn những giá trị đạo đức này hay khác. Sự lựa chọn này bảo đảm xu hướng cần thiết cho sự phát triển đạo đức của cá nhân trên cơ sở những giá trị đạo đức. Điều đó kích thích cá nhân tới việc hoàn thiện về mặt đạo đức, hình thành tinh thần trách nhiệm đối với công việc của mình. Sự hiểu biết sâu sắc của con người về tính tất yếu của quá trình này là điều kiện chắc chắn cho sự tự giáo dục đạo đức. Ngoài ra, điều kiện quan trọng của giáo dục đạo đức là trau dồi các tri thức đạo đức và các giá trị xã hội của chúng, kết hợp hài hoà các lợi ích của cá nhân và xã hội. Dịch thân hoạt động, lao động ích lợi xã hội, giao tiếp và tự giao tiếp là những phương thức (phương tiện) không gì có thể thay thế được của quá trình giáo dục và tự giáo dục về mặt đạo đức. Mọi người được giáo dục tư tưởng, tức là mọi người được xác định mục đích cuộc sống của mình, thường xuyên ở vị trí hàng đầu là đề ra cho mình việc hình

thành lòng yêu lao động, tinh cần thận, ngăn nắp và tích cực trong công việc, sáng kiến trong lao động, thống nhất giữa lời nói, việc làm và các phẩm chất cần thiết khác để hoạt động lao động có kết quả. Ý thức và tình cảm đạo đức biểu thị định hướng giá trị của cá nhân. Chúng phần lớn gắn với nhu cầu kích thích hành vi của cá nhân.

Giáo dục lòng yêu lao động, mong muốn lao động và lao động ngày càng có hiệu quả là điều khuyên răn đầu tiên trong giáo dục đạo đức cho mỗi người. Trong lao động con người có được các kỹ năng lao động phù hợp với phẩm chất tâm lý - đạo đức. Lao động không những là nguồn gốc của các giá trị vật chất, mà còn là nguồn gốc của các giá trị tinh thần của cá nhân và xã hội. Ở con người, điều quan trọng là hình thành các phẩm chất đạo đức làm phong phú các quan hệ cá nhân, giao tiếp con người : giản dị trong cách cư xử, khiêm tốn, quan tâm và kính trọng đối với xung quanh, kiềm chế và có tính nguyên tắc trong quan hệ, công việc v.v... Tất cả các phẩm chất đó ở con người chỉ hình thành trong quá trình hoạt động lao động, giao tiếp, giáo dục và tự giáo dục.

Vấn đề tự hoàn thiện về mặt đạo đức - Đây không phải là vấn đề mới được các nhà khoa học nghiên

cứu ; nhưng ở giai đoạn hiện đại nó có nội dung mới, mà xuất phát từ cách hiểu mới về con người. Con người không chỉ là phương tiện để đạt được những mục đích đặt ra, mà còn, và đây là điều chủ yếu, là *mục đích tự thân* của sự phát triển của nó. Ở giai đoạn phát triển hiện đại, con người tự ý thức được rằng, chính con người là giá trị cao nhất trong tất cả các giá trị. Với ý nghĩa đó có thể nói tới sự thay đổi động thái định hướng giá trị của cá nhân ở giai đoạn hiện đại ngày nay và sau này.

Những giá trị truyền thống đã từng là "chất" kích thích tích cực của con người, chẳng hạn "tiền tài, vật chất, quyền lực", chúng đã tác động trong suốt chiều dài lịch sử loài người. Ở giai đoạn hiện đại ngày nay những giá trị này vẫn chưa mất đi ý nghĩa của nó trong cuộc sống của mọi người. Nhưng theo quan điểm của chúng tôi, chúng không nhất thiết khẳng định ý nghĩa của cuộc sống, đây chỉ là các phương tiện, chứ không phải là mục đích tự thân trong đời sống tinh thần của xã hội và của cá nhân. Động thái của hệ thống các giá trị ở giai đoạn hiện đại ngày nay chúng tỏ về tính mâu thuẫn của chúng, về sự xung đột của các động cơ tư lợi và không tư lợi của các hành vi con người. Vai trò kích thích của đồng tiền

trong điều kiện kinh tế thị trường không thể trở thành phương tiện huỷ hoại đạo đức của cá nhân.

Những vấn đề toàn cầu đặt ra trước nhân loại yêu cầu sự hợp tác cùng nhau giải quyết, hơn nữa lại yêu cầu ở trình độ cao của tri thức khoa học, mức độ phát triển cao của văn hoá và tinh thần cao của mọi người. Khoa học và kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, cung cấp những khả năng thay đổi cơ cấu đời sống xã hội. Tư duy mới đem đến cho chúng ta khái niệm về sự tăng trọng và ý nghĩa đặc thù của giá trị con người so với cái "vật chất". Đây là một nét mới trong động thái định hướng giá trị của cá nhân và xã hội. Những nghiên cứu xã hội ở nhiều nước phát triển : Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Liên Xô (cũ) v.v... chứng minh rằng, các mục đích và giá trị đạo đức của nhân loại vẫn vượt lên trên cái vật chất, cái tiêu dùng, cái kinh tế v.v... Chúng xác nhận khuynh hướng giảm xuống của lợi ích đối với những khía cạnh vật chất của đời sống và tăng lên của các nhu cầu thực hiện những giá trị và lý tưởng nhân đạo, trong đó có các giá trị như tự do và thực hiện sáng tạo. Những nghiên cứu này ghi nhận khuynh hướng ngày càng được ưu tiên và nổi trội hơn của các giá trị riêng của con người đối với các giá trị khác. Điều đó chứng tỏ vai trò ngày

càng tăng của nhân tố con người trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và cá nhân. Các giá trị tinh thần của con người thúc đẩy con người phát triển các tiềm lực và khả năng sáng tạo, nâng cao văn hoá đạo đức và văn hoá xã hội của mình với tư cách là giá trị cao nhất. Giải quyết vấn đề con người với tư cách là giá trị cao nhất, chúng ta gặp không ít khó khăn và mâu thuẫn trong tư duy của mọi người và trong quá trình thực tiễn. Cuộc sống hiện nay chưa đem lại cho chúng ta đầy đủ cơ sở để giải quyết vấn đề này. Hay nói cách khác, chúng ta đang đấu tranh để thực hiện các giá trị và lý tưởng đạo đức, nhân đạo, mà loài người từ xưa tới nay vẫn hằng mơ ước. Trong sự tiến bộ xã hội thường xuyên tồn tại những biến thể khác nhau của các giá trị và của các xu hướng tiến hoá của phát triển. Nhiều cái phụ thuộc vào sự lựa chọn của các nhà lãnh đạo và tính tích cực của tất cả mọi người. Trong cuộc sống ta có thể quan sát thấy rằng, sự phát triển được xác định không chỉ bởi cái hoàn cảnh khách quan, mà còn bởi tính tích cực của chính nhân tố con người. Tính tích cực của con người ở mức độ nhất định có thể thay đổi các hoàn cảnh khách quan để đạt được mục đích của mình, phù hợp với xu hướng tất yếu của các hoàn cảnh đó.

Trong quá trình phát triển của nhân loại sự dịch chuyển của các định hướng giá trị được nhận biết khá rõ qua các thời đại lịch sử như là một trong những khuynh hướng chủ đạo. Các dịch chuyển này đúng như Viện sĩ L.P. Buépva đã nhận xét : "Một phổ lớn các giá trị thường xuyên có quan hệ tới các giá trị đặc thù "của con người" là : - lối sống lành mạnh, được dựa trên không phải sự thống trị của con người đối với thiên nhiên, mà trên sự thống nhất, đồng hành, hợp tác, hài hoà với nó"¹.

Một động thái mới trong định hướng giá trị được quan sát thấy cả trong một số biểu hiện sau đây :

- "Chất lượng mới của cuộc sống", bao hàm trong nó sự thay đổi đặc tính của lao động và ý nghĩa của nó, sự phân chia các lợi ích theo cách khác giữa lao động và nhàn rỗi - văn hoá mới của sự nhàn rỗi của con người.

- Văn hoá nhân văn của giao tiếp giữa mọi người, trong đó người khác - không phải là phương tiện để đạt được các mục đích thực dụng, vụ lợi, mà mục đích tự thân nó phải kích thích lợi ích riêng chính đáng của cá nhân.

1. Buépva L.P. Nhân tố con người : tư duy mới và hành động mới. M., 1988, tr.22, tiếng Nga.

- Cuối cùng, cái quan trọng hơn cả - tăng lên nhu cầu trong tự do, tự thực hiện của cá nhân, trong sáng tạo, trong phát triển những khả năng sáng tạo, trong việc làm phong phú cái tinh thần của mình.

Quá trình xác định và phát triển các hình thức mới của sự phồn vinh xã hội - "của đặc thù con người" - là một quá trình lâu dài. Nó cần phải có sự điều khiển có ý thức của nhà nước với sự tham gia của toàn thể nhân dân. Hệ thống mới các kích thích và các động cơ phát triển và hành động của con người chỉ có thể được phát triển và khẳng định trên cơ sở khách quan của nó.

KẾT LUẬN

Đời sống tinh thần của cá nhân - đây là một quá trình phức tạp, trong đó bao gồm đa dạng các khả năng. Không thể thu tóm một quan điểm thống nhất đối với quá trình này. Trong nghiên cứu đời sống tinh thần người ta có thể sử dụng các khía cạnh đa diện cho phép vạch ra tính đa dạng của nó. Xuất phát từ quan niệm về con người với tư cách là chủ thể lịch sử, hoạt động và sáng tạo, với tư cách là giá trị cao nhất và tài sản của tự nhiên và xã hội, chúng tôi cố gắng vạch ra khía cạnh chủ yếu của đời sống tinh thần của cá nhân - khía cạnh giá trị. Theo chúng tôi, nó chiếm vị trí trung tâm và là khía cạnh chủ đạo của đời sống tinh thần của cá nhân. Đúng như A.K.Ulédóp đã nhận xét : "Cá nhân nằm ở tiêu điểm của đời sống tinh thần. Nghiên cứu đời sống tinh thần điều chính yếu là nghiên cứu các cá nhân, nghiên cứu sự hình thành và phát triển của thế giới tinh thần của nó, sự thực hiện các tiềm năng tinh thần trong hoạt động và hành vi"¹. Sự hình thành và phát triển những giá trị tinh thần đánh dấu sự trưởng thành của

1. Ulédóp A.K. Đời sống tinh thần của xã hội. M., 1980, tr.269.

tinh thần trong đời sống xã hội, trong lao động và hoạt động. Thế giới tinh thần phong phú của con người - đây là các giá trị tinh thần đa dạng và phong phú, được tích lũy ở thế giới tâm hồn bên trong của con người. Con người tinh thần - con người có văn hoá, có ý thức, có đạo đức v.v... trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong mọi biểu hiện hành vi hàng ngày. Nếu quan niệm cũ về con người với tư cách là phương tiện để đạt được những mục đích vụ lợi, thực dụng", về các kích thích của con người đó : "Tiền tài, vật chất, quyền lực", thì quan niệm mới về con người với tư cách là giá trị cao nhất góp phần xây dựng một thang mới của sự kích thích con người. Những kích thích đó là mục đích, giá trị, lý tưởng. Chúng là những thành phần hoặc yếu tố của hệ thống đời sống tinh thần của cá nhân. Trong đời sống tinh thần của cá nhân thì sự đối thoại của cá nhân với tư cách là chủ thể - "vật mang" những giá trị tinh thần trở thành phương tiện mạnh mẽ để hình thành và phát triển những giá trị tinh thần. Đối thoại của chủ thể với các chủ thể khác và đối thoại với chính mình là hình thành quá trình giao tiếp và tự giao tiếp của cá nhân. Giao tiếp và tự giao tiếp - điều kiện quan trọng để hình thành và phát triển con người với tư cách là giá trị cao nhất. Chúng tôi đưa ra những vấn đề có tính

chất phương pháp luận để nghiên cứu đời sống tinh thần của cá nhân chỉ có tính chất như sự mở đầu giải quyết một vấn đề hết sức phức tạp, phong phú, đòi hỏi sự tăng cường sức lực của các nhà khoa học - các nhà nghiên cứu từ các khía cạnh khác, để vạch ra đầy đủ bản chất của đời sống tinh thần.

Giải quyết những vấn đề đặt ra, theo chúng tôi, cho phép xem xét lĩnh vực tinh thần là lĩnh vực độc lập tương đối của cuộc sống của mọi người và bản thân đời sống tinh thần của cá nhân là một hệ thống phức tạp, mà nó có quan hệ biện chứng với các hệ thống khác của đời sống con người. Trong khi xem xét, chúng tôi hy vọng phân biệt rõ ràng ranh giới giữa giao tiếp và hoạt động (những vấn đề xưa nay thường gây nhiều tranh cãi và chưa có quan điểm thống nhất) trong đời sống tinh thần của cá nhân, để phân biệt và xác định chức năng, vai trò của chúng trong đời sống tinh thần. Hơn nữa, chúng ta có thể nghiên cứu sự dịch chuyển và khuynh hướng thay đổi, phát triển của những giá trị tinh thần trong lịch sử nhân loại. Cuối cùng, chúng ta có thể tìm hiểu bản chất của con người - xã hội với tư cách là giá trị cao nhất - "vật mang" các lý tưởng tự do, đạo đức và nhân văn.

Thực hiện những giá trị tinh thần trong đời sống tinh thần của cá nhân - Đây trước hết là quá trình tích cực của chính cá nhân đó, quá trình kích thích một cách có ý thức bởi xã hội. Giáo dục và tự giáo dục của cá nhân với nội dung mới, tương ứng với tư duy triết học mới - là nhiệm vụ của thời gian.